



ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ TẠI EU: TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DÀNH CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN TỪ NƯỚC NGOÀI EU







ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ TẠI EU: TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DÀNH CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN TỪ NƯỚC NGOÀI EU

Bản quyền tiếng Việt của Dự án Hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư của châu Âu (EU-MUTRAP) và Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam (Bộ Khoa học và Công nghệ).

Cuốn sách này được biên soạn và dịch với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh châu Âu. Quan điểm trong cuốn sách này là của các tác giả và do đó không thể hiện quan điểm chính thức của Liên minh châu Âu, Bộ Công Thương cũng như của Cục Sở hữu trí tuệ.

LỜI MỞ ĐẦU

Quyền sở hữu các tài sản trí tuệ đang ngày càng trở thành quyền tài sản quan trọng của các cá nhân, tổ chức và toàn bộ nền kinh tế trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế đất nước. Bên cạnh quyền tác giả và quyền đối với giống cây trồng mới, tài sản trí tuệ còn bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và bí mật kinh doanh, v.v... Chúng là sản phẩm của hoạt động trí tuệ con người, tồn tại dưới dạng thông tin và tri thức. Các sản phẩm trí tuệ này là một trong số những nhân tố quyết định trong việc là tăng giá trị của sản phẩm và dịch vụ, cũng như khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế quốc gia.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, ngày càng có nhiều tổ chức, cá nhân ý thức được tầm quan trọng của việc bảo hộ các tài sản trí tuệ nói chung và chỉ dẫn địa lý nói riêng, không chỉ ở trong nước mà còn cả ở nước ngoài, đặc biệt là ở các thị trường xuất khẩu, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích, nâng cao năng lực cạnh tranh, cũng như thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Để giúp các chủ sở hữu tài sản trí tuệ Việt Nam đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ dưới dạng chỉ dẫn địa lý của mình tại Liên minh châu Âu (EU), Dự án Hỗ trợ Chính sách Thương mại và Đầu tư của châu Âu (EU-MUTRAP) đã phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) biên soạn Tài liệu hướng dẫn về đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU.

Thông qua Tài liệu này, các chủ thể chỉ dẫn địa lý của Việt Nam sẽ hiểu rõ hơn các hình thức bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại EU, các đối tượng được bảo hộ, các tiêu chuẩn bảo hộ, quy trình và thủ tục bảo hộ, v.v. Tài liệu cũng sẽ phân tích một ví dụ thực tế từ chỉ dẫn địa lý đầu tiên của Việt Nam được đăng ký bảo hộ thành công ở EU (nước mắm Phú Quốc) để người đọc có thêm thông tin thực tiễn về việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại EU.

Hy vọng cuốn sách sẽ góp phần nâng cao nhận thức của các chủ thể quyền về bảo hộ chỉ dẫn địa lý và giúp các đối tượng quan tâm đăng ký thành công nhiều chỉ dẫn địa lý của Việt Nam tại EU.

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN



Bùi Huy Sơn

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| GIỚI THIỆU CHUNG | 5 |
| TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VỀ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ..... | 6 |
| 1. TỔNG QUAN VỀ CDĐL Ở EU..... | 9 |
| 1.1 Định nghĩa về CDĐL ở EU..... | 10 |
| 1.2. Tên gọi của sản phẩm có thể được bảo hộ CDĐL..... | 13 |
| 1.3. Tên gọi KHÔNG được bảo hộ chỉ dẫn địa lý | 15 |
| 1.4. Các vấn đề quan trọng cần lưu ý trước khi quyết định nộp đơn đăng ký CDĐL tại EU từ một nước ngoài EU | 17 |
| 2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU | 19 |
| 2.1 Đơn đăng ký CDĐL..... | 20 |
| 2.1.1 Bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm..... | 21 |
| 2.1.2 Thông tin bổ trợ..... | 29 |
| 2.1.3 Bản tóm tắt..... | 30 |
| 2.2 Quy trình đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU..... | 34 |
| 2.3 Chi phí đăng ký chỉ dẫn địa lý..... | 39 |
| 2.4 Những thách thức khi đăng ký CDĐL ở EU..... | 40 |
| 3. KHI CDĐL ĐƯỢC ĐĂNG KÝ Ở EU | 41 |
| 3.1 Sử dụng biểu trưng CDĐL của EU..... | 42 |
| 3.2 Phạm vi bảo hộ | 44 |
| 3.3 Kiểm soát CDĐL và thực thi bảo vệ CDĐL tại EU | 45 |
| 4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ VIỆC ĐĂNG KÝ CDĐL CỦA VIỆT NAM..... | 47 |
| 5. NGUỒN THÔNG TIN HỮU ÍCH..... | 51 |
| KẾT LUẬN | 56 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO: ĐƠN ĐĂNG KÝ TÊN GỌI XUẤT XỨ “NƯỚC MẮM PHÚ QUỐC” | 57 |

GIỚI THIỆU CHUNG

Những vùng lãnh thổ nhỏ biệt lập và các khu vực địa lý lớn hoặc thậm chí các quốc gia trên thế giới có các yếu tố không thuận lợi về khí hậu, vị trí địa lý, v.v., thường rơi vào thế bất lợi khi tiếp cận thị trường toàn cầu. Tuy nhiên, những khu vực này lại thường được hưởng lợi từ sự đa dạng sinh học độc đáo, tri thức bản địa và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú - những yếu tố mà khi kết hợp với các yếu tố lịch sử và văn hóa, sẽ mang lại những nét đặc trưng độc đáo cho các sản phẩm truyền thống của địa phương, tạo nên giá trị cạnh tranh cho các sản phẩm đó trên thị trường quốc tế. Những sản phẩm mà chất lượng và tính chất đặc thù chủ yếu có được do nguồn gốc địa lý của chúng, từ khí hậu, đất đai, con người và các yếu tố khác, được gọi chung là “**chỉ dẫn địa lý**”.

Chỉ dẫn địa lý (CDĐL) là một loại quyền sở hữu trí tuệ, gồm các từ ngữ (thường là tên địa danh) được dùng để chỉ chất lượng, uy tín và các đặc trưng khác của sản phẩm gắn với nguồn gốc địa lý của chúng. Rượu vang, rượu mạnh, nông sản và thực phẩm, và sản phẩm thủ công mỹ nghệ (ở một số nước), thực sự có nguồn gốc từ một vùng lãnh thổ nhất định, đều có thể được công nhận và bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Chỉ dẫn địa lý là một khái niệm có ý nghĩa quốc tế. Ngày nay, mọi quốc gia trên thế giới đều cho rằng các nông sản hoặc sản phẩm truyền thống của họ gắn liền với các yếu tố văn hóa và ẩm thực, được coi như là biểu tượng lịch sử của quốc gia hoặc cộng đồng. Bên cạnh đó, sự khác biệt về truyền thống và lịch sử cũng chính là một phần của ước vọng phát triển kinh tế. Bằng chứng cho điều này là đã có hơn **10.000 chỉ dẫn địa lý được bảo hộ trên thế giới, với giá trị giao dịch thương mại ước đạt 50 tỷ đôla Mỹ.** Chính vì vậy, CDĐL đã khẳng định được vị trí của mình trong quá trình toàn cầu hóa những đặc điểm khác biệt - kết quả của sự đa dạng văn hóa ở các nước trên thế giới.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VỀ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Từ năm 1996, Việt Nam đã xây dựng một hệ thống bảo hộ chỉ dẫn địa lý mà hiện tại được pháp điển hóa trong **Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005¹**, được sửa đổi và bổ sung năm 2009² và các văn bản hướng dẫn thi hành³. Ngày càng có nhiều CDĐL của Việt Nam được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (**Cục Sở hữu trí tuệ - NOIP**) đăng ký bảo hộ, bao gồm một số sản phẩm nổi tiếng như nước mắm Phú Quốc, cà phê Buôn Ma Thuột, thanh long Bình Thuận, hồi Lạng Sơn và xoài cát Hòa Lộc, v.v.



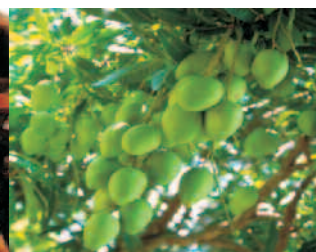
*Cà phê
Buôn Ma Thuột*



*Thanh long
Bình Thuận*



*Hồi
Lạng Sơn*



*Xoài cát
Hòa Lộc*

¹ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

² Luật Số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

³ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006.

Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006.

Nghị định số 106/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006.

Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007.

Bên cạnh việc bảo đảm về nguồn gốc và chất lượng sản phẩm, **CDĐL còn là một công cụ tiếp thị hữu hiệu trên thị trường quốc tế khi được bảo hộ ở nước ngoài**. Vì vậy, để thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm của Việt Nam vào Liên minh châu Âu (EU), trong khuôn khổ **Dự án Hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư của châu Âu (EU-MUTRAP)**, Bộ Công Thương đã phối hợp với Ủy ban châu Âu (EC) và Cục Sở hữu trí tuệ (NOIP) xây dựng cuốn **Tài liệu Hướng dẫn về CDĐL** nhằm cung cấp cho các chủ thể quyền chỉ dẫn địa lý các thông tin liên quan đến việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại EU.

Tài liệu này sẽ hướng dẫn người nộp đơn về thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý ở EU, giải thích các yêu cầu chính cần phải tuân thủ và các nội dung cần phải có trong đơn. Ngoài ra, Tài liệu cũng sẽ lý giải về các khía cạnh liên quan đến bảo hộ, kiểm soát và thực thi - những yếu tố cần thiết để đăng ký CDĐL ở EU và kết thúc bằng câu chuyện về sự thành công đáng khích lệ của một CDĐL đã trải qua tất cả các thủ tục quy định để trở thành CDĐL đầu tiên của Việt Nam được đăng ký bảo hộ ở EU.

1. TỔNG QUAN VỀ CDĐL Ở EU

1. TỔNG QUAN VỀ CDĐL Ở EU

Người dân và người tiêu dùng ở EU ngày càng có nhu cầu cao hơn về các sản phẩm truyền thống có chất lượng và có tính chất đặc thù, đặc biệt là những tính chất gắn với nguồn gốc địa lý.⁴

Ngoài ra, **các nhà sản xuất** cần có công cụ phù hợp để chỉ dẫn và quảng bá tốt hơn về các sản phẩm có tính chất đặc thù gắn với nguồn gốc địa lý, đồng thời giúp họ chống lại các hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Hệ thống hữu ích cho cả người tiêu dùng và nhà sản xuất này lý giải cho những **ưu tiên của EU trong việc xây dựng một hệ thống riêng**⁵ để bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại 28 nước thành viên.⁶

Hệ thống CDĐL ở EU được áp dụng cho ba loại sản phẩm: rượu vang, rượu mạnh, nông sản và thực phẩm - hai loại sản phẩm cuối thường là các sản phẩm dùng cho người, tuy nhiên trong một số trường hợp có thể không phải là sản phẩm dùng cho người. Những địa danh gắn với các loại sản phẩm này có thể được công nhận và bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại EU nếu chúng thuộc vào phạm vi điều chỉnh của các Quy chế EU liên quan và đáp ứng các điều kiện được quy định của EU.



Rượu vang



Rượu mạnh



Nông sản và thực phẩm

1.1 Định nghĩa về CDĐL ở EU

Pháp luật EU có các định nghĩa khác nhau về chỉ dẫn địa lý, tùy thuộc vào loại sản phẩm:

a. Rượu vang⁷: gồm có định nghĩa về tên gọi xuất xứ (Designation of Origin - DO) và Chỉ dẫn địa lý (Geographical Indication - GI), tùy thuộc vào tính chất đặc thù của sản phẩm rượu vang.

“**Tên gọi xuất xứ**” là tên của một khu vực, một địa phương hoặc, trong trường hợp đặc biệt, một quốc gia được dùng để chỉ sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- chất lượng và tính chất đặc thù của sản phẩm chủ yếu hoặc hoàn toàn có được do môi trường địa

⁴ Một nghiên cứu gần đây (do EC tài trợ tháng 10/2012) đã kết luận rằng, trong giai đoạn 2005 – 2010, sản phẩm được bảo hộ CDĐL có giá bán trung bình cao gấp 2,23 lần so với sản phẩm không được bảo hộ CDĐL. Một khảo sát về người tiêu dùng ở Mỹ (do DeCarlo, Pirog và Franck thực hiện năm 2005) cho thấy 72% số người được hỏi cho rằng các đặc điểm địa lý như đất có ảnh hưởng đến hương vị và chất lượng của thực phẩm. Một nghiên cứu lớn hơn của EU thực hiện năm 1999 đối với 20.000 người tiêu dùng liên quan đến mua các sản phẩm mang CDĐL cho thấy quyết định mua hàng của 37% số người được hỏi dựa trên sự bảo đảm về nguồn gốc, 35% dựa trên chất lượng, 31% dựa trên địa điểm xuất xứ đặc biệt và phương pháp sản xuất sản phẩm, và 16% dựa trên các yếu tố truyền thống khác.

⁵ Hệ thống bảo hộ riêng (sui generis) là một thuật ngữ trong tiếng Latin, có nghĩa là chủng loại hoặc các đặc tính riêng hoặc độc nhất. Hệ thống bảo hộ riêng đối với CDĐL là hệ thống có các quy định pháp luật riêng, coi CDĐL là một đối tượng riêng, độc lập của quyền sở hữu trí tuệ

⁶ Tính đến tháng 6/2014, có 28 nước thành viên của EU gồm Áo, Bỉ, Bulgaria, Croatia, Síp, CH Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary, Ireland, Ý, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển và Vương quốc Anh.

⁷ CDĐL rượu vang được điều chỉnh theo Quy chế (EU) số 1308/2013 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu ngày 17/12/2013 về thành lập thị trường nông sản chung. Quy định chi tiết về thực hiện các quy định liên quan đến tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý có trong các Quy chế Ủy ban số 607/2009 ngày 14/7/2009 và số 538/2011 ngày 01/6/2011 và Quy chế hướng dẫn thi thành của Ủy ban số 670/2011 ngày 12/7/2011.

lý, với các yếu tố tự nhiên và con người cụ thể;

- nho để sản xuất rượu vang hoàn toàn được trồng trong khu vực địa lý;
- việc sản xuất được thực hiện trong khu vực địa lý;
- nho phải thuộc giống *Vitis vinifera*.

“**Chỉ dẫn địa lý**” là dấu hiệu chỉ dẫn một khu vực, một địa điểm, hoặc trong trường hợp đặc biệt, một quốc gia được dùng để chỉ sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- chất lượng, danh tiếng cụ thể hoặc các tính chất đặc thù khác có được do nguồn gốc địa lý;
- ít nhất 85% nho dùng để sản xuất rượu vang phải được trồng hoàn toàn tại khu vực địa lý;
- việc sản xuất phải được thực hiện trong khu vực địa lý;
- nho phải thuộc giống *Vitis vinifera* hoặc lai chéo giữa giống *Vitis vinifera* và các giống khác thuộc chi *Vitis*.

b. Rượu mạnh⁸: Khác với rượu vang, nông sản và thực phẩm, rượu mạnh chỉ có một định nghĩa CDĐL mà không có sự phân biệt giữa tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý, cụ thể:

Đối với rượu mạnh, “**chỉ dẫn địa lý**” là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm rượu có xuất xứ từ lãnh thổ của một quốc gia, khu vực hoặc địa phương nếu chất lượng, danh tiếng hoặc các tính chất đặc thù khác của sản phẩm chủ yếu có được do nguồn gốc địa lý của nó.

c. Nông sản và thực phẩm⁹: Có hai định nghĩa về chỉ dẫn địa lý (tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý) đối với nông sản và thực phẩm.

“**Tên gọi xuất xứ**” dùng để chỉ sản phẩm:

- có xuất xứ từ một địa phương, khu vực hoặc, trong trường hợp đặc biệt, một quốc gia cụ thể;
- chất lượng hoặc tính chất đặc thù của sản phẩm chủ yếu hoặc hoàn toàn có được do môi trường địa lý, với các yếu tố tự nhiên và con người cụ thể; và
- tất cả khâu sản xuất phải được thực hiện trong khu vực địa lý xác định.

“**Chỉ dẫn địa lý**” dùng để chỉ sản phẩm:

- có nguồn gốc từ một địa phương, khu vực hoặc quốc gia cụ thể;
- chất lượng, danh tiếng hoặc các đặc điểm khác của sản phẩm chủ yếu có được do nguồn gốc địa lý; và
- ít nhất một trong số các khâu sản xuất được thực hiện trong khu vực địa lý xác định.

Ngoài ra, **một số tên gọi có thể được bảo hộ chỉ dẫn địa lý ngay cả khi nguyên liệu của sản phẩm đó có nguồn gốc từ một khu vực địa lý rộng hơn hoặc khác với khu vực địa lý xác định**, với điều kiện là:

- khu vực sản xuất nguyên liệu phải được xác định;
- có các điều kiện đặc biệt để sản xuất nguyên liệu;
- có các quy định kiểm soát chất lượng một cách chặt chẽ; và
- tên gọi xuất xứ liên quan đã được bảo hộ ở nước xuất xứ trước ngày 01/5/2004.

Lưu ý: Trong định nghĩa này, nguyên liệu được hiểu là động vật sống, thịt và sữa.

⁸ CDĐL đối với rượu mạnh được quy định tại Quy chế Ủy ban số 110/2008 ngày 15/01/2008.

⁹ Nông sản và thực phẩm được điều chỉnh theo Quy chế EU số 1151/2012 ngày 21/11/2012, các quy định chi tiết thi hành các quy định liên quan đến tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý có trong Quy chế Ủy ban (EU) số 664/2014 ngày 18/12/2013 và Quy chế thi hành của Ủy ban (EU) số 668/2014 ngày 13/6/2014.

1. TỔNG QUAN VỀ CDĐL Ở EU

Điều quan trọng là người nộp đơn phải hiểu được **sự khác biệt cơ bản giữa tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý** (trừ rượu mạnh) để từ đó lựa chọn hình thức phù hợp nhất khi đăng ký bảo hộ cho sản phẩm của mình tại châu Âu:

| Yếu tố | Tên gọi xuất xứ | Chỉ dẫn địa lý |
|---|---|---|
| Nguyên liệu | Phải có nguồn gốc từ khu vực địa lý xác định. <i>Ngoại lệ: nông sản và thực phẩm (đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật, thức ăn có nguồn gốc từ ngoài khu vực địa lý phải không quá 50% trong tổng số thức ăn khô mỗi năm.</i> | Không nhất thiết phải từ khu vực địa lý xác định. <i>Ngoại lệ: Rượu vang (phải có ít nhất 85% từ khu vực địa lý xác định + 15% từ khu vực khác trong lãnh thổ của nước thành viên EU).</i> |
| Chất lượng hoặc tính chất đặc thù | Chủ yếu hoặc hoàn toàn có được do nguồn gốc địa lý (các yếu tố tự nhiên và con người). | Chủ yếu có được do nguồn gốc địa lý. Có danh tiếng. |
| Mối liên hệ giữa khu vực địa lý và tính chất đặc thù | Khách quan hơn/mạnh hơn. | Cần thiết, nhưng không phải là chủ yếu hoặc hoàn toàn. |
| Các khâu sản xuất (nuôi trồng, chế biến và đóng gói) | Tất cả PHẢI diễn ra trong khu vực địa lý. | Ít nhất một trong số các khâu phải diễn ra trong khu vực địa lý. <i>Ngoại lệ: Rượu vang (tất cả khâu phải diễn ra trong khu vực địa lý).</i> |

Có thể thấy rằng sự khác nhau giữa tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý có thể nảy sinh từ mối liên hệ giữa sản phẩm và nguồn gốc xuất xứ, nguồn nguyên liệu hoặc khu vực sản xuất. Rõ ràng rằng **sự gắn kết về mặt địa lý của tên gọi xuất xứ là mạnh hơn so với chỉ dẫn địa lý**, nhưng điều đó không có nghĩa là chất lượng của sản phẩm mang tên gọi xuất xứ tốt hơn hoặc kém hơn so với chất lượng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý. Cả hai hình thức này đều được dùng để bảo hộ các sản phẩm có chất lượng khác biệt do nguồn gốc địa lý mang lại. Minh chứng cho điều này là **EU đã trao quyền bảo hộ giống nhau cho cả tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý nếu được bảo hộ**.

Ví dụ: Tại EU, **gạo Arroz de Valencia** (Tây Ban Nha) được bảo hộ tên gọi xuất xứ, trong khi **gạo Riso del Delta del Po** (Ý) được bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Khác biệt chính giữa hai sản phẩm được bảo hộ tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý này liên quan đến các công đoạn sản xuất. Đối với gạo mang tên gọi xuất xứ Arroz de Valencia, bản mô tả sản phẩm nêu rõ tất cả công đoạn (trồng lúa, chế biến và đóng gói) được thực hiện trong khu vực xuất xứ. Trong khi đó, bản mô tả gạo mang chỉ dẫn địa lý Riso del Delta del Po chỉ ghi nhận “do những điều kiện cụ thể tạo nên tính chất đặc thù đối với sự phát triển của cây lúa, công đoạn trồng trọt phải được thực hiện tại khu vực địa lý”, nhưng không quy định việc sấy khô và chế biến cũng phải được thực hiện trong khu vực địa lý, mà chỉ cần tuân thủ các quy tắc chế biến và đóng gói theo quy định. Dù vậy, **cả hai sản phẩm gạo mang tên gọi xuất xứ Arroz de Valencia và chỉ dẫn địa lý Riso del Delta del Po đều nhận được sự bảo hộ giống nhau ở EU.**

1.2. Tên gọi của sản phẩm có thể được bảo hộ CDĐL

Tên địa danh của các loại sản phẩm dưới đây có thể được bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại EU:

- a. Rượu vang:** EU quy định một **danh mục các sản phẩm rượu vang có thể được bảo hộ tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý**. Danh mục này bao gồm rượu vang, rượu vang mùi, rượu vang nổ có mùi, rượu vang nổ, rượu vang nổ có ga, nho lên men một phần, rượu vang làm từ nho khô và rượu vang làm từ nho chín và các sản phẩm rượu vang khác.

Điều quan trọng cần lưu ý là **một số chỉ dẫn địa lý rượu vang của các nước ngoài EU đã được bảo hộ tại EU thông qua các hiệp định song phương hoặc quyết định đặc biệt**. Ví dụ: *rượu vang Napa Valley (Mỹ)* và *rượu vang Vale dos Vinhedos (Brazil)*.

- b. Rượu mạnh:** **Tất cả rượu mạnh** bán trên thị trường EU, dù được sản xuất ở bên trong hay bên ngoài lãnh thổ EU, hay được sản xuất trong EU để xuất khẩu, đều có thể được bảo hộ CDĐL. Quy định của EU cũng áp dụng đối với việc sử dụng **Ê-ta-nol và/hoặc các sản phẩm chưng cất từ nông sản** để sản xuất rượu mạnh và sử dụng tên gọi của rượu mạnh dưới dạng thực phẩm và ghi nhãn thực phẩm.

Quy chế của EU quy định **một danh mục các sản phẩm rượu mạnh có thể được bảo hộ chỉ dẫn địa lý**, bao gồm rượu rum, rượu whisky, rượu làm từ ngũ cốc, rượu nho, rượu brandy, rượu làm từ bã nho, rượu trái cây, rượu táo và rượu lê, rượu vốt-ka, rượu geist, rượu làm từ cây khổ sâm, rượu có hương, rượu aquavit, rượu hương hồi, rượu chưng cất từ hồi, rượu đắng, rượu mùi, rượu kem, rượu làm từ quả óc chó và các loại rượu khác.

Hiện nay, chỉ có một số ít rượu mạnh của các nước ngoài EU được bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại EU. Ví dụ: *rượu Rum của Guatemala* và *Pisco từ Peru*.

Một số loại rượu mạnh khác cũng được bảo hộ chỉ dẫn địa lý thông qua các hiệp định song phương giữa EU và nước khác. Ví dụ: *rượu Tequila* và *rượu Mezcal (Mê-hi-cô)*, *rượu Bourbon Whisky* và *rượu Tennessee Whisky (Mỹ)*.

- c. Nông sản và thực phẩm:** Không phải tất cả nông sản và thực phẩm đều có thể được bảo hộ tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý. EU chỉ bảo hộ các đối tượng sau:

Ví dụ: *Chỉ dẫn địa lý thịt Carn d'Andorra (An-đô-ra)*.

- **Nông sản dùng cho người** được quy định tại Phụ lục I của Hiệp ước¹⁰ gồm các nông sản cơ bản như thịt, sữa, các sản phẩm tiêu dùng, cá, trái cây và rau quả.
- **Một số thực phẩm** được liệt kê tại Phụ lục I Quy chế số 1151/2012, như bia, sô-cô-la và các sản phẩm chế biến từ sô-cô-la, bánh mì, bánh nướng, bánh ngọt, bánh kẹo, bánh quy và các loại bánh khác, đồ uống chiết xuất từ thực vật, mì, muối, kẹo gồm tự nhiên, kẹo và mù tạt.

Ví dụ: *Tên gọi xuất xứ trà Long Tỉnh (龙井茶 - Trung Quốc) hoặc chỉ dẫn địa lý Café de Colombia (Cô-lôm-bi-a)*.

¹⁰ Hiệp ước quy định về chức năng của Liên minh châu Âu (bản tổng hợp năm 2012).

1. TỔNG QUAN VỀ CDĐL Ở EU

- **Một số nông sản không dùng cho người** cũng được liệt kê tại Phụ lục I Quy chế số 1151/2012, như cỏ khô, tinh dầu, phẩm yếm chi, hoa và cây cảnh, bông, len, đồ đan, lanh xơ, da, lông thú và lông.

Ví dụ: các tên gọi xuất xứ tinh dầu Bergamotto di Reggio Calabria (Ý), len tự nhiên Shetland (Vương quốc Anh).

Điều quan trọng cần lưu ý là cho đến nay chưa có chỉ dẫn địa lý nào của các nước ngoài EU được đăng ký cho các nông sản không dùng cho người.

- **Giấm** (một đối tượng đặc biệt không thuộc rượu vang và rượu mạnh).

Ví dụ: Chỉ dẫn địa lý giấm gạo Trấn Giang (镇江香醋 - Trung Quốc)

d. Sản phẩm thủ công mỹ nghệ và công nghiệp: Như đề cập ở trên, tên gọi của một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ được sản xuất từ sản phẩm nông nghiệp cũng đang được xem xét để đưa vào Quy chế bảo hộ chỉ dẫn địa lý của EU, cho dù các nông sản này không dùng cho người. **Chỉ dẫn địa lý dùng cho các sản phẩm này phải được đăng ký bảo hộ ở cấp độ EU**, theo trình tự thủ tục đăng ký quy định - tương đối giống với thực phẩm và nông sản.

Ngoài các sản phẩm nêu trên, các sản phẩm nông nghiệp phi thực phẩm và sản phẩm công nghiệp khác không được bảo hộ theo Quy chế của EU. Hiện tại, **không có quy định pháp lý để đăng ký bảo hộ CDĐL cho các sản phẩm thực phẩm phi nông nghiệp tại EU**. Các sản phẩm chỉ dẫn địa lý phi nông nghiệp chỉ có thể được bảo hộ theo pháp luật quốc gia (ở khoảng 13 nước thành viên EU), nhưng việc bảo hộ này không có hiệu lực trên toàn lãnh thổ EU.

Ví dụ:

| NƯỚC | SẢN PHẨM | QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUỐC GIA |
|---|---|---|
| Ý | Thủy tinh | Được bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho các nhà sản xuất thủy tinh trên đảo Murano, theo Luật khu vực số 70 ngày 23/12/1994, theo đó việc quản lý nhãn hiệu "Thủy tinh Murano" được giao cho Nghiệp đoàn Promovetro và được gia hạn theo Nghị quyết của Hội đồng khu vực ngày 29/12/2011. |
| Đức | Dao, kéo, dụng cụ cắt gọt, lưỡi dao cạo, v.v. | Bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo Nghị định Solingen ngày 16/12/1994. |
| Bulgaria, Pháp, CH Séc, Ba Lan, Bồ Đào Nha và một số nước khác | Hàng thủ công nghiệp và mỹ nghệ | Một số nước bảo hộ sản phẩm thủ công nghiệp và mỹ nghệ thông qua Hệ thống bảo hộ chỉ dẫn địa lý riêng theo pháp luật quốc gia. |

Trong những năm gần đây, Tổng vụ Thị trường và Dịch vụ nội khối (Ủy ban châu Âu) đã thực hiện một số nghiên cứu để đánh giá tính khả thi của việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm phi nông nghiệp ở thị trường khu vực.¹¹ Tuy nhiên, trước khi Ủy ban châu Âu có quyết định cuối cùng thì việc bảo hộ **chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm phi nông nghiệp vẫn chưa rõ ràng, và việc bảo hộ trên toàn lãnh thổ 28 nước thành viên EU chỉ có thể được thực hiện đối với các sản phẩm phi nông nghiệp và công nghiệp bằng cách đăng ký Nhãn hiệu tập thể cộng đồng.**

1.3. Tên gọi KHÔNG được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Khi đánh giá khả năng đăng ký bảo hộ của một tên gọi (cho rượu vang, rượu mạnh, nông sản và thực phẩm), điều quan trọng cần lưu ý là tên gọi đó có thể **KHÔNG** được bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở châu Âu nếu:

- **Tên gọi đã trở thành tên gọi chung:** Theo pháp luật EU, “tên gọi chung là tên của một sản phẩm, dù đó là tên của một địa danh, khu vực hay quốc gia nơi sản phẩm được tạo ra hoặc đưa ra thị trường, đã trở thành tên gọi chung của một loại sản phẩm tại EU”.

Ví dụ: Tên gọi **“Feta”** được đăng ký tên gọi xuất xứ cho sản phẩm phô mát được sản xuất từ sữa cừu và sữa dê ở Hy Lạp. Đan Mạch, Đức và Pháp đã phản đối việc đăng ký này. Các nước này đã cung cấp các thông tin liên quan đến sản xuất, tiêu thụ và nhận thức của người tiêu dùng về tên gọi **“Feta”** để trình lên Ủy ban khoa học (của EC) để kiểm tra. Ủy ban khoa học kết luận rằng việc sản xuất và tiêu thụ phô mát **“Feta”** tập trung chủ yếu ở Hy Lạp và trong tâm trí của người tiêu dùng thuật ngữ **“Feta”** gắn liền với xuất xứ từ Hy Lạp, do vậy tên gọi này không phải là tên gọi chung trên lãnh thổ EU. Theo đó, Ủy ban đã thông qua kết luận rằng thuật ngữ **“Feta”** không phải là tên gọi chung và năm 2002, Ủy ban châu Âu đã đồng ý bảo hộ tên gọi xuất xứ cho **“Feta”**.

- **Tên gọi xung đột với tên của một giống cây trồng hoặc vật nuôi** và có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thực sự của sản phẩm.

Ví dụ: Những tên gọi như **“Typica”, “Bourbon”, “Caturra”** hoặc tên gọi của giống cà phê **Abarica**, v.v. sẽ không được đăng ký chỉ dẫn địa lý.

- **Tên gọi đồng âm¹² một phần hoặc toàn bộ với một tên gọi đã được bảo hộ ở EU**, trừ khi có sự phân biệt đầy đủ trên thực tế về điều kiện sử dụng tại địa phương và theo truyền thống, cũng như về sự thể hiện của thuật ngữ đồng âm đăng ký sau so với tên gọi đã có trong Đăng bạ, có lưu ý đến sự cần thiết phải đối xử công bằng giữa các nhà sản xuất có liên quan và bảo đảm rằng người tiêu dùng không bị nhầm lẫn.

Ví dụ: sản phẩm thịt **“Jambon d’Ardenne”** của Bỉ và sản phẩm thịt **“Jambon sec et noix de jambon sec des Ardennes”** của Pháp đều được đăng ký chỉ dẫn địa lý ở EU, có xuất xứ từ các khu vực địa lý khác nhau, nhưng có cùng tên gọi và cho cùng sản phẩm.

¹¹ Nghiên cứu về bảo hộ CDDL cho các sản phẩm phi nông nghiệp ở thị trường nội khối, ngày 22/3/2013

¹² Thuật ngữ đồng âm là những từ ngữ được đánh vần và/hoặc phát âm giống nhau nhưng có nghĩa khác nhau.

1. TỔNG QUAN VỀ CDĐL Ở EU

Ngoài ra, tên gọi đồng âm nhằm lừa dối người tiêu dùng rằng sản phẩm đó có xuất xứ từ một lãnh thổ khác sẽ không được đăng ký ngay cả khi đó là tên gọi của vùng khu vực địa lý, khu vực hoặc nơi xuất xứ thực tế của sản phẩm liên quan.

- Tên gọi mà việc đăng ký tên gọi đó nhằm **lừa dối người tiêu dùng về danh tính đích thực của sản phẩm** (liên quan đến danh tiếng và uy tín của một nhãn hiệu và thời gian nhãn hiệu đó đã được sử dụng).

Điều quan trọng cần lưu ý là nếu một nhãn hiệu đã được nộp đơn, được đăng ký hoặc được xác lập quyền thông qua sử dụng theo quy định của pháp luật liên quan một cách trung thực tại lãnh thổ EU, trước ngày mà đơn đăng ký tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý được nộp cho Ủy ban, thì vẫn tiếp tục được sử dụng và gia hạn hiệu lực cho sản phẩm liên quan ngay cả khi tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý được đăng ký, với điều kiện là không có căn cứ để đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực của nhãn hiệu. Trong trường hợp này, việc sử dụng tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý được bảo hộ, cũng như việc sử dụng nhãn hiệu liên quan là được phép. Đây là **nguyên tắc đồng tồn tại**.

Nói cách khác, **nhãn hiệu có trước có thể tiếp tục được sử dụng và gia hạn hiệu lực trong lãnh thổ EU ngay cả khi có chỉ dẫn địa lý được đăng ký cho cùng sản phẩm** nếu nhãn hiệu đó được đăng ký một cách trung thực trước chỉ dẫn địa lý được bảo hộ và không có căn cứ để đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực của nhãn hiệu.

Ví dụ: Vụ kiện C-343/07 giữa Công ty Bavaria NV và Hiệp hội Bavaria Italia Srl v Bayerischer Brauerbund, tại Tòa án Cộng đồng châu Âu, ngày 02/7/2009. Công ty Bavaria NV của Hà Lan bắt đầu sử dụng tên gọi "Bavaria" từ năm 1925 và trở thành tên công ty vào năm 1930. Trong khi đó, Bayern Italia Srl v Bayerischer Brauerbund là một hiệp hội đã tồn tại từ lâu đời của các nhà sản xuất bia vùng Bavaria - chủ sở hữu tên gọi xuất xứ "Bayerisches Bier" cho sản phẩm bia vùng Bavaria được đăng ký bảo hộ năm 2001. Kết quả vụ kiện của các chủ sở hữu tên gọi xuất xứ đối với Công ty Bavaria NV là Tòa án châu Âu khẳng định nguyên tắc đồng tồn tại, cho rằng nhãn hiệu của bên bị kiện đã được đăng ký trước ngày nộp đơn đăng ký tên gọi xuất xứ "Bayerisches Bier" (có chứa thuật ngữ "Bavaria") nên tiếp tục được sử dụng.

- **Tên gọi phi địa danh**, trừ khi hoặc chỉ khi chứng minh được rằng sản phẩm cụ thể có mối liên hệ mật thiết với khu vực địa lý xác định.

Ví dụ: Tên gọi xuất xứ Feta, được đăng ký ở EU năm 2002 cho sản phẩm phô mai trắng, được bảo quản trong nước muối và được sản xuất bằng phương pháp truyền thống, hoàn toàn bằng sữa cừu hoặc từ một hỗn hợp sữa cừu và sữa dê, với tỷ lệ sữa dê không vượt quá 30% tổng trọng lượng tịnh của sữa, trên các khu vực của Hy Lạp gồm: Macedonia, Thrace, Thessaly, đại lục Hy Lạp, bán đảo Peloponnese và quận Lesbos. Không nơi nào ở trên có địa danh "feta", nên đây là một tên gọi xuất xứ phi địa danh được bảo hộ.

Điều quan trọng cần ghi nhớ là:

- Đối với **nông sản và thực phẩm**, một tên gọi được đăng ký và một tên gọi chưa đăng ký mà **trùng nhau thì chỉ có thể đồng tồn tại khi tên của nước xuất xứ được ghi rõ trên nhãn sản phẩm và được sử dụng tối đa 15 năm**. Sau đó, tên gọi chưa đăng ký phải chấm dứt sử dụng, với điều kiện là (a) tên gọi chưa đăng ký đã được sử dụng hợp pháp một cách nhất quán và công bằng

ít nhất 25 năm trước ngày đơn đăng ký được nộp cho Ủy ban châu Âu; (b) chứng minh được rằng mục đích sử dụng là không nhằm trục lợi từ danh tiếng của tên gọi được đăng ký và rằng người tiêu dùng không hoặc không thể bị nhầm lẫn về nguồn gốc thực sự của sản phẩm; (c) các vấn đề phát sinh từ tên gọi trùng nhau đã được nêu ra trước khi đăng ký bảo hộ tên gọi đó.

- **Riêng đối với rượu vang**, nếu tên của giống nho có chứa hoặc bao hàm tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý thì tên đó sẽ không được sử dụng để ghi nhãn sản phẩm rượu vang.

1.4. Các vấn đề quan trọng cần lưu ý trước khi quyết định nộp đơn đăng ký CDDL tại EU từ một nước ngoài EU

Đăng ký chỉ dẫn địa lý ở EU đòi hỏi một quá trình lâu dài và cần có sự cam kết mạnh mẽ của các chủ thể liên quan. Do đó, cần phải xem xét kỹ lưỡng một số vấn đề trước khi **quyết định bắt đầu quá trình đăng ký chỉ dẫn địa lý ở EU, cụ thể:**

- **Khả năng xuất khẩu:** Nếu sản phẩm chưa xuất khẩu vào EU thì cần bảo đảm rằng có thể được phép bán ở thị trường EU theo các quy định tương ứng của EU (vệ sinh thực phẩm, điều kiện xuất khẩu, v.v.).
- **Tiếp cận thị trường:** Phân tích xem sản phẩm dự định đăng ký đã được thương mại hóa ở thị trường EU hay chưa hoặc ít nhất là có khả năng thương mại hóa thực sự ở thị trường EU hay không, và nếu có thì cần đánh giá khả năng chấp nhận sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đó của thị trường.
- **Chiến lược tiếp thị:** Cần xây dựng chiến lược tiếp thị nhằm bảo vệ và đưa sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý vào thị trường EU, phối hợp với các tổ chức tư nhân để đảm bảo sự quảng bá đầy đủ và bảo vệ danh tiếng của chỉ dẫn địa lý ở EU.
- **Các rào cản:** Cần đánh giá những trở ngại có thể phát sinh khi tiến hành đăng ký, như nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đã được bảo hộ trước ở EU, tính hợp lệ của tên gọi sản phẩm, các đối thủ cạnh tranh tiềm năng sản xuất sản phẩm tương tự, v.v. Các vấn đề này có thể dẫn đến việc phản đối đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý, và điều quan trọng là phải chuẩn bị phản hồi một cách đầy đủ và hợp lý.
- **Chi phí và lợi ích:** Phải ước tính chi phí và lợi ích cho toàn bộ quá trình đăng ký và chuẩn bị nguồn lực để trang trải những chi phí đó, cũng như để trang trải cho chi phí giám sát trong tương lai đối với sản phẩm tại thị trường EU.
- **Tính bền vững:** Sau khi xây dựng chiến lược tiếp thị và ước tính các chi phí và lợi ích (quản lý, kiểm soát, đăng ký và giám sát sau đăng ký chỉ dẫn địa lý), cần bảo đảm rằng cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý có thể duy trì chỉ dẫn địa lý lâu dài, dù có hay không sự hỗ trợ tạm thời của các đối tác bên ngoài tại những thời điểm nhất định.

Chỉ khi các vấn đề trên được xem xét kỹ lưỡng và người nộp đơn kết luận rằng việc đăng ký chỉ dẫn địa lý là cần thiết và đáng làm thì đó sẽ là thời điểm để bắt đầu chuẩn bị đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU.

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CD ĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

EU hiểu rõ nhu cầu đăng ký chỉ dẫn địa lý cho rượu vang, rượu mạnh, nông sản và thực phẩm của các nước thành viên EU cũng như của các nước ngoài EU.

Khác với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý của EU, **đơn đăng ký CDĐL từ các nước ngoài EU phải được nộp trực tiếp cho Ủy ban (của Cộng đồng châu Âu)**, tại Brussels.

Đơn đăng ký CDĐL **có thể được nộp bởi các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài EU** (ví dụ: Bộ, Cơ quan chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Đại sứ quán tại EU), **hoặc nộp trực tiếp bởi nhóm¹³ người nộp đơn hoặc đại diện hợp pháp của họ**. Dù cho ai đại diện cho người nộp đơn thì điều rõ ràng là người nộp đơn phải chịu trách nhiệm về đơn.

Khi chỉ dẫn địa lý bao gồm các khu vực của hai nước trở lên, hệ thống CDĐL của EU quy định thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý xuyên quốc gia thông qua việc nộp đơn chung: Trong trường hợp này, đơn phải được nộp bởi một cơ quan của nước thành viên EU có liên quan hoặc bởi nhóm người nộp đơn ở nước thứ ba có liên quan, một cách trực tiếp hoặc thông qua các cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba đó.

Đơn đăng ký CDĐL phải được nộp dưới dạng điện tử đến địa chỉ sau: AGRI-B3@ec.europa.eu. Ngoài ra, Ủy ban cũng yêu cầu sử dụng **định dạng WORD** cho các tài liệu có trong đơn.

Cần lưu ý rằng có thể nộp đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý theo hình thức điện tử thông qua các công cụ trực tuyến của EC (DOOR đối với nông sản và thực phẩm, E-CAUDALIE đối với rượu vang). Thậm chí hiện nay, đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý có thể được nộp trực tuyến thông qua các công cụ khác nhau, tùy thuộc vào loại sản phẩm. Ủy ban dự định khai trương một công cụ nộp đơn chung cho rượu vang, rượu mạnh, nông sản và thực phẩm trong tương lai gần.

Đơn đăng ký CDĐL phải được làm bằng một trong số các ngôn ngữ chính thức của Liên minh châu Âu¹⁴ hoặc kèm theo bản dịch bằng một trong số những ngôn ngữ đó.

2.1 Đơn đăng ký CDĐL

Các **chủ thể chính liên quan đến việc đăng ký CDĐL là người nộp đơn** (hiệp hội các nhà sản xuất) và **các Cơ quan có thẩm quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý của châu Âu**. Hiệp hội các nhà sản xuất muốn đăng ký chỉ dẫn địa lý ở EU phải tuân thủ các thủ tục quy định, tương tự các thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý của châu Âu. Người nộp đơn ở các nước ngoài EU phải liên hệ trực tiếp với Ủy ban châu Âu mà không cần trải qua quá trình thẩm định ở nước thành viên EU có liên quan giống như đơn của EU.

Đơn đăng ký CDĐL từ các nước ngoài EU phải gồm **bốn tài liệu**, tương tự các đơn của EU, như sau:

1. **Tên và địa chỉ của người nộp đơn;**
2. **Bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm;**
3. **Bản tóm tắt (tóm tắt các thông tin chính có trong Bản mô tả sản phẩm mang CDĐL);**
4. **Bằng chứng về tên gọi đã được bảo hộ tại nước xuất xứ.**

Tất cả tài liệu nêu trên phải được làm bằng một trong số các ngôn ngữ châu Âu!

Khi khu vực địa lý của CDĐL bao gồm các vùng khác nhau từ nhiều quốc gia thì có thể nộp một đơn chung cho CDĐL xuyên biên giới: Trong trường hợp này, đơn phải bao gồm tài liệu cam đoan từ tất cả

¹³ “Nhóm” ở đây được hiểu là hiệp hội, dù hình thức pháp lý thế nào thì nó cũng bao gồm các nhà sản xuất hoặc các nhà chế biến cùng một sản phẩm.

¹⁴ Cho đến tháng 6/2014, Liên minh châu Âu có **24 ngôn ngữ chính thức**, gồm tiếng Bulgaria, Croatia, CH Séc, Đan Mạch, Hà Lan, Anh, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary, Ireland, Ý, Latvia, Lithuania, Malta, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Rumani, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha và Thụy Điển.

nước thành viên liên quan (chỉ rõ họ cho rằng việc đơn được nộp bởi nhóm người nộp đơn và có quyết định thuận lợi đáp ứng các điều kiện đăng ký) và bằng chứng bảo hộ ở mỗi quốc gia thứ ba có liên quan. Đó chính là trường hợp của rượu Irish Whiskey của Ailen và Bắc Ireland (Vương quốc Anh).

Riêng đối với rượu mạnh, đơn đăng ký CDĐL phải bao gồm hồ sơ kỹ thuật có chứa những thông số kỹ thuật mà sản phẩm rượu mạnh phải đáp ứng. Hồ sơ kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản giống với các nội dung có trong bản mô tả tính chất đặc thù của rượu vang và nông sản.

2.1.1 Bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm

Để được đăng ký bảo hộ, nông sản, thực phẩm hoặc rượu vang phải đáp ứng các tiêu chuẩn có trong tài liệu được gọi là **“Bản mô tả tính chất đặc thù sản phẩm”** hoặc **“Tài liệu kỹ thuật”** đối với rượu mạnh (sau đây gọi chung là **“Bản mô tả sản phẩm”**).

Bản mô tả sản phẩm là một tài liệu quan trọng mà căn cứ vào đó EC sẽ phân tích cẩn thận để quyết định xem có được đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm ở EU hay không. Do vậy, tài liệu này nên được hiệp hội các nhà sản xuất chuẩn bị, bao gồm các thông tin chi tiết về quá trình tạo ra sản phẩm được đăng ký bảo hộ.

Bản mô tả sản phẩm phải **chứa tất cả thông tin về sản phẩm**, bao gồm chất lượng đặc thù của sản phẩm, khu vực sản xuất, cũng như mối liên hệ giữa sản phẩm và môi trường địa lý ở nơi xuất xứ của sản phẩm. Ngoài ra, bản mô tả sản phẩm phải chỉ rõ tên gọi đó sẽ được đăng ký bảo hộ Chỉ dẫn địa lý (CDĐL) hoặc Tên gọi xuất xứ (TGXX).

Không quy định mẫu cụ thể cho tài liệu này, do đó người nộp đơn có thể soạn thảo một cách chi tiết nhất có thể, bao gồm các phụ lục và tài liệu bổ trợ để minh họa cho các thông tin đưa ra trong bản mô tả sản phẩm. Tuy nhiên, nên mô tả một cách cô đọng và chính xác nhất về sản phẩm. Một bản mô tả sản phẩm ngắn gọn và cô đọng sẽ rất giá trị cho việc mô tả các tính chất đặc thù của sản phẩm.

Điều quan trọng cần lưu ý là **không nên đưa những thông tin bí mật hoặc thông tin cá nhân vào bản mô tả sản phẩm**, vì nếu được chấp nhận, Ủy ban châu Âu sẽ công bố công khai tài liệu này trên trang web.

Tương ứng với các định nghĩa về chỉ dẫn địa lý, EU quy định có 03 loại **Bản mô tả sản phẩm, với một số điểm khác nhau, dành cho rượu vang, rượu mạnh, nông sản và thực phẩm**. Có thể thấy rằng hầu hết nội dung của các bản mô tả sản phẩm là giống nhau, nên Tài liệu hướng dẫn này sẽ đề cập đến các nội dung chung nhất của một bản mô tả sản phẩm, cùng các thông tin bổ sung cần lưu ý cho từng loại sản phẩm cụ thể.

Bản mô tả sản phẩm ít nhất phải bao gồm các nội dung sau:

1. **Tên gọi sẽ được bảo hộ tên gọi xuất xứ hay chỉ dẫn địa lý:** Tên gọi phải được thể hiện như đang được sử dụng trong hoạt động thương mại hoặc ngôn ngữ thông thường, và **bằng ngôn ngữ đã và đang được sử dụng để mô tả sản phẩm cụ thể tại khu vực địa lý xác định.**

Điều quan trọng cần ghi nhớ là:

- Phải chứng minh được rằng tên gọi **được sử dụng trong hoạt động thương mại hoặc trong ngôn ngữ thông thường để chỉ sản phẩm** trước khi nộp đơn. Việc công nhận tên gọi xuất xứ

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

hoặc chỉ dẫn địa lý không nhằm tạo ra một tên gọi mới hoặc tên gọi nhân tạo nếu không chứng minh việc sử dụng tên gọi đó trong thương mại hay trong ngôn ngữ thông thường. Việc sử dụng trong hoạt động thương mại cũng là một yếu tố quan trọng để quyết định liệu tên gọi đó có được bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở châu Âu hay không.

Ví dụ: Các nhà sản xuất chỉ dẫn địa lý rượu vang Champagne (Pháp) đã đăng ký tên gọi “Champagne” chứ không phải “vang nổ Champagne” vì đó là tên gọi được sử dụng trong hoạt động thương mại. Tương tự, “Café de Colombia” (chứ không phải “Colombia”) được đăng ký vì chỉ dẫn địa lý này được gọi là “Café de Colombia” trong hoạt động thương mại.

- **Nên tránh sử dụng các từ ngữ có tính mô tả**, trừ khi chúng là thành phần cố hữu trong tên gọi của sản phẩm. **Ví dụ** về những từ ngữ này có thể là “truyền thống”, “nguyên gốc”, “thủ công”, “tự nhiên”, v.v.
- Tên gọi phải được **viết bằng ngôn ngữ dùng tại khu vực xuất xứ**, đó có thể là ngôn ngữ quốc gia, ngôn ngữ ít phổ biến hơn, phương ngữ hoặc ngôn ngữ đã từng được dùng trước đây trong khu vực liên quan để chỉ sản phẩm. Nếu tên gọi không sử dụng các ký tự La-tinh thì phải được phiên âm sang ký tự La-tinh.¹⁵ Cần lưu ý rằng tên gọi sẽ được đăng ký theo bản gốc và nếu bản gốc không phải là chữ La-tinh thì bản phiên âm bằng chữ La-tinh sẽ được đăng ký cùng với bản gốc.

Ví dụ: Bản phiên âm trong tiếng Pháp của một tên gọi bằng tiếng Ả-rập có thể khác so với bản phiên âm trong tiếng Đức hoặc tiếng Anh, và người nộp đơn phải lựa chọn một trong số các ngôn ngữ đó để ghi vào Đăng bạ.

- **Tên gọi bằng ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngôn ngữ quốc gia**, nhưng không được sử dụng tại khu vực liên quan, **sẽ không được chấp nhận**.
- **Nếu có nhiều tên gọi** (và các tên gọi bằng ngôn ngữ quốc gia và ngôn ngữ địa phương) thì người nộp đơn có thể lựa chọn **đăng ký một hoặc tất cả những tên gọi** đó nhưng phải được phân cách bằng dấu “/”, không sử dụng từ “hoặc”.

Ví dụ: *Almendra de Mallorca / Almendra Mallorquina / Ametlla de Mallorca / Ametlla Mallorquina* là tên gọi trong Bản mô tả sản phẩm để dung chỉ cùng một tên gọi xuất xứ cho sản phẩm hạnh nhân (Tây Ban Nha)

Nếu nhiều tên gọi được dùng để chỉ nhiều sản phẩm khác nhau thì người nộp đơn phải nộp các đơn khác nhau cho từng sản phẩm có tên gọi khác nhau đó. Mỗi khi được đề cập trong bản mô tả sản phẩm thì những tên gọi này phải được lặp lại toàn bộ. Trong trường hợp nghĩa của chúng đã rõ ràng thì có thể sử dụng các từ như “rượu” hay “pho mát” để bản mô tả sản phẩm cho gọn nhẹ hơn.

- **Nếu một tên gọi được dùng để chỉ một số sản phẩm**¹⁶ đặc thù thỏa mãn các điều kiện quy định thì **tên gọi đó phải được sử dụng để chỉ từng dạng của sản phẩm đó** và đáp ứng tất cả các điều kiện đăng ký, nhưng có thể ghép chung trong một đơn duy nhất.

¹⁵ Phiên âm không phải là dịch nghĩa, cũng không phải là dịch âm, mà là phiên âm bằng ký tự La-tinh của ngôn ngữ gốc.

¹⁶ “Các sản phẩm đặc thù” là những sản phẩm dù được đăng ký dưới cùng tên gọi nhưng có thể phân biệt được khi đưa ra thị trường hoặc được người tiêu dùng coi là những sản phẩm khác nhau.

Ví dụ: Chỉ dẫn địa lý *Volailles du Maine* (Pháp) dùng cho thịt gà thương phẩm có chất lượng cao, thịt mềm và không quá béo, thịt gà được bán trên thị trường ở dạng tươi, đông lạnh, nguyên con (nướng sẵn hoặc rút xương) hoặc cắt miếng.

- **Nếu một tên gọi dùng để chỉ các dạng khác nhau của một sản phẩm** (ví dụ, quả tươi và quả khô) thì phải được nêu rõ trong bản mô tả sản phẩm.
- Để chứng minh người tiêu dùng không bị nhầm lẫn trong việc sử dụng tên gọi, cần phải nộp kèm theo **bản thuyết minh** trong trường hợp tên gọi:
 - o sử dụng hoặc chứa tên gọi của một quốc gia;
 - o là một tên gọi truyền thống hoặc phi địa danh;
 - o có chứa một phần hoặc toàn bộ tên gọi của một giống cây trồng hoặc vật nuôi.

2. **Bản mô tả sản phẩm:** Bản mô tả sản phẩm phải bao gồm các thông tin về nguyên liệu (nếu có), cũng như các tính chất đặc thù chủ yếu của sản phẩm về mặt vật lý, hóa học, vi sinh hoặc cảm quan.

Bản mô tả sản phẩm phải bắt đầu bằng các thông tin chi tiết về sản phẩm. Ví dụ, pho mát “Roquefort” là một loại pho mát... Do tên gọi không được dịch nghĩa nên sẽ hữu ích nếu có thể hình dung ngay được về sản phẩm.

Điều quan trọng cần ghi nhớ là:

- **Bản mô tả phải cung cấp các dữ liệu khoa học và kỹ thuật về sản phẩm cụ thể**, sử dụng định nghĩa và các tiêu chuẩn chung đối với sản phẩm đó. Các dữ liệu vật lý, vi sinh vật, hóa học và cảm quan phải được sử dụng để mô tả sản phẩm bằng các từ ngữ chính xác.
- **Không nên mô tả các đặc điểm kỹ thuật chung và các điều kiện pháp lý bắt buộc đối với tất cả sản phẩm của loại sản phẩm đó.**
- Nên mô tả các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm đó bằng cách sử dụng các thông số (từ ... đến ..., tối đa - tối thiểu, v.v.), và nếu có thể, tránh đề cập đến những khó khăn mà chủ sở hữu gặp phải khi tuân thủ các điều kiện liên quan.
- Phần này **phải nhất quán với các yếu tố cụ thể được tạo ra trong quá trình sản xuất sản phẩm tại khu vực địa lý**, nhưng có thể bao gồm các tính chất đặc thù mà không được tạo ra từ quá trình sản xuất tại khu vực nếu chúng liên quan đến các đặc điểm của sản phẩm.
- **Đối với sản phẩm chăn nuôi từ động vật ăn cỏ**, cần đề cập thời gian chăn thả tối thiểu tính theo tháng hoặc tổng thời gian chăn thả tính theo năm.
- **Đối với sản phẩm chế biến**, cần nêu rõ nguyên liệu được sử dụng và các yêu cầu chất lượng của nguyên liệu, ví dụ giống cây trồng hoặc vật nuôi, hàm lượng chất béo, v.v. Nếu có những giới hạn liên quan đến việc cung cấp nguyên liệu mà có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm thì cần phải được lý giải rõ ràng.
- **Đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật**, cần nêu rõ các quy định về nguồn gốc và chất lượng của thức ăn cần thiết và/hoặc được phép, cũng như thời gian chăn thả tối thiểu đối với gia súc ăn cỏ.
- Đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật được đăng ký tên gọi xuất xứ, thức ăn của động vật phải có nguồn gốc hoàn toàn trong khu vực địa lý xác định. Nếu không thể mô tả thức ăn có nguồn gốc hoàn toàn từ khu vực địa lý xác định thì có thể mô tả bổ sung những thức ăn có nguồn gốc

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

ngoài khu vực địa lý, với điều kiện là chất lượng và các đặc điểm của sản phẩm được tạo nên do môi trường địa lý không bị ảnh hưởng. Trong bất kỳ trường hợp nào thì thức ăn có nguồn gốc ngoài khu vực địa lý xác định sẽ **không được vượt quá 50% tổng số lượng thức ăn khô mỗi năm**.

- **Đối với trái cây và rau quả tươi**, cần nêu rõ giống cây trồng trong bản mô tả sản phẩm. Mặc dù thông tin này là không bắt buộc nhưng nên được đề cập khi mô tả về sản phẩm.

*Ví dụ: Chỉ dẫn địa lý cam **Cítricos Valencianos** (Tây Ban Nha,) bản mô tả sản phẩm nêu rõ một số giống quýt, cam và chanh nhất định được phép mang chỉ dẫn địa lý.*

- **Tất cả các khâu của quá trình sản xuất**, từ nguồn nguyên liệu đến thành phẩm phải diễn ra tại khu vực địa lý xác định; cần phải được đề cập vắn tắt trong bản mô tả sản phẩm, nhưng cũng cần lưu ý rằng nội dung về phương pháp thu nhận sản phẩm trong bản mô tả phải được viết thành một phần riêng biệt.
 - **Các quy định liên quan đến cắt miếng, đóng gói và bao bì, v.v.** cũng cần được đề cập trong bản mô tả, nhưng cần lưu ý rằng bất kỳ quy định nào nhằm hạn chế hoặc cấm đoán liên quan đến việc này cũng phải được lý giải rõ ràng.
 - **Các quy định liên quan đến ghi nhãn sản phẩm (không bắt buộc)**, bao gồm yêu cầu về ghi nhãn. Nếu sản phẩm mang biểu trưng thì biểu trưng đó có thể được thể hiện dưới dạng đen trắng trong bản mô tả.
 - **Riêng đối với rượu vang, các dữ liệu phân tích và cảm quan, cũng như kiến thức chuyên môn để làm rượu vang** hoặc bất kỳ sự hạn chế nào đều phải được đề cập trong bản mô tả.
 - **Riêng đối với rượu mạnh, bản mô tả về rượu mạnh phải bao gồm các tính chất vật lý, hóa học và/hoặc cảm quan chính** của sản phẩm, cũng như các **tính chất đặc thù cụ thể của rượu mạnh** so với loại sản phẩm có liên quan phải được đề cập trong bản mô tả.
3. **Xác định khu vực địa lý:** Khu vực địa lý phải được xác định rõ trong mối liên hệ giữa tính chất đặc thù và nguồn gốc địa lý của sản phẩm (như được đề cập tại điểm 6.a) hoặc b) dưới đây) và, nếu phù hợp, phải chỉ ra rằng nguyên liệu có xuất xứ từ một khu vực địa lý rộng hơn hoặc khu vực khác so với khu vực chế biến.

Khu vực địa lý phải được xác định một cách chính xác mà không có sự mơ hồ nào, thể hiện một cách chính xác nhất biên giới hành chính và cơ học.

Ví dụ: Tại Pháp, việc xác định khu vực địa lý được thực hiện bởi các chuyên gia và nhà chuyên môn có trình độ về lịch sử, địa chất, v.v. Cũng có thể xác định khu vực địa lý bằng cách sử dụng đường biên giới cơ học (núi, biển, sông, v.v.) hoặc địa giới hành chính. Tuy nhiên, địa giới hành chính không phải lúc nào cũng tương ứng với khu vực địa lý của chỉ dẫn địa lý nên khu vực chỉ dẫn địa lý phải được phân định lại.

Điều quan trọng cần ghi nhớ là:

- **Phải tránh các thuật ngữ đã trở thành tên gọi chung;**
- Khu vực địa lý phải được xác định trong mối **liên hệ với sản phẩm;**
- **Bất kỳ tính chất đặc thù nào của khu vực địa lý** (loại đất, đặc điểm môi trường, v.v.) có thể là

yếu tố quyết định để chứng minh mối liên hệ phải được đề cập trong bản mô tả;

- **Bản đồ khu vực địa lý của sản phẩm** là rất hữu ích đối với các thẩm định viên;
- Trong các trường hợp đặc biệt, **toàn bộ quốc gia có thể là khu vực địa lý nếu nó thể hiện được các đặc điểm đồng nhất.**

Yêu cầu bổ sung đối với rượu vang:

- **Đối với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý:** liên quan đến tỷ lệ nho, tối đa 15% nho có nguồn gốc từ bên ngoài khu vực địa lý xác định, nhưng phải được trồng ở nước thứ ba có chứa một phần diện tích của khu vực địa lý đó.
- **Sau khi xác định khu vực địa lý, hai nội dung cần được đưa vào bản mô tả sản phẩm là:** sản lượng tối đa của mỗi héc-ta và thông tin về nguồn gốc giống nho.
- **Một sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có thể được dùng làm rượu nếu có nguồn gốc:** a) tại một khu vực ở sát ranh giới của khu vực địa lý có liên quan; hoặc, b) tại một khu vực nằm trong cùng đơn vị hành chính hoặc trong đơn vị hành chính lân cận, phù hợp với các quy định quốc gia; hoặc c) trong trường hợp tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý xuyên biên giới, hoặc nếu có thỏa thuận về các biện pháp kiểm soát giữa hai hay nhiều nước thành viên EU hoặc giữa một hoặc nhiều nước thành viên EU và một hoặc nhiều nước thứ ba, thì sản phẩm mang tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý đó có thể dùng làm rượu tại khu vực nằm sát ranh giới khu vực địa lý được xác định.

4. **Bảng chứng về sản phẩm xuất xứ từ một khu vực địa lý xác định của tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý: Mối liên hệ giữa sản phẩm và khu vực địa lý là nền tảng của một chỉ dẫn địa lý.** Vì vậy, hầu hết nội dung của bản mô tả sản phẩm phải đề cập đến các thông tin về mối liên hệ giữa sản phẩm và nguồn gốc của nó.

Trong phần này, bản mô tả sản phẩm phải chỉ rõ thủ tục **mà nhà sản xuất phải tuân thủ để cung cấp bằng chứng về nguồn gốc của sản phẩm**, nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi và các đối tượng khác phải có nguồn gốc từ khu vực địa lý xác định.

Thông qua việc **kiểm tra và kiểm soát**, các chủ thể có thể xác định được (a) nhà cung cấp, số lượng và nguồn gốc của tất cả các lô nguyên liệu và/hoặc sản phẩm thu được; (b) người nhận, số lượng và điểm đến của sản phẩm được cung cấp; và (c) mối quan hệ giữa mỗi lô nguyên liệu đầu vào và từng lô sản phẩm đầu ra. Quy trình này còn được gọi là **“truy xuất nguồn gốc”** và phải được mô tả trong phần này của bản mô tả sản phẩm.

Ví dụ về hệ thống truy xuất nguồn gốc: Theo bản mô tả sản phẩm của tên gọi xuất xứ gạo Riz de Camargue (Pháp), Hiệp hội các nhà trồng lúa ở Pháp (chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý) đã xây dựng một hệ thống truy xuất nguồn gốc, từ thu hoạch cho đến khi bán sản phẩm. Hệ thống này gồm các bước sau:

- **Danh sách các nhà sản xuất** (theo bản cam kết nhiều năm và báo cáo hàng năm).
- **Tiếp nhận:**

Tại nơi lưu trữ - Mỗi lô gạo của một nhà sản xuất trong khu vực sản xuất (do Hiệp hội kiểm soát) khi phân phối sẽ được gắn một tài liệu kiểm soát chính thức - tem biên nhận - bao gồm: tên chủ sở hữu, nơi sản xuất; sản phẩm/chủng loại, dòng, giống gạo; ngày vận chuyển; điểm đến; trọng lượng. Tài liệu này được lưu tại nơi lưu trữ gạo.

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

Tại kho gạo - Mỗi lô gạo khi phân phối đều được ghi vào sổ đăng ký, gồm các thông tin: Tên nhà cung cấp; sản phẩm/chủng loại, dòng, giống gạo; ngày; số lượng.

• **Lưu trữ**, dù là ở nơi trữ gạo hay kho gạo - Mỗi đơn vị lưu trữ phải được ghi nhận theo nội dung và nguồn gốc từ khu vực Camargue. Bất kỳ sự di chuyển nào của lô gạo giữa các ngăn đều được ghi lại trong sổ theo dõi trước khi vận chuyển.

• **Tuyển lựa** - Mỗi lô gạo phải được tuyển lựa để được đăng ký, bao gồm các thông tin về xuất xứ; trọng lượng tổng; trọng lượng tịnh sau khi tuyển lựa; phụ phẩm; tên gọi Camargue.

• **Đóng gói** - Mỗi bao bì đều được gắn phiếu, bao gồm các thông tin về: xuất xứ; số lượng, chủng loại, dòng gạo; ngày; số nhận diện trong kho; điểm đến.

Ghi nhận bao bì gồm số nhận diện lô hàng trong kho (ngày ...).

• **Vận chuyển** - Việc vận chuyển sản phẩm cũng được ghi trong phiếu theo dõi, gồm các thông tin về tên sản phẩm; dòng sản phẩm, tên kho, trọng lượng; xuất xứ/ nơi đến; ngày vận chuyển.

Tài liệu này sẽ được lưu trữ.

• Những hoạt động trên (trừ việc đóng gói) phải được thực hiện trong khu vực địa lý và chịu sự kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Hiệp hội và của cơ quan kiểm soát bên ngoài.

Mỗi nhà sản xuất có thể đưa thêm các yêu cầu và chịu trách nhiệm về việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm của mình.

Khi giải thích các vấn đề về truy xuất nguồn gốc, tốt nhất là chỉ rõ các quy trình mà các nhà sản xuất sử dụng để bảo đảm nguồn gốc của sản phẩm bằng cách sử dụng các thông số (từ ... đến ..., tối đa - tối thiểu, v.v.) và nếu có thể nên tránh những khó khăn mà các chủ sở hữu gặp phải khi thực hiện quy trình này.

4. **Phương pháp thu nhận sản phẩm:** Phải mô tả chi tiết về quy trình sản xuất sản phẩm và, nếu phù hợp, phải nêu rõ phương pháp kiểm soát và duy trì chất lượng tại địa phương cũng như các thông tin liên quan đến việc đóng gói.

Nội dung này phải được lý giải bằng các thông số kỹ thuật chi tiết để mô tả cách thức thu được sản phẩm, làm nổi bật sự ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên (môi trường địa lý) và yếu tố con người (bí quyết) đến việc thu được sản phẩm cuối cùng.

Phần này cũng phải bao gồm tất cả khâu sản xuất, từ nguồn nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng mang chỉ dẫn địa lý. Phải có thông tin chi tiết về các khâu sản xuất diễn ra trong khu vực địa lý xác định. Các công đoạn sau khi thu được sản phẩm cuối cùng như cắt miếng, đóng gói và đóng gói không thuộc quá trình sản xuất, nhưng cũng nên được đề cập trong phần mô tả về sản phẩm.

Tốt nhất là sử dụng các thông số (từ... đến..., tối đa - tối thiểu, v.v.) khi mô tả các khâu sản xuất nhằm bảo đảm rằng các chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý tuân thủ các khâu được mô tả.

Điều quan trọng cần ghi nhớ là:

• Tất cả các khâu sản xuất được đề cập trong phần này phải **phù hợp với các thông tin cung cấp khi mô tả về sản phẩm**, như nguồn nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi và các quy định về cắt miếng và đóng gói, v.v.

• **Yêu cầu bổ sung đối với rượu vang**, “sản xuất” bao gồm tất cả các hoạt động liên quan, từ việc thu hoạch nho cho đến khi hoàn thành quá trình làm rượu vang, trừ các khâu sau sản xuất.

Ví dụ: Bản mô tả sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý *Café de Colombia (Côlômbia)* được bảo hộ tại EU gồm các thông tin chi tiết về phương pháp sản xuất cà phê, giải thích từng bước trong quá trình sản xuất, từ thu hoạch và hái quả cà phê, phương pháp chế biến ướt (tách vỏ, làm sạch cà phê được tách vỏ, loại bỏ chất nhầy trong quá trình lên men, làm sạch cà phê và phơi khô), quy trình bóc vỏ, phân loại và rang cà phê.

5. Nội dung chi tiết:

- mối liên hệ giữa chất lượng hoặc tính chất đặc thù của sản phẩm và môi trường địa lý (đối với tên gọi xuất xứ); hoặc
- mối liên hệ giữa chất lượng cụ thể, danh tiếng hoặc các tính chất đặc thù khác của sản phẩm và nguồn gốc địa lý (đối với chỉ dẫn địa lý).

Như đề cập ở trên, **mối liên hệ giữa sản phẩm và nguồn gốc địa lý phải tồn tại cùng chỉ dẫn địa lý.** Vì vậy, phải chứng minh được **cách thức các tính chất đặc thù của sản phẩm được tạo nên bởi khu vực địa lý và các yếu tố tự nhiên, con người hay bất kỳ yếu tố nào khác đã tạo nên đặc trưng của sản phẩm.** Bản mô tả cũng nên nhấn mạnh phương thức sản xuất có thể mang lại cho sản phẩm chất lượng cao hơn các sản phẩm khác và đóng góp vào các tính chất đặc thù cụ thể và tính phân biệt của sản phẩm.

Để làm như vậy:

- **Đối với tên gọi xuất xứ,** phần này phải bao gồm thông tin chi tiết về **mối liên hệ giữa chất lượng hoặc tính chất đặc thù của sản phẩm và môi trường địa lý.**
- **Đối với chỉ dẫn địa lý,** phần này phải bao gồm thông tin chi tiết về **mối liên hệ giữa chất lượng cụ thể, danh tiếng hoặc các tính chất đặc thù khác của sản phẩm và nguồn gốc địa lý,** trong đó nêu rõ yếu tố nào trong ba yếu tố (chất lượng cụ thể, danh tiếng hoặc các tính chất đặc thù khác) được áp dụng trong đơn.

Điều quan trọng cần ghi nhớ là:

- **Đặc điểm của khu vực địa lý xác định** có thể bao gồm các đặc điểm về thổ nhưỡng, địa hình, khí hậu, đất, lượng mưa, ánh sáng, độ cao, v.v.
- **Những đặc điểm của khu vực địa lý không ảnh hưởng đến tính chất đặc thù của sản phẩm hoặc các thuật ngữ mô tả** (hấp dẫn, đẹp, v.v.) **phải bị loại bỏ.**
- **Bí quyết của các nhà sản xuất địa phương** phải là các kỹ năng độc đáo và đặc biệt, tránh mô tả các quy trình sản xuất thông thường như được đề cập ở trên mà phải đưa ra các yếu tố chính xác và cô đọng để diễn đạt những bí quyết này.
- **Danh tiếng (đối với chỉ dẫn địa lý)** có thể mô tả những yếu tố lịch sử liên quan đến sản phẩm có nguồn gốc địa lý cụ thể, trích dẫn những thông tin và yếu tố chính xác để lý giải danh tiếng này, như các giải thưởng, việc viện dẫn trong các tài liệu nấu ăn, thông cáo báo chí, các ấn phẩm công khai, v.v.
- Phải làm rõ bất kỳ sự hạn chế nào về nguyên liệu trong bản mô tả sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong mối liên hệ giữa chất lượng, danh tiếng hoặc các đặc điểm khác của sản phẩm với nguồn gốc địa lý.
- Nên cung cấp các thông tin về **những yếu tố làm cho sản phẩm trở lên đặc biệt hơn so với các**

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

sản phẩm tương tự.

- Tránh lặp lại những thông tin đã có. Phần này phải mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm đã được tạo ra như thế nào bởi các yếu tố hiện hữu trong khu vực địa lý, thể hiện mối **liên hệ có tính nhân quả giữa nguồn gốc địa lý và tính chất đặc thù của sản phẩm.**

6. **Cơ quan và tổ chức chứng nhận việc tuân thủ các quy định trong bản mô tả sản phẩm:** Phải chỉ rõ **tên và địa chỉ của các cơ quan hoặc tên và địa chỉ của tổ chức chứng nhận phù hợp với quy định của bản mô tả sản phẩm và chức năng của họ, nếu có**, (đối với các nước ngoài EU, việc chứng minh sự tuân thủ của một hoặc một số cơ quan chứng nhận được chỉ định ở nước đó, và/hoặc bởi một hoặc một số tổ chức chứng nhận chất lượng sản phẩm). Những tổ chức đó (công lập hoặc tư nhân) sẽ thực hiện việc kiểm soát bên ngoài nhằm xác nhận sự tuân thủ các yêu cầu có trong bản mô tả sản phẩm.

Ngoài ra, **cũng phải cần kèm theo trong Phụ lục:**

- **Nếu việc kiểm soát bên ngoài do cơ quan nhà nước thực hiện** thì phải cung cấp thông tin về nhiệm vụ, năng lực và chức năng của các cơ quan công quyền nhằm chứng minh rằng họ **bảo đảm sự công bằng, khách quan, có đội ngũ cán bộ có đủ trình độ và nguồn lực cần thiết** để thực hiện việc kiểm soát. Các nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan cũng phải được liệt kê.
- **Nếu việc kiểm soát bên ngoài do tổ chức chứng nhận thực hiện**, thì cần cung cấp **Giấy chứng nhận hợp chuẩn** và địa vị pháp lý của cơ quan chứng nhận, ví dụ, là thành viên của Diễn đàn Chứng nhận quốc tế (IAF) hoặc là một tổ chức chứng nhận ở một nước thành viên EU. Nếu việc kiểm tra được thực hiện bởi một tổ chức chứng nhận sản phẩm thì tổ chức đó phải đạt tiêu chuẩn ISO/IEC Hướng dẫn 65 (yêu cầu chung đối với các tổ chức vận hành hệ thống chứng nhận sản phẩm). Các nhiệm vụ cụ thể của tổ chức chứng nhận sản phẩm cũng phải được liệt kê.

7. **Các quy định về ghi nhãn** đối với các sản phẩm đăng ký bảo hộ

Đây là một **nội dung không bắt buộc**, do đó chỉ nên đưa vào bản mô tả sản phẩm khi có các quy định đặc biệt về việc ghi nhãn sản phẩm. Ví dụ, nếu thống nhất rằng biểu trưng của sản phẩm phải xuất hiện trên nhãn sản phẩm thì nó phải được đề cập trong bản mô tả. Nếu không, có thể để trống.

Điều quan trọng cần phải ghi nhớ là:

- Đưa bản sao **biểu trưng dạng đen và trắng của sản phẩm** vào phần này.
- **Không cần mô tả về quy định ghi nhãn do cơ quan có thẩm quyền quốc gia quy định.**
- **Không cần mô tả các quy định ghi nhãn tự nguyện.**
- Điều quan trọng là phải cân nhắc kỹ lưỡng việc đưa hay không đưa các thông tin về ghi nhãn vào bản mô tả sản phẩm vì **khi quy định ghi nhãn được sửa đổi, người nộp đơn có thể phải sửa đơn.**

Mặc dù không bắt buộc **nhưng các bản mô tả sản phẩm thường gồm các quy định về ghi nhãn sản phẩm và tất cả các chủ thể chỉ dẫn địa lý phải tuân thủ.** Tuy nhiên, điều này phụ thuộc vào quyết định của chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý.

Ví dụ: Bản mô tả tính chất đặc thù của **chỉ dẫn địa lý khoai lang Batata Doce de Aljezur** (Bồ Đào Nha) quy định rằng nhãn sản phẩm phải bao gồm cụm từ “Batata Doce de Aljezur - Indicação Geográfica Protegida”, biểu trưng tương ứng của EU (sau khi được đăng ký) và biểu trưng của sản phẩm như được nêu trong bản mô tả sản phẩm. Ngoài ra, cho dù việc thể hiện thương mại của sản phẩm như thế nào thì nhãn sản phẩm cũng phải chứa nhãn hiệu chứng nhận của tổ chức kiểm soát và cơ quan chứng nhận (OPC). Tên và địa chỉ của doanh nghiệp hoặc của nhà sản xuất không được thay bằng tên của bất kỳ tổ chức nào khác, ngay cả khi đó là tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm hoặc bán sản phẩm. Không được thêm bất kỳ dấu hiệu hoặc yếu tố nào khác vào tên gọi “Batata Doce de Aljezur – PGI”, kể cả nhãn hiệu của các nhà phân phối hoặc của những người khác.



Indicação Geográfica Protegida

Biểu trưng của chỉ dẫn địa lý
khoai lang Batata Doce de Aljezur
trong Bản mô tả sản phẩm

8. Các yêu cầu bổ sung

Phần này chỉ được thực hiện nếu có **yêu cầu bổ sung theo luật pháp quốc gia ảnh hưởng đến việc sản xuất và tiếp thị các sản phẩm** mà chưa được đề cập đến trước đó. Nếu không, **có thể để trống.**

Ví dụ: Bản mô tả tính chất đặc thù của tên gọi xuất xứ trà Darjeeling (Ấn Độ), được đăng ký tại EU năm 2011, bao gồm các thông tin liên quan đến các yêu cầu bổ sung theo luật pháp quốc gia như sau: “Kể từ tháng 02/2000, hệ thống chứng nhận bắt buộc theo luật về xác nhận nguồn gốc đích thực của trà Darjeeling để xuất khẩu nhằm thực thi quy định của Đạo luật trà năm 1953. Hệ thống này yêu cầu tất cả các nhà phân phối trà Darjeeling phải ký kết hợp đồng sử dụng (nhãn hiệu) với Hội đồng Trà Ấn Độ và phải trả phí sử dụng hàng năm. Các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này quy định rằng người được cấp phép phải cung cấp các thông tin liên quan đến việc trồng, chế biến trà và có bán trà Darjeeling thông qua đấu giá hay không. Theo đó, Hội đồng Trà có thể tính toán và thống kê tổng khối lượng trà Darjeeling được sản xuất và bán trong một khoảng thời gian nhất định. Không được trộn với các loại trà có nguồn gốc từ nơi khác. Ngoài ra, khi xuất khẩu trà Darjeeling phải kèm theo bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ, Giấy phép xuất khẩu chè và Giấy phép sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho từng lô trà.”

2.1.2 Thông tin bổ trợ

Ngoài bản mô tả sản phẩm, gồm tất cả phụ lục liên quan, **có một số thông tin khác cần phải nộp cùng đơn đăng ký CDĐL dưới dạng các tài liệu độc lập.** Những thông tin này bao gồm:

- Tuyên bố về loại **chỉ dẫn địa lý dự kiến đăng ký bảo hộ**, là tên gọi xuất xứ hay chỉ dẫn địa lý.
- **Nước xuất xứ của sản phẩm**, phải liệt kê các quốc gia liên quan nếu là sản phẩm xuyên biên giới.
- **Người nộp đơn**, bao gồm tên, thông tin liên lạc (địa chỉ, điện thoại, fax, email), tình trạng pháp lý, quy mô (số lượng thành viên) và cơ cấu tổ chức (vai trò của các thành viên). Tài liệu về hoạt động của người nộp đơn (Báo cáo hàng năm, Quy chế hoạt động, v.v.) là không bắt buộc, trừ khi được yêu cầu. **Nếu người nộp đơn là cá nhân hoặc pháp nhân duy nhất**, phải chứng minh rằng đó là nhà sản xuất duy nhất trong khu vực và tính chất đặc thù của sản phẩm là khác với các sản phẩm

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

được sản xuất bên ngoài khu vực địa lý xác định. Điều quan trọng cần lưu ý là người nộp đơn phải chịu trách nhiệm về đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý.

- **Bằng chứng bảo hộ ở nước xuất xứ**, bằng việc **trích lục từ Đăng bạ hoặc một bản sao quyết định** có liên quan để **chứng minh việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở nước xuất xứ**, có thể được bảo hộ là chỉ dẫn địa lý, tên gọi xuất xứ, nhãn hiệu, hoặc theo các quy định của pháp luật về ghi nhãn sản phẩm, v.v.

2.1.3 Bản tóm tắt

Bản tóm tắt gồm các thông tin chính của bản mô tả sản phẩm. Do đó, **tất cả các quy tắc nêu trên và các nội dung chính của bản mô tả sản phẩm phải được lưu ý khi xây dựng Tài liệu này.**

Tài liệu này mang giá trị pháp lý đối với việc đăng ký tên gọi trên toàn EU, mô tả sản phẩm tương ứng với tên gọi được bảo hộ.

Bản tóm tắt là một tài liệu độc lập, vì vậy không nên dẫn chiếu các quy định pháp luật và quy tắc của quốc gia, cũng như tránh đề cập mục quá lớn. **Không nên quá dài** (tối đa từ 3 - 5 trang), nhưng phải rất chính xác và cụ thể, **tránh các thông tin thiếu căn cứ** như thể được viết bởi một chuyên gia nông học.

Khác với bản mô tả sản phẩm, **Bản tóm tắt phải được làm theo mẫu**¹⁷ do Tổng vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ủy ban châu Âu) quy định và phải được tuân thủ nghiêm ngặt. Bản tóm tắt nên có độ dài và không quá 2.500 từ, trừ các trường hợp cần lý giải rõ ràng hơn.

Ủy ban sẽ yêu cầu nộp tài liệu ở dạng WORD và sử dụng mẫu Bản tóm tắt (không chuyển sang dạng pdf.). Các định dạng của tiêu đề phải được tôn trọng, càng chính xác càng tốt, sử dụng định dạng phông chữ “bình thường”, “Tiêu đề 1” và “chế độ gạch ngang đầu dòng danh sách liệt kê” cho toàn tài liệu. Có thể sử dụng bảng biểu trong word, định dạng JPG hoặc TIF cho các biểu đồ hình họa, v.v. Biểu trưng phải được thể hiện dưới dạng đen và trắng. **Bản tóm tắt** sẽ được công bố trên trang web của EC.

Ngoài việc tuân thủ tất cả các yêu cầu như được đề cập ở trên khi xây dựng bản mô tả sản phẩm và tuân thủ theo mẫu được quy định, cần lưu ý một số vấn đề khác trong quá trình hoàn thành bản tóm tắt sản phẩm. **Các nội dung chính của Bản tóm tắt** gồm:

THÔNG TIN ĐỀ MỤC

Tên gọi: viết bằng chữ IN HOA theo mẫu để được đăng ký.

Số EU: Để trống, sẽ được điền bởi Ủy ban châu Âu.

Đánh dấu “x”: để chọn hình thức đăng ký Tên gọi xuất xứ hoặc Chỉ dẫn địa lý cho đơn đăng ký.

1. TÊN GỌI (của chỉ dẫn địa lý hoặc tên gọi xuất xứ)

Người nộp đơn phải điền tên gọi dự kiến được đăng ký.

Điều quan trọng cần ghi nhớ là:

- Tên gọi phải được **viết bằng ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ gốc** đang được sử dụng hoặc đã từng được sử dụng tại khu vực đó. Có thể có các phiên bản của tên gọi bằng các ngôn ngữ chính thức của Liên minh châu Âu, ngôn ngữ ít được sử dụng hơn, tiếng địa phương hoặc các phiên bản khác. Yếu

¹⁷ Mẫu Bản tóm tắt (hay còn gọi là “Tài liệu duy nhất”) bằng tất cả các ngôn ngữ của EU.

tổ quyết định khả năng được đăng ký là việc sử dụng tên gọi ở khu vực liên quan. **Những thông tin này phải có trong Bản tóm tắt bằng cách sử dụng các chữ in hoa và in thường, giống như định dạng của tiêu đề.**

- Tên gọi phải được **viết bằng ngôn ngữ gốc được sử dụng tại khu vực xuất xứ**, bao gồm bản phiên âm bằng tiếng La-tinh trong trường hợp không sử dụng các ký tự La-tinh.
- Nếu sử dụng nhiều hơn một phiên bản, thì các phiên bản khác của tên gọi phải được **phân cách với nhau bằng dấu “/”**.
- **Phải cung cấp bằng chứng về việc sử dụng trước**, có thể đưa ra ví dụ về sử dụng bằng việc đăng ký tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý cho loại sản phẩm khác, nhãn hiệu đã được đăng ký, tên của giống cây trồng hoặc vật nuôi, sử dụng phổ biến, v.v.
- **Phải xem xét liệu tên gọi đó có bao gồm hoặc chứa tên gọi của một khu vực hoặc địa danh cụ thể hay không:** Một **địa danh truyền thống** có thể được xem xét nếu tên gọi của một khu vực hoặc địa danh cụ thể có chứa trên gọi của một khu vực khác biệt đáng kể so với khu vực địa lý của sản phẩm. Trong trường hợp này, cần phải chứng minh rằng sản phẩm được biết đến bởi tên gọi đó và được sản xuất tại khu vực địa lý xác định, tránh gây hiểu nhầm cho người tiêu dùng bằng cách áp đặt một tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý của một khu vực nhất định cho một khu vực rộng hơn nhiều để tận dụng danh tiếng của khu vực đó.
- Nếu **tên gọi là tên của một quốc gia** thì việc sử dụng tên gọi đó phải được lý giải.

Ví dụ: *Bản mô tả tính chất đặc thù để đăng ký tại EU cho tên gọi xuất xứ Café de Colombia bao gồm một nội dung có tiêu đề: “Tính chất đặc biệt của tên gọi Cô-lôm-bi-a” để lý giải cho việc sử dụng tên gọi quốc gia.*

- Nếu sử dụng nhiều tên gọi cho nhiều các sản phẩm khác nhau thì **phải nộp các đơn đăng ký riêng.**

Tên gọi phải chính xác (về từ ngữ, ký tự) trong toàn bộ bản tóm tắt.

2. NƯỚC THÀNH VIÊN HOẶC NƯỚC THỨ BA

Tên nước xuất xứ của đơn phải được đề cập trong Bản tóm tắt, nếu là đồng chủ đơn thì phải nêu rõ tên của tất cả các nước liên quan.

3. MÔ TẢ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ

3.1. Loại sản phẩm

Sản phẩm phải được **phân loại theo Bảng phân loại sản phẩm:**

- **Rượu vang:** đoạn 1, 3-6, 8, 9, 11, 15 và 16 Phụ lục XIb Quy chế Hội đồng số 1234/2007
- **Rượu mạnh:** Phụ lục II Quy chế EU số 110/2008
- **Nông sản và thực phẩm:** Phụ lục XI Quy chế thi hành của Ủy ban (EU) số 668/2014.

3.2. Mô tả về sản phẩm mang tên gọi tại điểm (1)

Cùng với mối liên hệ, mô tả sản phẩm là **nội dung quan trọng nhất của Bản tóm tắt**. Vì vậy, phải nhất quán với các thông tin về tính chất đặc thù của sản phẩm, nhưng **không nên lặp lại**.

Để xác định sản phẩm, người nộp đơn phải sử dụng các định nghĩa và tiêu chuẩn phổ thông được

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

sử dụng cho sản phẩm đó. Trong phần này, mô tả phải tập trung vào đặc tính riêng của sản phẩm bằng cách sử dụng các đơn vị đo lường và các thuật ngữ kỹ thuật để so sánh, chứ không phải các đặc điểm kỹ thuật phổ biến của tất cả sản phẩm thuộc chủng loại đó.

Thông tin phải bao gồm các đặc điểm vật lý, hóa học, cảm quan và vi sinh vật, mô tả rõ từng sản phẩm và chính xác theo các nội dung có trong bản mô tả sản phẩm.

Việc **giải đáp các câu hỏi** như cái gì làm cho sản phẩm trở nên đặc biệt? Nó khác biệt với các sản phẩm cùng loại như thế nào? Tại sao nó lại phân biệt được với các sản phẩm khác, v.v. là rất hữu ích.

Tuy nhiên, điều quan trọng là **phải tránh việc mô tả một cách chủ quan và không chính xác**, chẳng hạn như ngon, đẹp, tuyệt vời, đặc biệt, v.v. cũng như tránh việc cường điệu và so sánh không có căn cứ khoa học, chẳng hạn như tốt nhất, có nhu cầu cao nhất, v.v.

3.3. Thức ăn (đối với sản phẩm có nguồn gốc từ động vật) và nguyên liệu (đối với sản phẩm chế biến)

- **Đối với TGXX, cần phải được khẳng định rằng thức ăn và nguyên liệu có nguồn gốc từ khu vực địa lý.** Trong trường hợp thức ăn hoặc nguyên liệu có nguồn gốc từ ngoài khu vực thì cần phải mô tả chi tiết và lý giải đầy đủ về những ngoại lệ đó.
- **Đối với CDĐL, phải nêu rõ các yêu cầu về chất lượng hoặc những hạn chế về nguồn gốc nguyên liệu, cũng như lý giải đầy đủ cho những hạn chế đó liên quan đến mối liên hệ giữa sản phẩm và nguồn gốc địa lý.**

Những ngoại lệ đối với TGXX và hạn chế đối với CDĐL phải phù hợp với các quy tắc có trong Quy chế EU¹⁸, theo đó Ủy ban có thể áp dụng các hành vi liên quan đến:

- Những hạn chế và miễn trừ liên quan đến nguồn gốc thức ăn đối với sản phẩm được bảo hộ TGXX, có lưu ý đến các đặc tính cụ thể của việc sản xuất sản phẩm có nguồn gốc động vật.
- Những hạn chế và loại trừ liên quan đến giết mổ động vật sống hoặc nguồn cung ứng nguyên liệu, có lưu ý đến các đặc tính cụ thể của các sản phẩm hoặc khu vực địa lý nhất định.

Những hạn chế và loại trừ phải căn cứ vào tiêu chí khách quan, có lưu ý đến chất lượng hoặc việc sử dụng, các bí quyết và yếu tố tự nhiên được công nhận.

3.4. Các khâu sản xuất cụ thể phải diễn ra trong khu vực địa lý xác định

Tất cả các khâu sản xuất diễn ra trong khu vực địa lý xác định phải được mô tả trong phần này, từ nguồn nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng. Bất kỳ sự hạn chế hoặc ngoại lệ nào cũng phải được giải thích rõ ràng.

Điều quan trọng cần ghi nhớ là:

- **Tất cả hoạt động sản xuất phải diễn ra trong khu vực của đơn đăng ký tên gọi xuất xứ.**

3.5. Quy định cụ thể liên quan đến việc cắt miếng, đóng gói v.v. sản phẩm mang tên gọi

Phần này là **không bắt buộc, do đó có thể để trống.**

Nếu có trong bản tóm tắt thì **phần này phải bao gồm các thông tin và sự lý giải rõ ràng về bất kỳ quy định hoặc hạn chế nào có liên quan đến việc cắt miếng, đóng chai, đóng gói, bao bì, v.v.,** có nghĩa là các khâu sau khi làm ra sản phẩm cuối cùng.

Điều quan trọng cần ghi nhớ là:

- **Bất kỳ sự hạn chế nào về địa lý liên quan đến đặc tính của sản phẩm đều cần được lý giải một cách rõ ràng** vì nó có thể dẫn đến sự hạn chế các quyền tự do trên thị trường chung EU.

Ví dụ: Theo bản tóm tắt của tên gọi xuất xứ thịt giăm-bông Prosciutto di Parma (Ý), sau khi gắn biểu trưng, sản phẩm có thể được bán toàn phần, rút xương, cắt miếng hoặc đóng gói với trọng lượng và kích thước khác nhau. Đối với việc cắt miếng và đóng gói, quá trình cắt miếng và đóng gói phải được thực hiện trong khu vực sản xuất và biểu trưng của tên gọi xuất xứ phải được gắn lên các gói sao cho không bị nhòe chữ hoặc bị bong, nhằm bảo đảm các đặc điểm chất lượng đặc trưng của “Prosciutto di Parma” và khả năng truy xuất nguồn gốc đầy đủ về sản phẩm. Do đó, để tránh hạn chế các quyền tự do trên thị trường chung, việc cấm đóng gói bên ngoài khu vực địa lý nhằm ngăn cấm người mua đóng gói hoặc cắt miếng lại sản phẩm là hợp lý.

3.6. Các quy định cụ thể liên quan đến ghi nhãn của sản phẩm mang tên gọi

Phần này là **không bắt buộc**, do đó có thể để trống.

Nếu có trong bản tóm tắt, **nếu người nộp đơn muốn công bố các yêu cầu đặc biệt về việc ghi nhãn thì phải mô tả trong phần này**, theo các nội dung tương tự được nêu trong bản mô tả sản phẩm liên quan và lưu ý đến các nghĩa vụ được quy định dành cho tất cả các chủ thể liên quan. Bất kỳ sự hạn chế hoặc ngoại lệ nào cũng phải được giải thích rõ ràng.

4. XÁC ĐỊNH CỤ THỂ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Phần này của Bản tóm tắt bao gồm các thông tin **tóm tắt về ranh giới của khu vực địa lý được nêu trong bản mô tả sản phẩm, cần phải rất cô đọng, tránh chung chung và nêu rõ mối liên hệ giữa khu vực địa lý và sản phẩm.** Vì vậy, nên dẫn chiếu đến ranh giới thực tế hoặc địa giới hành chính, nếu có.

Cần phải xác định rõ khu vực địa lý (trong đó có thể bao gồm nhiều vùng không liền kề nhau về điều kiện môi trường). Do đó, nếu vùng đó gồm 30 trong số 40 địa phương của một tỉnh thì không cần phải liệt kê tất cả các địa phương đó nhưng nên giải thích đủ để hiểu được hoặc sử dụng phương pháp loại trừ.

Phải kèm theo bản đồ, nếu phù hợp.

5. MỐI LIÊN HỆ VỚI KHU VỰC ĐỊA LÝ

Mối liên hệ với khu vực địa lý là nội dung quan trọng nhất của Bản tóm tắt, như đã được đề cập trong bản mô tả sản phẩm, **vì nó chỉ ra lý do tại sao tên gọi lại diễn tả được sản phẩm có mối liên hệ chặt chẽ với khu vực địa lý.**

Mô tả về mối liên hệ phải làm sáng tỏ được tính chất đặc thù của sản phẩm được tạo ra bởi khu vực địa lý như thế nào và yếu tố nào (tự nhiên, con người và những yếu tố khác) tạo ra đặc trưng của sản phẩm. Ngoài ra, cũng cần nhấn mạnh phương pháp sản xuất sản phẩm khác biệt so với phương pháp

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

sản xuất ra sản phẩm khác như thế nào và sự đóng góp của nó trong việc tạo ra tính chất đặc thù cụ thể và đặc biệt của sản phẩm.

- Đối với TGXX, phải bao gồm mối liên hệ nhân quả giữa chất lượng hoặc tính chất đặc thù của sản phẩm và môi trường địa lý, với các yếu tố tự nhiên và con người, bao gồm các yếu tố tạo nên sản phẩm hoặc phương pháp sản xuất sản phẩm để chứng minh cho mối liên hệ này, nếu phù hợp.
- Đối với CDĐL, phải bao gồm mối liên hệ nhân quả giữa nguồn gốc địa lý và chất lượng, danh tiếng hoặc các đặc tính nhất định khác của sản phẩm. Người nộp đơn phải chỉ rõ yếu tố nào trong số những yếu tố đó (uy tín, chất lượng, đặc tính khác của sản phẩm) mà mối liên hệ nhân quả được tạo nên và chỉ cung cấp những thông tin liên quan đến các yếu tố đó, bao gồm các yếu tố tạo nên sản phẩm hoặc phương pháp sản xuất ra sản phẩm để chứng minh cho mối liên hệ này.

Điều quan trọng cần ghi nhớ là:

- Đối với đơn đăng ký TGXX, mối liên hệ phải rất mạnh, phải mô tả được các đặc điểm của khu vực địa lý xác định (khí hậu, đất, địa hình, lượng mưa, ánh sáng, độ cao, v.v.) có ảnh hưởng đến sản phẩm cuối cùng như thế nào và chứng minh được rằng những đặc điểm này 100% là do môi trường và bí quyết của nhà sản xuất. Chỉ danh tiếng sẽ không đủ để lý giải cho mối liên hệ đối với TGXX.
- Trong trường hợp đơn đăng ký CDĐL dựa trên danh tiếng, đặc trưng của sản phẩm có danh tiếng phải được giải thích và hỗ trợ bằng cách trích dẫn các thông tin và số liệu chính xác để minh họa cho danh tiếng. Có thể kèm thêm các thông tin và tài liệu bổ trợ khác liên quan đến lý do tại sao sản phẩm có liên quan đến khu vực địa lý, ví dụ các giải thưởng, sự kiện dẫn trong các tài liệu chuyên môn hoặc báo chí, việc đề cập đặc biệt trong các ấn phẩm nấu ăn, v.v.
- **Bí quyết của các nhà sản xuất địa phương** cũng có thể được mô tả trong phần này, chỉ đề cập đến các kỹ năng đặc biệt và cụ thể, không đề cập đến phương pháp có được sản phẩm vì đã được giải thích trong bản mô tả sản phẩm.
- **Cần tránh mô tả các đặc trưng của sản phẩm không liên quan đến khu vực địa lý, các bí quyết hoặc danh tiếng.**
- Nên có các ví dụ cụ thể về việc **sử dụng hữu hiệu tên gọi**, cả trong quá khứ và hiện tại, đặc biệt là các thông tin về việc thương mại hóa hiệu quả sản phẩm.

Phải bảo đảm rằng tất cả thông tin trong Bản tóm tắt phù hợp với bản mô tả sản phẩm và lưu ý rằng cần tránh việc **viện dẫn đến các quy định khác hoặc thông tin có phạm vi rộng hơn**. Ngoài ra, **khi Bản tóm tắt được hoàn tất, phải được nộp kèm bản mô tả sản phẩm, cùng với các tài liệu khác của đơn.**

2.2 Quy trình đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU

Có hai quy trình khác nhau để đăng ký CDĐL ở EU: một áp dụng cho rượu vang, nông sản và thực phẩm, và một áp dụng cho rượu mạnh. Đối với các sản phẩm ngoài EU, đơn phải được nộp trực tiếp bởi người nộp đơn cho EC tại Brussels hoặc thông qua cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba liên quan để gửi cho EC.

Cần nhắc lại là, **khi đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được nộp:**

- bởi hiệp hội các nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba,

- có đủ các tài liệu theo yêu cầu (bản mô tả sản phẩm, các tài liệu bổ trợ và Bản tóm tắt),
- bằng một trong số các ngôn ngữ chính thức của EU,
- và đơn điện tử ở dạng word nếu có thể,

thì Ủy ban châu Âu sẽ bắt đầu thực hiện thủ tục đăng ký như sau:

1. **Tiếp nhận và ghi ngày nhận đơn:** Khi nhận đơn, Ủy ban sẽ ghi ngày nhận đơn. **Ngày nhận đơn là ngày mà đơn được gửi** cho Ủy ban bằng phương tiện điện tử. Giấy biên nhận sẽ được Ủy ban gửi cho người nộp đơn.
 - **Riêng đối với rượu vang, có thời hạn cụ thể để xác định liệu đơn có được chấp nhận.** Ủy ban sẽ xác minh xem đơn đã hoàn thiện chưa và có đủ các tài liệu bổ trợ không. Nếu đơn chưa hoàn thiện hoặc chỉ hoàn thiện một phần, hoặc nếu các tài liệu bổ trợ không được xây dựng cùng với đơn hoặc bị thiếu, Ủy ban sẽ có thông báo và yêu cầu người nộp đơn khắc phục những thiếu sót về đơn trong thời hạn **hai tháng**. Nếu những thiếu sót không được khắc phục trước khi kết thúc thời hạn nêu trên, Ủy ban sẽ từ chối đơn.
 - **Đối với rượu mạnh và nông sản, EU không quy định thời hạn để khắc phục thiếu sót.**
2. **Thẩm định đơn:** Các bộ phận của Ủy ban tiến hành thẩm định đơn để kiểm tra xem đơn có hợp lệ không, có đáp ứng các yêu cầu đối với tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý không. Thời hạn xem xét đơn là:
 - **Rượu vang: không quy định về thời hạn thẩm định đơn;**
 - **Rượu mạnh: 12 tháng;**
 - **Nông sản và thực phẩm: 6 tháng.**

Ít nhất mỗi tháng Ủy ban sẽ công bố danh mục các tên gọi có trong các đơn đăng ký được nộp cho Ủy ban, cũng như ngày nộp đơn. Nếu quá thời hạn nêu trên, Ủy ban phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn về nguyên nhân của sự chậm trễ.

3. **Công bố đơn:** Căn cứ vào kết quả thẩm định đơn, nếu cho rằng các yêu cầu đăng ký đã được đáp ứng thì Ủy ban **sẽ công bố Bản tóm tắt và số tham chiếu của bản mô tả sản phẩm trên Công báo chính thức của Liên minh châu Âu (EUOJ)**.
4. **Phản đối:** Khi đơn được công bố, bất kỳ **quốc gia, thể nhân hoặc pháp nhân liên quan có quyền lợi hợp pháp đều có thể nộp đơn phản đối** việc đăng ký chỉ dẫn địa lý cho Ủy ban, bao gồm một tuyên bố rằng đơn có thể vi phạm các điều kiện đăng ký. Đơn phản đối không có tuyên bố này sẽ được coi là không hợp lệ.

Trong trường hợp đơn chung của chỉ dẫn địa lý xuyên biên giới, thủ tục phản đối quốc gia phải được thực hiện ở tất cả các nước thành viên EU liên quan và tất cả các điều kiện đăng ký CDĐL của nước ngoài (các thông tin và tài liệu yêu cầu) phải được đáp ứng ở tất cả các nước thứ ba có liên quan.

Việc phản đối phải dựa trên **các cơ sở hợp lý, có liên quan đến lãnh thổ của EU**, chẳng hạn như:

- Chứng minh rằng các điều kiện nêu tại **định nghĩa về tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý, cũng như trong bản mô tả sản phẩm không được đáp ứng;**
- Chứng minh rằng việc đăng ký tên gọi đó là **trái với các quy định của EU** về xung đột với tên gọi của giống cây trồng và vật nuôi, với các tên gọi đồng âm hoặc với nhãn hiệu đã được đăng ký trước đó;

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

- Chứng minh rằng đăng ký tên gọi đó sẽ **làm phương hại đến sự tồn tại của tên gọi hoặc nhãn hiệu trùng hoàn toàn hoặc một phần hoặc sự tồn tại của sản phẩm** đã được bán hợp pháp trên thị trường ít nhất năm năm trước ngày Ủy ban công bố đơn;
- Chứng minh rằng tên gọi được yêu cầu đăng ký là **tên gọi chung**.

Thời hạn phản đối là khác nhau, tùy thuộc vào loại sản phẩm:

- Đối với **rượu vang**: **trong vòng 02 tháng** kể từ ngày công bố trên Công báo chính thức của EU, nếu đơn phản đối hợp lệ.
- Đối với **rượu mạnh**: **trong vòng 06 tháng** kể từ ngày công bố trên Công báo chính thức của EU.
- Đối với **nông sản và thực phẩm**: bên phản đối có thêm **03 tháng để nộp tài liệu phản đối sau khi đưa ra tuyên bố phản đối trong vòng 02 tháng**. Tuyên bố phản đối hợp lý phải được đưa ra theo mẫu của EU¹⁹.

Khi đơn phản đối được nộp, Ủy ban sẽ xử lý đơn, tùy thuộc vào loại sản phẩm:

- Đối với **rượu vang**: Ủy ban sẽ ra quyết định bảo hộ hoặc từ chối đơn. Không quy định thời hạn xử lý đơn phản đối.
- Đối với **rượu mạnh**: Ủy ban sẽ quyết định **bảo hộ** hoặc **từ chối đơn trong vòng 03 tháng**.
- Đối với **nông sản và thực phẩm**: Trong vòng 02 tháng từ khi nhận đơn phản đối, Ủy ban sẽ kiểm tra tính hợp lệ của đơn và các lý do phản đối, cũng như khuyến khích việc **tham vấn giữa bên đăng ký và bên phản đối nhằm đạt được thỏa thuận**, trong vòng **03 tháng**. Thời hạn 03 tháng sẽ bắt đầu từ ngày gửi thư điện tử đến các bên liên quan yêu cầu tham vấn để thỏa thuận với nhau.

Khi các bên liên quan đạt được thỏa thuận sau các cuộc tham vấn, cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên EU hoặc của nước thứ ba có đơn phản đối được nộp phải thông báo cho Ủy ban trong vòng một tháng từ khi kết thúc tham vấn của tất cả các nội dung thỏa thuận, bao gồm ý kiến của người nộp đơn và của cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên EU hoặc của nước thứ ba hoặc của công dân và pháp nhân đã nộp đơn phản đối. Thông báo phải được làm theo mẫu quy định của EU²⁰.

Nếu đạt được thỏa thuận, Ủy ban sẽ đăng ký tên gọi và sửa chữa các thông tin được công bố trên Công báo chính thức với điều kiện là những sửa chữa đó không đáng kể về mặt nội dung. Nếu **đơn được sửa chữa đáng kể về mặt nội dung**, sau khi tham vấn, Ủy ban sẽ **thẩm định lại đơn**.

Nếu không đạt được thỏa thuận, Ủy ban sẽ quyết định có chấp nhận đăng ký hay không.

Như vậy, **thủ tục phản đối có thể kéo dài trung bình là 05 tháng đối rượu vang, 09 tháng đối với rượu mạnh và 10 tháng hoặc dài hơn đối với nông sản**.

5. **Đăng ký**: Sau khi **phản đối được giải quyết**, Ủy ban sẽ **ra quyết định bảo hộ hay từ chối đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý**, công bố quyết định trên Công báo chính thức nếu tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý được bảo hộ, thông qua các **cơ sở dữ liệu điện tử**, gồm:

- **E-Bacchus** đối với rượu vang,
- **E-Spirit Drinks** đối với rượu mạnh, và
- **DOOR** đối với nông sản và thực phẩm: Trong Đăng bạ, Ủy ban phải ghi nhận tên gọi (hoặc các tên gọi) được đăng ký của sản phẩm²¹, nhóm sản phẩm, các tham chiếu đến công cụ pháp lý để đăng

¹⁹ Quy chế Ủy ban (EU) số 668/2014 ngày 13/6/2014, Phụ lục III.

²⁰ Quy chế thi hành của Ủy ban (EU) số 668/2014 ngày 13/6/2014, Phụ lục IV.

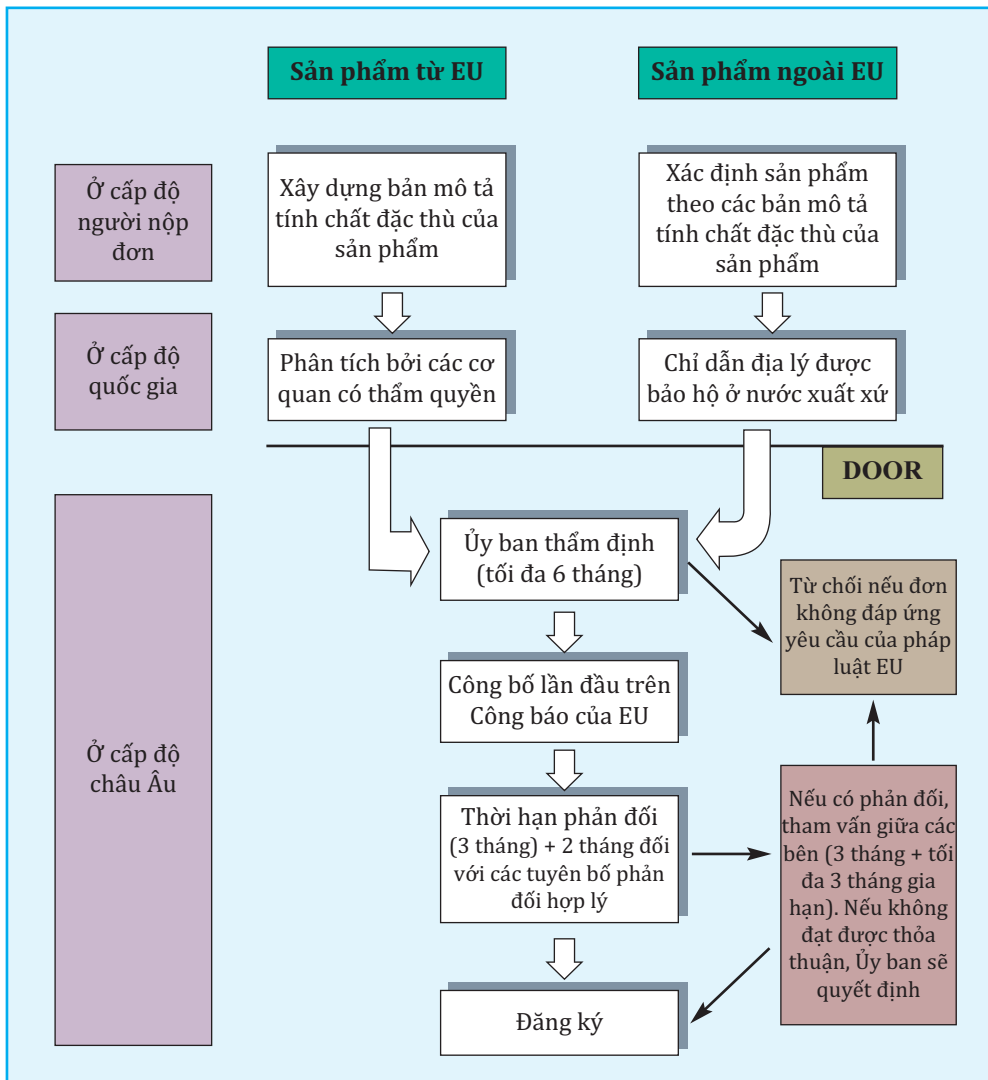
²¹ Quy chế thi hành của Ủy ban (EU) số 668/2014 ngày 13/6/2014, Phụ lục XI.

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

ký tên gọi, các tài liệu tham khảo mà theo đó tên gọi được bảo hộ TGXX hay CDĐL ở (các) nước xuất xứ.

Cho dù loại sản phẩm nào thì tổng thời gian đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU thường kéo dài từ một đến hai năm, thậm chí là lâu hơn nếu bị kéo dài hoặc quá trình đăng ký bị chậm trễ do việc phản đối trong quá trình đăng ký.

Quy trình đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU



Nguồn: Trang web của Tổng vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban châu Âu

Ngoài ra, có thể có những yêu cầu bổ sung tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình đăng ký chỉ dẫn địa lý.

6. Sửa chữa bản mô tả sản phẩm:

Người nộp đơn có thể nộp đơn xin sửa chữa bản mô tả sản phẩm. Thủ tục sửa chữa bản mô tả là

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDĐL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

khác nhau, tùy thuộc vào loại sản phẩm:

- **Rượu vang:** Nếu việc sửa chữa liên quan đến một hoặc nhiều điểm trong Bản tóm tắt, thì thủ tục đăng ký sẽ được thực hiện lại. Nếu việc sửa đổi không làm thay đổi nội dung bất kỳ của Bản tóm tắt, Ủy ban sẽ quyết định việc chấp nhận những sửa đổi đó hay không.
- **Rượu mạnh:** Nếu hồ sơ kỹ thuật bị thay đổi, thủ tục đăng ký sẽ phải thực hiện lại.
- **Nông sản và thực phẩm:** Thủ tục khác nhau, phụ thuộc vào những sửa đổi bản mô tả sản phẩm:
 - Một sửa đổi không phải là nhỏ có thể liên quan đến các đặc điểm chủ yếu của sản phẩm, làm thay đổi mối liên hệ giữa sản phẩm và khu vực địa lý, bao gồm sửa đổi tên gọi hoặc bất kỳ nội dung nào trong tên gọi của sản phẩm, làm ảnh hưởng đến khu vực địa lý xác định, hoặc làm gia tăng các hạn chế thương mại về sản phẩm hoặc nguyên liệu làm ra sản phẩm. Để được chấp nhận, đơn phải bao gồm tất cả các sửa đổi đối với bản mô tả sản phẩm và đối với Bản tóm tắt, bao gồm một mô tả đầy đủ và lý do cụ thể cho từng điểm sửa đổi, so sánh chi tiết bản mô tả sản phẩm và bản tóm tắt ban đầu với bản được sửa đổi²². Đơn sẽ được Ủy ban thẩm định lại và việc chấp nhận sẽ bao gồm những sửa đổi có trong đơn.
 - Việc sửa đổi được coi là nhỏ sẽ không liên quan đến bất kỳ nội dung nào được đề cập ở trên. Các đơn liên quan đến sản phẩm có nguồn gốc từ nước thứ ba có thể được nộp bởi nhóm người có quyền lợi hợp pháp, có thể nộp trực tiếp cho Ủy ban hoặc thông qua các cơ quan có thẩm quyền ở nước thứ ba. Đơn này phải mô tả những sửa đổi nhỏ, cùng bản giải thích vắn tắt những lý do tại sao việc sửa đổi là cần thiết và chứng minh rằng việc sửa đổi là nhỏ, so sánh bản mô tả sản phẩm và bản tóm tắt gốc với bản sửa đổi²³. Đơn phải kèm theo bản mô tả sản phẩm cập nhật nhất. Những sửa đổi nhỏ sẽ được chấp nhận (ngầm chấp nhận) nếu Ủy ban không có thông báo khác trong thời hạn ba tháng kể từ ngày nhận đơn. Trong thời hạn đó, đơn có thể được coi là không hợp lệ nếu việc sửa đổi không phải là nhỏ.
 - **Việc sửa đổi tạm thời bản mô tả sản phẩm**, do việc áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch thực vật của cơ quan có thẩm quyền hoặc do thiên tai được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc điều kiện thời tiết bất lợi, **phải được thông báo cho Ủy ban cùng với những lý do phù hợp không muộn hơn hai tuần sau khi nộp đơn**²⁴. Đối với các sản phẩm có nguồn gốc ở nước thứ ba, việc sửa đổi tạm thời phải được thông báo cho Ủy ban bởi một nhóm người có lợi ích hợp pháp hoặc bởi cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba, bao gồm các bằng chứng về biện pháp vệ sinh và kiểm dịch thực vật và bản sao của văn bản công nhận thiên tai, các điều kiện thời tiết bất lợi. Ủy ban sẽ công bố công khai các sửa đổi đó.

Ngày nộp đơn sửa đổi sẽ là ngày mà đơn được gửi đến Ủy ban bằng phương tiện điện tử. Giấy biên nhận sẽ được Ủy ban gửi cho người nộp đơn.

Nếu những sửa đổi liên quan đến một sự thay đổi thông tin được ghi trong Đăng bạ của EU được chấp nhận, Ủy ban sẽ xóa bỏ các dữ liệu ban đầu và ghi nhận các dữ liệu mới có hiệu lực từ khi có quyết định chấp nhận sửa đổi.

Nếu những sửa chữa liên quan đến nội dung của bản mô tả sản phẩm được chấp nhận, Ủy ban sẽ công bố những sửa chữa đó trên Công báo chính thức của EU.

²² Quy chế thi hành của Ủy ban (EU) số 668/2014 ngày 13/6/2014, Phụ lục V.

²³ Quy chế thi hành của Ủy ban (EU) số 668/2014 ngày 13/6/2014, Phụ lục VII.

²⁴ Quy chế thi hành của Ủy ban (EU) số 668/2014 ngày 13/6/2014, Phụ lục VIII.

7. Yêu cầu hủy bỏ:

EU cũng quy định thủ tục hủy bỏ đăng ký chỉ dẫn địa lý.

- **Đối với rượu vang**, theo thẩm quyền hoặc theo yêu cầu hợp lý của bất kỳ quốc gia, thể nhân hoặc pháp nhân liên quan có quyền lợi hợp pháp, Ủy ban có thể ra quyết định hủy bỏ đăng ký tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý nếu việc tuân thủ tính chất đặc thù của sản phẩm không được bảo đảm. Điều quan trọng cần ghi nhớ là luật pháp EU quy định thủ tục hủy bỏ đăng ký chỉ dẫn địa lý tại Ủy ban, bao gồm tiếp nhận yêu cầu hủy bỏ, thẩm định yêu cầu và ra quyết định hủy bỏ.
- **Đối với rượu mạnh**, theo yêu cầu của bất kỳ bên liên quan nào dù không được quy định trong Quy chế, Ủy ban sẽ ra quyết định hủy bỏ đăng ký chỉ dẫn địa lý nếu việc tuân thủ bản mô tả sản phẩm không được bảo đảm. Quyết định sẽ được công bố trên Công báo chính thức của EU.

Đối với nông sản và thực phẩm, theo thẩm quyền của các nước thành viên hoặc theo yêu cầu của bất kỳ thể nhân hoặc pháp nhân liên quan nào có quyền lợi hợp pháp, Ủy ban có thể thực hiện thủ tục giống như thủ tục đăng ký để hủy bỏ tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý nếu các yêu cầu trong mô tả sản phẩm không được đáp ứng hoặc nếu sản phẩm không được đưa ra thị trường dưới danh nghĩa tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý trong vòng ít nhất 7 năm kể từ khi đăng ký. Yêu cầu hủy bỏ phải được làm theo mẫu quy định của EU²⁵, kèm theo tuyên bố của các nước thành viên liên quan, chỉ rõ họ thấy rằng đơn được nộp đáp ứng tất cả các điều kiện áp dụng. Ngoài ra, theo yêu cầu của các nhà sản xuất sản phẩm bán trên thị trường mang tên gọi được đăng ký, Ủy ban có thể hủy bỏ đăng ký tương ứng. Các tuyên bố phản đối hợp lý yêu cầu hủy bỏ sẽ được coi là hợp lệ chỉ khi chúng thể hiện sự tin cậy thương mại liên tục của người liên quan về tên đăng ký.

Hàng tháng, Ủy ban phải công bố công khai danh mục các tên có đơn yêu cầu hủy bỏ, cũng như ngày nộp của những đơn đó.

Khi việc hủy bỏ có hiệu lực, Ủy ban sẽ xóa tên gọi khỏi Đăng bạ liên quan.

2.3 Chi phí đăng ký chỉ dẫn địa lý

Vấn đề đầu tiên và có liên quan nhất đến chi phí là người nộp đơn **không phải nộp lệ phí đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU**. Ủy ban không thu bất kỳ khoản tiền nào cho việc nhận, thẩm định đơn và đăng ký chỉ dẫn địa lý.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa rằng người nộp đơn sẽ không mất chi phí khi đăng ký chỉ dẫn địa lý. Có thể liệt kê một số chi phí mà người nộp đơn **phải trả để xác lập, đăng ký và quản lý chỉ dẫn địa lý, nhưng khó có thể xác định chính xác số chi phí này vì sẽ phụ thuộc vào từng sản phẩm.**

Các chi phí có thể phát sinh bao gồm:

- **Thành lập tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý:** Tổ chức của các nhà sản xuất chịu trách nhiệm quản lý chỉ dẫn địa lý sẽ phải chịu chi phí xây dựng bản mô tả sản phẩm, cũng như chi phí quảng bá và bảo hộ chỉ dẫn địa lý, duy trì giám sát thị trường tại EU, ngay cả khi sau khi chỉ dẫn địa lý được đăng ký.
- **Thực hiện hoạt động kiểm soát:** Việc kiểm soát thường xuyên đối với toàn bộ quy trình sản xuất (nội bộ và từ bên ngoài) sẽ tốn đáng kể chi phí và các khoản chi này thường được các nhà sản xuất

²⁵ Quy chế thi hành của Ủy ban (EU) số 668/2014 ngày 13/6/2014, Phụ lục IX

2. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CDDL Ở EU ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI EU

chi trả - những người chi tiền để bảo đảm rằng sản phẩm của họ đáp ứng các yêu cầu về chất lượng của sản phẩm.

- **Quy trình đăng ký:** Người nộp đơn phải chịu các chi phí liên quan đến chuẩn bị đơn đăng ký CDDL, các cuộc thảo luận và trao đổi thông tin với EC, cũng như xử lý các ý kiến phản đối, nếu có.

Do đó, sẽ sai lầm khi cho rằng đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở EU là không mất tiền vì dù được miễn phí các khoản phí và lệ phí đăng ký, nhưng sẽ có một số chi phí khác và khó xác định cần được chi trả bởi nhà sản xuất.

2.4 Những thách thức khi đăng ký CDDL ở EU

Thành công của việc đăng ký CDDL phụ thuộc vào chất lượng thông tin có trong đơn. Nếu đơn được chuẩn bị tốt và đáp ứng tất cả yêu cầu đặt ra trong Quy chế của EU thì thường sẽ không có trở ngại lớn trong việc đăng ký CDDL.

Tuy nhiên, có một số vấn đề có thể ảnh hưởng đến việc đăng ký chỉ dẫn địa lý, gồm:

- **Thời gian đăng ký chỉ dẫn địa lý** phụ thuộc vào năng lực của các cơ quan chức năng của EU trong quá trình xử lý đơn.
- Năng lực của người nộp đơn trong việc trả lời các câu hỏi bổ sung.
- Khả năng có đơn phản đối, làm kéo dài thời gian và phát sinh những trở ngại đáng kể cho việc đăng ký. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề chung cho tất cả các loại quyền sở hữu trí tuệ.

Những thách thức chính mà các nhà sản xuất ở ngoài EU thường gặp phải là:

- **Bảo đảm rằng đơn có đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Ủy ban.**
- **Chứng minh rằng tên gọi liên quan đã được bảo hộ ở nước xuất xứ.**
- Bảo đảm rằng hệ thống truy xuất nguồn gốc của sản phẩm được vận hành tốt.
- **Có hệ thống kiểm soát chính thức được vận hành tốt**, để bảo đảm rằng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu nêu trong bản mô tả sản phẩm.
- **Cung cấp bản dịch có xác thực về đơn** bằng một trong số những ngôn ngữ chính thức của Liên minh châu Âu.
- **Cung cấp cho Ủy ban các thông tin bổ sung**, khi được yêu cầu.
- Có trách nhiệm **phản hồi các ý kiến phản đối** đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý, trước hết là chuẩn bị các tài liệu bổ sung cần thiết để hỗ trợ cho các thông tin có trong bản mô tả sản phẩm.

3. KHI CDĐL ĐƯỢC ĐĂNG KÝ Ở EU

3. KHI CDDL ĐƯỢC ĐĂNG KÝ Ở EU

3.1 Sử dụng biểu trưng CDDL của EU

Ủy ban đã xây dựng và duy trì một **Đăng bạ được cập nhật thường xuyên** và có thể truy cập trực tuyến về các tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý được đăng ký bảo hộ.

- **Đối với rượu vang:** Khi được đăng ký, tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý rượu vang sẽ được nhập vào Đăng bạ E-BACCHUS²⁶ của EU và các nước thành viên EU có trách nhiệm thực thi sự bảo hộ này.
- **Rượu mạnh:** Khi được đăng ký, chỉ dẫn địa lý rượu mạnh sẽ được nhập vào Đăng bạ E-SPIRITS²⁷ của EU và các nước thành viên EU có trách nhiệm thực thi sự bảo hộ này.
- **Đối với nông sản và thực phẩm:** Khi được đăng ký, tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý nông sản và thực phẩm sẽ được nhập vào Đăng bạ DOOR²⁸ của EU và các nước thành viên EU có trách nhiệm thực thi sự bảo hộ này.

Ngoài ra, để tạo thuận lợi cho người tiêu dùng nhận diện các sản phẩm có tính chất đặc thù gắn với nguồn gốc địa lý, EU đã xây dựng các biểu trưng (logo) bắt buộc dùng cho tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý được bảo hộ đối với nông sản và thực phẩm. Việc sử dụng các **biểu trưng này là không bắt buộc đối với các sản phẩm có nguồn gốc ở nước khác bán trên thị trường theo tên gọi đã được đăng bạ ở EU.**

Việc sử dụng các biểu trưng cũng là **tự nguyện đối với CDDL rượu vang của EU và của nước khác.**

EU không có biểu trưng chỉ dẫn địa lý cho rượu mạnh.

Biểu trưng của EU chỉ có thể được gắn trên các sản phẩm có trong danh mục đăng ký, đáp ứng yêu cầu tại bản mô tả sản phẩm, có thể được sử dụng cho sản phẩm ở EU cũng như ở tất cả thị trường trên thế giới.

Có hai biểu trưng khác nhau của EU cho TGXX và CDDL:



Đối với chỉ dẫn địa lý ngoài EU được bảo hộ tại EU, hiệp hội các nhà sản xuất hoặc chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý sẽ quyết định việc sử dụng biểu trưng của EU. Tuy nhiên, khi sử dụng thì phải tôn trọng các quy định về việc sử dụng biểu trưng của EC trên tem nhãn hoặc bao bì của sản phẩm được bảo hộ tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý²⁹. Theo đó, Quy chế của EU quy định:

²⁶ Cơ sở dữ liệu E-BACCHUS

²⁷ Cơ sở dữ liệu E-SPIRITS-DRNKS

²⁸ Cơ sở dữ liệu DOOR

²⁹ Quy chế thi hành của Ủy ban (EU) số 664/2014 ngày 18/12/2013 và Quy chế thi hành của Ủy ban số 668/2014 ngày 13/6/2014.

- Biểu trưng phải được thể hiện ở dạng màu, sử dụng định dạng màu sắc trực tiếp (pantone) hoặc bốn màu, theo Quy chế.
- Chỉ dẫn “TÊN GỌI XUẤT XỨ ĐƯỢC BẢO HỘ” và “CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HỘ” cùng biểu trưng có thể được sử dụng bằng các ngôn ngữ chính thức của EU, như được quy định trong Quy chế của EU³⁰.
- Nếu biểu trưng của EU, chỉ dẫn và các từ ngữ viết tắt (PDO hoặc PGI) xuất hiện trên nhãn sản phẩm, chúng có thể được dùng kèm theo tên gọi được đăng ký.
- Chỉ dẫn, từ viết tắt và biểu trưng có thể được sử dụng trên phương tiện truyền thông hoặc trên quảng cáo nhằm mục đích bộc lộ biểu tiêu chuẩn chất lượng nhằm mục đích quảng cáo các tên gọi được đăng ký.
- Nếu biểu trưng được sử dụng ở dạng màu trên nền màu gây khó đọc thì có thể sử dụng một vòng tròn bên ngoài của biểu trưng để phân chia ranh giới xung quanh biểu trưng, và nâng cao độ tương phản với màu nền.
- Việc sử dụng biểu trưng ở dạng đen và trắng là được phép chỉ khi được sử dụng trên nền bao gói màu.
- Nếu màu nền bao gói là xám, biểu trưng có thể được sử dụng ở dạng âm.
- Sử dụng phông chữ Times New Roman dạng IN HOA cho các ký tự trong biểu trưng có đường kính tối thiểu là 15 mm.
- Biểu trưng không thể được sử dụng trên sản phẩm sử dụng TGXX hoặc CDĐL làm nguyên liệu, hoặc là hỗn hợp của các TGXX hoặc CDĐL khác nhau.

Ngoài ra, chủ sở hữu tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý được đăng ký tại EU cần phải tham khảo Tài liệu Hướng dẫn việc dán tem nhãn cho thực phẩm có sử dụng nguyên liệu được bảo hộ chỉ dẫn địa lý hoặc tên gọi xuất xứ do Ủy ban ban hành năm 2010.³¹

Một số ví dụ:



Chỉ dẫn địa lý giấm Aceto Balsámico di Modena (Ý)



Chỉ dẫn địa lý thịt bò Scotch (Vương quốc Anh)



Chỉ dẫn địa lý đậu Lenteja de la Armuña (Tây Ban Nha)



Tên gọi xuất xứ lê Peras de Rincón de Soto (Tây Ban Nha)



Tên gọi xuất xứ pho mát Mela Val di Non



Tên gọi xuất xứ táo Roquefort (Ý)

³⁰ Quy chế thi hành của Ủy ban số 668/2014 ngày 13/6/2014 Phụ lục X.

³¹ Thông báo của Ủy ban số 2010/C 341/03: Hướng dẫn về dán nhãn thực phẩm có sử dụng nguyên liệu được bảo hộ tên gọi xuất xứ và CDĐL.

3.2 Phạm vi bảo hộ

Pháp luật EU cho phép chỉ dẫn địa lý được bảo hộ ở 28 nước thành viên của EU.

Tất cả tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý được đăng ký ở EU đều được hưởng sự bảo hộ giống nhau.

Chỉ sử dụng chỉ dẫn địa lý được đăng ký cho các sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn nêu trong bản mô tả sản phẩm, và do đó, **các nhà sản xuất được độc quyền sử dụng tên gọi đã đăng ký cho sản phẩm của họ**. Điều này có nghĩa rằng các **chỉ dẫn địa lý được bảo hộ** có quyền chống lại các hành vi dưới đây:

- Mọi hành vi sử dụng tên gọi được đăng ký một cách trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm mục đích **thương mại** dùng cho sản phẩm không có trong danh mục đăng ký nếu các sản phẩm đó có thể so sánh với các sản phẩm được đăng ký hoặc nếu việc sử dụng tên gọi đó nhằm lợi dụng **đanh tiếng từ tên gọi được đăng ký**.

Một khía cạnh cụ thể của quyền ngăn cấm này là việc **CDĐL được sử dụng làm nguyên liệu để chế biến sản phẩm khác**, khi đó việc ghi nhãn phải bảo đảm rằng người tiêu dùng không bị nhầm lẫn về bản chất, đặc tính, tính chất và thành phần của sản phẩm.

Ví dụ: Tên gọi xuất xứ bột Neccio della Garfagnana (Ý). Chỉ được phép sử dụng cụm từ "Bột Neccio della Garfagnana" trong tài liệu bán hàng của sản phẩm thực phẩm tổng hợp nếu bột là thành phần duy nhất của sản phẩm và được Hiệp hội các nhà sản xuất Bột Neccio della Garfagnana cho phép. Hiệp hội các nhà sản xuất sẽ lưu giữ danh mục những người sử dụng tên gọi được bảo hộ và bảo đảm rằng việc sử dụng tên gọi đó khi bột được sử dụng làm một thành phần trong sản phẩm được thực hiện đúng cách.

Một vấn đề khác của quyền ngăn cấm này có thể làm ảnh hưởng đến **sản phẩm được bảo hộ sau khi được chế biến**. Điều này có thể xảy ra đối với hoa quả được đóng hộp, sấy khô hoặc đông lạnh, mà không được bán tươi. Nhà sản xuất có thể bổ sung vào bản mô tả sản phẩm rằng sản phẩm có thể được chế biến và thương mại hóa dưới các dạng khác nhau nhằm bảo đảm rằng tất cả hình thức sản xuất và bán hàng phải gắn với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ.

- **Bất kỳ việc sử dụng trái phép, bắt chước hoặc gọi tương nào**, ngay cả khi kèm theo thông tin về nguồn gốc thật của sản phẩm (hay dịch vụ đối với chỉ dẫn địa lý rượu vang) hoặc nếu tên gọi được **dịch ra hoặc được kèm theo các cụm từ** như "dạng", "loại", "phương pháp", "hương vị", "giống như", "bắt chước" hoặc "tương tự", ngay cả khi sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được dùng làm nguyên liệu.

Ví dụ: Vụ CAMBOZOLA kiện GORGONZOLA, vụ kiện C-87/97 ngày 04/3/1999, Tòa án châu Âu kết luận rằng thuật ngữ "Cambozola" được dùng để tiếp thị sản phẩm phô mát ở Áo, có thể được coi là sự gọi tương đến tên gọi xuất xứ Gorgonzola được bảo hộ cho sản phẩm phô mát của Ý.

- **Bất kỳ chỉ dẫn sai lệch hoặc gây hiểu lầm nào** về nguồn gốc, xuất xứ, bản chất, phẩm chất cần thiết - về mô tả, cách thức trình bày hoặc ghi nhãn đối với rượu mạnh - ở bao gói bên trong hoặc bên ngoài, tài liệu quảng cáo hoặc các tài liệu liên khác có liên quan đến sản phẩm, và bao bì của sản phẩm nhằm truyền tải một ấn tượng sai lệch về nguồn gốc của sản phẩm.

- **Bất kỳ hành vi nào nhằm lừa dối người tiêu dùng** về nguồn gốc thật của sản phẩm.
- Nếu tên gọi xuất xứ hoặc chỉ dẫn địa lý có chứa tên gọi chung của một loại sản phẩm thì việc sử dụng tên gọi chung đó không được coi là trái với các quy định cấm nêu trên.

Liên quan đến **thực thi quyền, Liên minh châu Âu đã thành lập một cơ chế thực thi hành chính - tức là một hệ thống mà Nhà nước hoặc các cơ quan công quyền có trách nhiệm xây dựng chính sách và bảo đảm việc bảo hộ**. Các quốc gia thành viên có nghĩa vụ thành lập các cơ quan và thủ tục kiểm soát cần thiết, theo đó các **sản phẩm không đáp ứng các yêu cầu trong bản mô tả về sản phẩm sẽ bị loại khỏi thị trường**.

Đối với những sản phẩm đã được đưa ra thị trường trong vòng 05 năm hoặc lâu hơn trước khi tên gọi được đăng ký thì sản phẩm đó có thể vẫn được phép lưu hành trên thị trường trong một thời hạn nhất định.

Ví dụ: Khi tên gọi xuất xứ thị Jambon de Bayonne (Pháp) được đăng ký tại EU, các công ty của Đan Mạch đã bán hợp pháp thịt giăm bông trên thị trường và sử dụng tên gọi này trong suốt 05 năm trước khi bị phản đối. Phán quyết cuối cùng là họ có thể tiếp tục bán sản phẩm ra thị trường dưới tên gọi "Jambon de Bayonne" trong giai đoạn chuyển tiếp 03 năm kể từ ngày tên gọi của Pháp được đăng ký, với điều kiện nhãn hàng phải ghi rõ nguồn gốc thực sự của sản phẩm.

3.3 Kiểm soát CDĐL và thực thi bảo vệ CDĐL tại EU

Các Quy chế của EU về CDĐL quy định rằng việc kiểm tra sự tuân thủ bản mô tả sản phẩm phải được Cơ quan kiểm soát thực hiện trước khi đưa sản phẩm ra thị trường.

Đối với tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý từ các nước thứ ba, trước khi đưa sản phẩm ra thị trường, việc **kiểm tra việc tuân thủ bản mô tả sản phẩm phải được thực hiện bởi:**

- **Một hoặc một số cơ quan được chỉ định ở nước thứ ba:** các cơ quan công quyền này có trách nhiệm tạo ra sự bảo đảm một cách khách quan và công bằng, có đủ nhân viên có trình độ và nguồn lực cần thiết để thực hiện chức năng của mình.

và/hoặc

- **Một hoặc một số tổ chức chứng nhận sản phẩm:** Các tổ chức chứng nhận sản phẩm phải tuân thủ và được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn châu Âu EN45011 hoặc ISO/IEC Hướng dẫn 65 (yêu cầu chung đối với các tổ chức chứng nhận chất lượng sản phẩm).

Việc công nhận chỉ có thể được thực hiện bởi:

- Một tổ chức chứng nhận quốc gia ở EU³²; hoặc
- Một tổ chức chứng nhận ngoài EU - là thành viên của một hiệp định chứng nhận đa phương do Diễn đàn Chứng nhận quốc tế (IAF) bảo trợ.

Điều quan trọng cần ghi nhớ là:

- **Đối với rượu vang,** việc kiểm tra phải được thực hiện hàng năm.
- **Đối với rượu mạnh,** kiểm tra việc tuân thủ các thông số kỹ thuật phải được thực hiện trên hồ sơ kỹ thuật trước khi đưa sản phẩm ra thị trường.

³² Phải tuân thủ quy định của Quy chế Ủy ban số 765/2008.

3. KHI CDĐL ĐƯỢC ĐĂNG KÝ Ở EU

- **Đối với nông sản và thực phẩm**, các cơ quan có thẩm quyền có thể ủy quyền một số nhiệm vụ cụ thể liên quan đến kiểm soát chính thức chỉ dẫn địa lý cho một hoặc nhiều cơ quan kiểm soát, trong trường hợp đó, các cơ quan kiểm soát phải tuân thủ và được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn châu Âu EN 45011 hoặc ISO/IEC Hướng dẫn 65.

Chi phí cho việc kiểm tra sự tuân thủ các thông số kỹ thuật có thể sẽ do các tổ chức bị kiểm tra chi trả và các nước thành viên EU cũng có thể đóng góp cho các chi phí này.

Trên cơ sở phân tích rủi ro, **các nước thành viên phải tiến hành kiểm tra** để bảo đảm sự tuân thủ các yêu cầu trong Quy chế của EU và **các nước thành viên phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết nếu có sự vi phạm.**

EU đưa ra một loạt biện pháp³³ để bảo vệ chỉ dẫn địa lý được bảo hộ khi phát hiện hàng hóa xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý ở châu Âu, tùy thuộc vào nước thành viên nơi xảy ra hành vi xâm phạm. Những biện pháp này không chỉ áp dụng riêng đối với CDĐL mà áp dụng chung cho tất cả các quyền sở hữu trí tuệ, chủ yếu là các biện pháp dân sự và/hoặc hình sự.

Chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý phải chứng minh:

- Rằng người tiêu dùng bị nhầm lẫn về nguồn gốc hoặc về chất lượng của sản phẩm;
- Rằng có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ xảy ra;
- Rằng đã xác định được hành vi lạm dụng tên gọi được đăng ký bảo hộ.

Khi nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm CDĐL), **Cơ quan hải quan có thể ngăn chặn, thu giữ hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm các quy định về CDĐL và tạm giữ trong thời gian lên đến 10 ngày** theo yêu cầu của chủ sở hữu CDĐL để họ có đủ thời gian tiến hành các thủ tục pháp lý trước tòa án.

Các chế tài đối với hành vi xâm phạm chỉ dẫn địa lý cũng khác nhau, tùy thuộc vào nước thành viên có liên quan, nhưng thường thì:

- **Chế tài dân sự** có thể dẫn đến việc tiêu hủy các sản phẩm giả mạo và phạt tiền đối với người làm hàng giả.
- **Chế tài hình sự** có thể dẫn đến hình phạt hình sự, nhưng chủ yếu là phạt tiền đối với người làm hàng giả.

Ví dụ: Ngày 05/9/2006, Cơ quan hải quan Bỉ đã tiêu hủy 600 chai rượu vang Champagne giả được sản xuất từ Ác-mê-ni-a. Sau khi phát hiện số hàng giả này tại cảng Anvers của Bỉ vào tháng 5/2006, Cơ quan hải quan Bỉ đã tạm giữ sản phẩm, liên lạc với chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý (Hiệp hội nghề nghiệp rượu vang Champagne) để đưa vụ việc ra giải quyết tại một tòa án ở Bỉ. Tòa án đã ra lệnh tiêu hủy số hàng hóa giả mạo này.

4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ VIỆC ĐĂNG KÝ CDĐL CỦA VIỆT NAM

4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ VIỆC ĐĂNG KÝ CDĐL CỦA VIỆT NAM

Phú Quốc là hòn đảo lớn nhất của Việt Nam thuộc tỉnh Kiên Giang, đã được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới.

Nghề sản xuất nước mắm tại Phú Quốc được hình thành và phát triển từ hơn 200 năm nay. Từ xa xưa, người dân Phú Quốc đã biết khai thác các nguồn lợi tự nhiên ở vùng biển và đảo của tỉnh Kiên Giang (cá cơm, muối, gỗ quý làm thùng chượp) để kết hợp tạo nên sản phẩm **có chất lượng đặc thù với các đặc điểm sau:**

- **Màu:** màu cánh gián đặc trưng do được sản xuất bằng cá cơm tươi (còn máu tươi trong thân cá) và thời gian lên men tự nhiên từ 12-15 tháng.
- **Mùi:** mùi thơm nhẹ, không có mùi tanh và mùi amoniac do được sản xuất bằng cá tươi và thời gian lên men kéo dài trong thùng gỗ; hoàn toàn không có mùi lạ.
- **Vị:** mặn, ngọt đậm kèm theo vị béo tự nhiên; có hậu vị ngọt béo của đạm tự nhiên và chất béo từ mỡ cá.
- **Chỉ tiêu chất lượng:** Độ đậm tối thiểu: 20gN/lít (nước mắm long); Độ đậm tối đa: 40gN/lít (nước mắm nhĩ).

Nước mắm Phú Quốc chỉ dùng nguyên liệu là cá cơm thuần (không lẫn với các loài cá khác) được đánh bắt tại vùng biển Cà Mau và Kiên Giang. Muối dùng để làm nước mắm được khai thác từ vùng biển Bà Rịa - Vũng Tàu và Phan Thiết và chỉ được đưa vào sản xuất nước mắm sau thời gian bảo quản tối thiểu 60 ngày. Nước mắm được ủ chượp trong thùng gỗ theo phương thức lên men tự nhiên.

Hội sản xuất nước mắm Phú Quốc được thành lập tháng 10/2000 theo Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 22/10/2000 của UBND huyện Phú Quốc. **Nhiệm vụ chính của Hiệp hội là tăng cường sự đoàn kết hợp tác trong sản xuất kinh doanh, giúp đỡ nhau cùng phát triển, giữ gìn uy tín, danh tiếng và những giá trị truyền thống của nước mắm Phú Quốc.** Hiệp hội hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện - hợp tác - bình đẳng và cùng có lợi.

“Phú Quốc” là tên gọi xuất xứ được đăng ký bảo hộ đầu tiên ở Việt Nam, ngày 01/6/2001.

Sau đó, ngày 11/10/2012, “**Phú Quốc**” trở thành tên gọi xuất xứ đầu tiên của Việt Nam và ASEAN được đăng ký tại EU, có hiệu lực bảo hộ trên toàn lãnh thổ 28 quốc gia EU từ ngày 31/10/2012.

Tuy nhiên, việc chuẩn bị đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý ở EU đòi hỏi cam kết mạnh mẽ của các nhà sản xuất, các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương và địa phương cũng như các đối tác khác, như Dự án Hỗ trợ chính sách thương mại đa biên giai đoạn III (MUTRAP III) và Thương vụ Việt Nam tại EU.

Với sự hỗ trợ của các bên liên quan nêu trên, Hội nước mắm Phú Quốc đã chuẩn bị các tài liệu sau để đăng ký tên gọi xuất xứ tại EU:

- **Bản tóm tắt;**
- **Bản mô tả sản phẩm;**
- **Bằng chứng rằng chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ ở nước xuất xứ** bằng việc cung cấp bản sao quyết định đăng ký tên gọi xuất xứ tại Việt Nam.

Dự án Hỗ trợ chính sách thương mại đa biên giai đoạn II (MUTRAP II) của EU đã hỗ trợ chuyên môn giúp Hội nước mắm Phú Quốc **thực hiện các nghiên cứu và thiết lập các cơ chế phù hợp với quy định của EU**, ví dụ, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, các hệ thống kiểm soát nội bộ và độc lập.

Năm 2009 và với sự hỗ trợ của Cục Sở hữu trí tuệ, Dự án MUTRAP III và Thương vụ Việt Nam tại Brussels, Hội nước mắm Phú Quốc đã hoàn thành đơn đề nộp cho EC.

Quá trình đăng ký ở EU kéo dài hơn 03 năm, do EC đưa ra một lượng câu hỏi đáng kể, nên cần phải cung cấp thêm các thông tin liên quan. Những câu hỏi đó chủ yếu tập trung vào bản mô tả sản phẩm, ví dụ:

- Xác định khu vực địa lý và khu vực mà các nhà sản xuất đánh bắt cá cơm được sử dụng làm nguồn nguyên liệu duy nhất, bản đồ của khu vực đó.
- Nguồn gốc của nguyên liệu, như thùng gỗ mà cá cơm được ủ chượp.
- Hệ thống truy xuất nguồn gốc và cách thức vận hành của hệ thống này.
- Việc kiểm soát từ bên ngoài bởi chính quyền địa phương, yêu cầu cung cấp các quy định liên quan cũng như thành phần và cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát.
- v.v.

Mỗi khi EU yêu cầu cung cấp thông tin, Hội nước mắm Phú Quốc có thời hạn là 01 tháng để trả lời – đây là khoảng thời gian mà họ phải chuẩn bị một cách kỹ lưỡng tất cả tài liệu cần thiết cho câu trả lời, với sự hỗ trợ thường xuyên của Dự án MUTRAP, Cục Sở hữu trí tuệ và Thương vụ Việt Nam tại EU.

Những thuận lợi mà Hội nước mắm Phú Quốc có được trong quá trình chuẩn bị đơn là:

- **Sự ủng hộ** của chính quyền địa phương và các nhà sản xuất để chuẩn bị đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU.
- **Sự hỗ trợ kỹ thuật của Cục Sở hữu trí tuệ.**
- **Sự tài trợ của Dự án MUTRAP.**
- **Quy trình sản xuất và sự quản lý nghiêm ngặt** nhằm bảo đảm chất lượng và nguồn gốc sản phẩm theo quy định của EU (khu vực đánh bắt cá, nguồn nguyên liệu và khu vực sản xuất trên đảo).
- **Xây dựng được các tài liệu có tính thuyết phục cao.**

Tuy nhiên, **Hội nước mắm Phú Quốc cũng gặp phải một số khó khăn sau:**

- **Thiếu kinh nghiệm** trong việc chuẩn bị đơn và các tài liệu bổ trợ.
- **Phải chỉnh sửa các văn bản trả lời** các câu hỏi của EC.
- **Phải giải thích, làm rõ hoặc thay thế một số từ ngữ địa phương khó hiểu** trong tài liệu.

Tóm lại, **toàn bộ thời gian của quá trình đăng ký**, từ khi quyết định nộp đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU cho đến khi nhận được Giấy chứng nhận bảo hộ tên gọi xuất xứ nước mắm Phú Quốc (số 928/2012) **là rất dài** (từ 2006 đến tháng 10/2012).

Con đường dài và đầy khó khăn, nhưng với các cơ sở khoa học và thông tin có trong bản mô tả sản phẩm, các tài liệu bổ trợ nhằm minh họa cho các số liệu và dữ liệu cụ thể, cũng như các tài liệu bổ sung nhằm xác thực chất lượng của sản phẩm, đã giúp nước mắm Phú Quốc được bảo hộ tên gọi xuất xứ tại EU.

Từ khi chỉ dẫn địa lý được đăng ký ở trong nước và ở EU, Hội nước mắm Phú Quốc đã ghi nhận **những thuận lợi ban đầu** cho các nhà sản xuất:

- Kết quả đầu tiên là thiết lập được **hệ thống quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý.**
- **Nhận thức của các nhà sản xuất và người tiêu dùng** được cải thiện rõ rệt.
- **Các nhà sản xuất nước mắm ở Phú Quốc cam kết** sản xuất và chế biến theo một quy trình

4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ VIỆC ĐĂNG KÝ CDĐL CỦA VIỆT NAM

ngghiêm ngặt để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

- **Chỉ dẫn địa lý có tác động tích cực đến hoạt động du lịch của địa phương.**
- Việc sử dụng trái phép cụm từ “Phú Quốc” trên nhãn sản phẩm hoặc bao bì đã giảm.

Tuy nhiên, chỉ dẫn địa lý được đăng ký không có nghĩa là đã hoàn thành mọi việc, mà ngược lại nó trở thành động lực để các nhà sản xuất nâng cao trách nhiệm và sự cam kết của các chủ thể liên quan. Hiện tại, các nhà sản xuất nước mắm Phú Quốc đang gặp phải những khó khăn sau:

- Chưa có chiến lược tiếp thị hoặc các hoạt động xúc tiến thương mại để giới thiệu sản phẩm đến với người tiêu dùng ở EU.
- Việc sử dụng trái phép tên gọi “Phú Quốc” vẫn diễn ra ở các nước mà chỉ dẫn địa lý chưa được đăng ký, như Thái Lan, Trung Quốc.

Việc nâng cao trách nhiệm của các nhà sản xuất nước mắm “Phú Quốc”, cũng như nghiên cứu về các đối tác nhằm đưa sản phẩm vào thị trường EU được coi là một vấn đề ưu tiên trong những năm tới.

Tuy nhiên, việc đăng ký tên gọi xuất xứ đầu tiên ở EU bởi một nước ngoài EU cũng như chỉ dẫn địa lý đầu tiên của một nước ASEAN là một bước quan trọng đối với sự phát triển của một sản phẩm độc đáo, được sản xuất bằng phương pháp truyền thống và có chất lượng đặc biệt do các điều kiện về nguồn gốc mang lại so với các sản phẩm tương tự, đồng thời cũng là một ví dụ có giá trị cho các nhà sản xuất khác đang có nhu cầu bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm tại EU.



Nước mắm Phú Quốc



Biểu trưng của nước mắm Phú Quốc

5. NGUỒN THÔNG TIN HỮU ÍCH

A) Nguồn pháp luật:

■ Pháp luật về chỉ dẫn địa lý của Việt Nam:³⁴

- o Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
- o Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.
- o Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ liên quan đến sở hữu công nghiệp.
- o Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.
- o Nghị định số 106/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.
- o Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ liên quan đến sở hữu công nghiệp.

■ Pháp luật về chỉ dẫn địa lý của EU:

■ Rượu vang:

- o Quy chế (EU) số 1308/2013 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu ngày 17/12/2013 thành lập thị trường nông sản chung và thay thế và bãi bỏ các Quy chế hội đồng (EEC) số 922/72, (EEC) số 234/79, (EC) số 1037/2001 và (EC) số 1234/2007.
- o Quy chế Hội đồng (EC) số 479/2008 ngày 29/4/2008 về việc tổ chức thị trường rượu vang chung, sửa đổi các Quy chế (EC) số 1493/1999, số 1782/2003, số 1290/2005, số 3/2008 và bãi bỏ Quy chế (EEC) số 2392/86 và số 1493/1999 - Công báo châu Âu L148/1 (2008/06/06).
- o Quy chế Ủy ban (EC) số 607/2009 ngày 14/7/2009 quy định một số quy tắc cụ thể thực hiện Quy chế Hội đồng (EC) số 479/2008 liên quan đến bảo vệ tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý, các thuật ngữ truyền thống, ghi nhãn và trình bày sản phẩm rượu vang - Công báo châu Âu L193/60 (2009/07/24).
- o Quy chế Ủy ban (EU) số 538/2011 ngày 01/6/2011 sửa đổi Quy chế (EC) số 607/2009 quy định một số quy tắc cụ thể thực hiện Quy chế Hội đồng (EC) số 479/2008 liên quan đến bảo vệ tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý, các thuật ngữ truyền thống, ghi nhãn và trình bày sản phẩm rượu vang - Công báo châu Âu số 147/6 (2.6.2011).
- o Quy chế thi hành của Ủy ban (EU) số 670/2011 ngày 12/7/2011 sửa đổi Quy chế (EC) số 607/2009 quy định một số quy tắc cụ thể thực hiện Quy chế Hội đồng (EC) số 479/2008 liên quan đến bảo vệ tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý, các thuật ngữ truyền thống, ghi nhãn và trình bày sản phẩm rượu vang - Công báo châu Âu số 183/6 (13.7.2011).

■ Rượu mạnh:

- o Quy chế (EC) số 110/2008 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 15/01/2008 về định nghĩa, mô tả, trình bày, ghi nhãn và bảo hộ chỉ dẫn địa lý dành cho rượu mạnh và bãi bỏ Quy chế Hội đồng (EEC) số 1576/89 - Công báo châu Âu số 2008R0110-EN-2009/01/20 - 001.001.

■ **Nông sản và thực phẩm:**

- Quy chế (EU) số 1151/2012 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 21/11/2012 về chương trình chất lượng cho các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm - Công báo châu Âu số L343/1 (2012/12/14).
- Quy chế Ủy ban (EU) số 664/2014 ngày 18/12/2013 bổ sung Quy chế (EU) số 1151/2012 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu liên quan đến việc xây dựng biểu trưng của Liên minh đối với tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý được bảo hộ và các đặc sản truyền thống được bảo đảm và liên quan đến một số quy tắc nhất định về nguồn gốc, các quy tắc về thủ tục nhất định và các quy tắc chuyển tiếp bổ sung.
- Quy chế thi hành của Ủy ban (EU) số 668/2014 ngày 13/6/2014 quy định các quy tắc đối với việc áp dụng Quy chế (EU) số 1151/2014 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu về chương trình chất lượng cho các nông sản và thực phẩm.
- Thông báo của Ủy ban - Hướng dẫn về ghi nhãn thực phẩm sử dụng tên gọi xuất xứ được bảo hộ (PDO) hoặc chỉ dẫn địa lý được bảo hộ (PGI) làm nguyên liệu (2010/C341/03) - Công báo châu Âu số C341/3 (16.12.2010).
- Quy chế (EC) số 765/2008 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 09/7/2008 quy định điều kiện về công nhận và giám sát thị trường về việc tiếp thị sản phẩm và bãi bỏ Quy chế (EEC) số 339/93 - Công báo châu Âu số 218/30 (2008/08/13).
- Quy chế Hội đồng (EC) số 1383/2003 ngày 22/7/2003 về kiểm soát hải quan đối với hàng hóa nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và các biện pháp chống hàng hóa xâm phạm các quyền đó - Công báo châu Âu số L196/7 (2.8. 2003).

■ **Quy định chung:**

- **Hiệp ước về Liên minh châu Âu và Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu** - Bản hợp nhất Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu - Các văn kiện - Phụ lục - Tuyên bố kèm theo Văn kiện cuối cùng của Hội nghị liên chính phủ thông qua Hiệp ước Lisbon, ký ngày 13/12/2007 - Công báo châu Âu số C326 (2012/10/26).

B) Các trang web liên quan:

- Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO): <http://www.wipo.int/portal/en/index.html>
- Tổ chức Thương mại thế giới (WTO): <http://www.wto.org/>
- Tổng vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban châu Âu: http://ec.europa.eu/agriculture/quality/schemes/index_en.htm
- Tổng vụ Thị trường và Dịch vụ thuộc Ủy ban châu Âu: http://ec.europa.eu/internal_market/ind-prop/index_en.htm
- TMview³⁵: <https://www.tmdn.org/tmview/welcome>
- Cơ sở dữ liệu DOOR³⁶: <http://ec.europa.eu/agriculture/quality/door/list.html>

³⁵ Công cụ tư vấn trực tuyến cho phép người sử dụng Internet tra cứu nhãn hiệu một cách miễn phí của các Cơ quan Sở hữu trí tuệ của các nước thành viên, gồm: Áo, Bulgaria, Benelux, Síp, CH Séc, Đức, Đan Mạch, Estonia, Tây Ban Nha, Phần Lan, Pháp, Vương quốc Anh, Hy Lạp, Croatia, Hungary, Ireland, Ý, Hàn Quốc, Litva, Latvia, Ma-rốc, Malta, Mê-hi-cô, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Rumania, LB Nga, Thụy Điển, Slovenia, Slovakia, Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ, OHIM và WIPO.

³⁶ Cơ sở dữ liệu "tên gọi và đăng ký" tên gọi xuất xứ, CDDL nông sản và thực phẩm.

5. NGUỒN THÔNG TIN HỮU ÍCH

- Cơ sở dữ liệu E-Bacchus³⁷: <http://ec.europa.eu/agriculture/markets/wine/e-bacchus/index.cfm?&language=EN>
- Cơ sở dữ liệu E-SPIRIT-DRINKS³⁸: <http://ec.europa.eu/agriculture/spirits/>

C) Các tài liệu tham khảo chính thức để chuẩn bị đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU:

- Hướng dẫn dành cho người nộp đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý từ các nước ngoài EU - Tổng vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban châu Âu. Bản tháng 2/2011.
- Hướng dẫn đối với các đơn để hoàn thành Bản tóm tắt - Tổng vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban châu Âu.
- Mẫu Bản tóm tắt (Tài liệu duy nhất).
- Đơn xin sửa đổi những nội dung không phải là nhỏ.
- Đơn xin sửa đổi những nội dung nhỏ.

D) Những hướng dẫn và nghiên cứu về chỉ dẫn địa lý được tham khảo:

- Giá trị của việc sản xuất nông sản và thực phẩm, rượu vang, rượu mùi và rượu mạnh được bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Báo cáo cuối cùng tháng 10/2012.
- Nhận thức của người tiêu dùng về các loại thực phẩm mang địa danh, phân phối chuỗi lợi nhuận thực phẩm và các trang trại gia đình - DeCarlo, Pirog và Franck năm 2005.
- Nghiên cứu bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm phi nông nghiệp ở thị trường nội địa: Tư vấn chuyên sâu, REDD và oriGIn. ngày 22/3/2013.
- Hướng dẫn về chỉ dẫn địa lý: Gắn sản phẩm với nguồn gốc của chúng - Trung tâm Thương mại quốc tế. Daniele Giovannucci, Tim Josling, William Kerr, Bernard O'Connor, May T. Yeung. Tháng 6/2009.
- Tài liệu Hỏi và đáp về pháp luật châu Âu về chỉ dẫn địa lý - Dự án Sở hữu trí tuệ EU - Trung Quốc. David Thuat và Fanny Lossy, Tư vấn chuyên sâu. Tháng 02/2011.

E) Các tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý được phân tích³⁹:

- Tên gọi xuất xứ Arroz de Valencia (gạo - Tây Ban Nha).
- Chỉ dẫn địa lý Riso del Delta del Po (gạo - Ý).
- Chỉ dẫn địa lý Carn d'Andorra (thịt lợn - Andorra).
- Tên gọi xuất xứ 龙井茶 Longjing cha (chè - Trung Quốc).
- Chỉ dẫn địa lý Café de Colombia (cà phê - Colombia).
- Tên gọi xuất xứ Bergamotto di Reggio Calabria (tinh dầu - Ý).
- Tên gọi xuất xứ Native Shetland Wool (len tự nhiên - Vương quốc Anh).
- Chỉ dẫn địa lý 镇江香醋 Zhenjiang Xiang Cu (giấm gạo - Trung Quốc).
- Tên gọi xuất xứ Huile essentielle de lavande de Haute-Provence /Essence de Lavande de Haute-Provence (tinh dầu - Pháp).
- Tên gọi xuất xứ Φέτα Feta (pho mát - Hy Lạp).
- Chỉ dẫn địa lý Jambon d'Ardenne (thịt giăm bông - Bỉ).
- Chỉ dẫn địa lý Jambon sec et noix de jambon sec des Ardennes (thịt giăm bông - Pháp).

³⁷ Gồm Đăng bạ tên gọi xuất xứ và CDĐL được bảo hộ tại EU; danh mục CDĐL và tên gọi xuất xứ được bảo hộ tại EU của các nước ngoài EU theo các hiệp định thương mại song phương về rượu vang giữa EU và các nước ngoài EU; và, danh mục các thuật ngữ truyền thống được bảo hộ tại EU.

³⁸ Cơ sở dữ liệu về CDĐL rượu mạnh được bảo hộ tại Cộng đồng châu Âu của các nước thành viên và các nước thứ ba.

³⁹ Có tại cơ sở dữ liệu DOOR.

- Chỉ dẫn địa lý Almendra de Mallorca/Almendra Mallorquina/ Ametlla de Mallorca/Ametlla Mallorquina (hạnh nhân - Tây Ban Nha).
- Chỉ dẫn địa lý Volailles du Maine (thịt gà - Pháp).
- Chỉ dẫn địa lý Cítricos Valencianos/Cítrics Valencians (cam - Tây Ban Nha).
- Tên gọi xuất xứ Luxembourg (thịt lợn - Luxembourg).
- Chỉ dẫn địa lý Riz de Camargue (gạo - Pháp).
- Chỉ dẫn địa lý Batata doce de Aljezur (khoai lang - Portugal).
- Chỉ dẫn địa lý Darjeeling (chè - Ấn Độ).
- Tên gọi xuất xứ Prosciutto di Parma (thịt hun khói - Ý).
- Tên gọi xuất xứ Farina di Neccio della Garfagnana (bột mì - Ý).
- Chỉ dẫn địa lý Jambon de Bayonne (thịt hun khói - Pháp).
- Tên gọi xuất xứ Phú Quốc (nước mắm - Việt Nam).

F) Vụ việc được phân tích:

- Vụ C-343/07 Bavaria NV kiện Bavaria Italia Srl v Bayerischer Brauerbund, Tòa án châu Âu, ngày 02/7/2009.
- Vụ C-87/97 Consorzio per la Tutela del Formaggio Gorgonzola v Käserei champignon Hofmeister GmbH & Co KG kiện Eduard Bracharz GMB, Tòa án châu Âu, ngày 04/3/1999 (Tóm tắt các phán quyết của tòa án).

KẾT LUẬN

Chỉ dẫn địa lý ngày càng được coi là cơ hội để các quốc gia sở hữu các yếu tố văn hóa và vật chất độc đáo, sử dụng các yếu tố đó để tạo ra sự khác biệt của sản phẩm. Những tài sản vật chất và văn hóa đó tạo nên các đặc tính giá trị căn bản cho sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý. Những tính chất đặc thù tạo ra sự khác biệt cho chỉ dẫn địa lý **giúp các nhà sản xuất nâng cao năng lực cạnh tranh của họ ở cấp độ quốc gia và quốc tế, qua đó thúc đẩy sự phát triển nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống.**

Từ năm 1996, **Việt Nam đã xây dựng được một hệ thống bảo hộ chỉ dẫn địa lý**, với số lượng sản phẩm được bảo hộ ngày càng tăng ở trong nước. Tuy nhiên, đây vẫn còn là một vấn đề tương đối mới đối với công chúng và các chủ thể liên quan (nhà sản xuất, doanh nghiệp và chính quyền địa phương, vv.).

Trong khi đó, **EU có một truyền thống lâu đời về quản lý, quảng bá và bảo hộ chỉ dẫn địa lý**, với hơn 6.000 chỉ dẫn địa lý được đăng ký cho các loại rượu vang, rượu mạnh, nông sản và thực phẩm. Tuy nhiên, **việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở EU thực sự là một thách thức đối với hầu hết các nước ngoài EU**, được thể hiện qua số lượng rất ít sản phẩm có xuất xứ từ các nước thứ ba được bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại EU cho đến nay.

Nước mắm Phú Quốc - tên gọi xuất xứ đầu tiên của Việt Nam và ASEAN được đăng ký bảo hộ tại EU, có hiệu lực trên toàn bộ lãnh thổ của 28 nước thành viên EU, có thể là một ví dụ có giá trị về sự cam kết và thành công đối với những người nộp đơn tiềm năng muốn đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý của mình tại EU.

Tuy nhiên, **cần đánh giá kỹ lưỡng khối lượng công việc trong quá trình chuẩn bị đơn, cũng như thời gian và những khó khăn gặp phải trong quá trình đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU** vì sự thành công phụ thuộc nhiều vào chất lượng của đơn, cũng như vào khả năng giải đáp các câu hỏi của EU hoặc xử lý các đơn phản đối đăng ký chỉ dẫn địa lý.

Tài liệu này hướng dẫn người nộp đơn về các thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU, giải thích một cách cụ thể và sinh động về việc chuẩn bị đơn, thủ tục đăng ký, những thách thức có thể gặp phải và các quyền được trao khi chỉ dẫn địa lý được đăng ký.

Ngoài ra, **Tài liệu này được xây dựng như một công cụ làm việc**, cung cấp các hướng dẫn quan trọng cho các đơn đang trong quá trình chuẩn bị để đăng ký chỉ dẫn địa lý tại EU, cũng như cho những chỉ dẫn địa lý dự định đăng ký bảo hộ ở EU trong tương lai.

Là cơ quan đầu mối về quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của Việt Nam, Cục Sở hữu trí tuệ (NOIP) đang hỗ trợ các chủ thể liên quan có nhu cầu đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại EU và tiếp tục hỗ trợ họ trong quá trình chuẩn bị các đơn đăng ký.

Với những thông tin trên, hy vọng rằng Tài liệu này sẽ hữu ích cho các chủ thể và tổ chức có liên quan của Việt Nam đăng ký thành công chỉ dẫn địa lý của mình tại EU.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

ĐƠN ĐĂNG KÝ TÊN GỌI XUẤT XỨ “NƯỚC MẮM PHÚ QUỐC”



MỤC LỤC

Cơ sở

1. **Xác nhận về người nộp đơn**
2. **Tên của Tên gọi xuất xứ**
3. **Định nghĩa sản phẩm**
 - 3.1. Sản phẩm được bảo hộ
 - 3.2. Đặc tính của sản phẩm
 - 3.2.1. Các chỉ tiêu hoá lý của nước mắm Phú Quốc
 - 3.2.1.1. Các chỉ tiêu hoá học
 - 3.2.1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật
 - 3.2.2. Nguyên liệu thô (cá cơm)
 - 3.2.3. Thùng
 - 3.3. Các tính chất đặc thù của sản phẩm
4. **Vùng địa lý**
 - 4.1. Tên tự nhiên và hành chính của vùng địa lý
 - 4.2. Bản đồ
5. **Mối quan hệ giữa sản phẩm và vùng địa lý**
 - 5.1. Yếu tố tự nhiên
 - 5.1.1. Điều kiện khí hậu
 - 5.1.2. Điều kiện địa hình
 - 5.1.3. Điều kiện về vùng biển
 - 5.2. Yếu tố con người
 - 5.3. Danh tiếng
6. **Các công đoạn sản xuất nước mắm Phú Quốc**
 - 6.1. Đánh bắt cá và chuẩn bị nguyên liệu thô và sự tự chín của cá ướp muối
 - 6.2. Kéo rút nước mắm
 - 6.3. Đóng chai nước mắm
7. **Tổ chức kiểm soát**
 - 7.1. Kiểm tra và chứng nhận
 - 7.2. Kiểm soát chất lượng sản phẩm
8. **Dấu hiệu đặc biệt của Chỉ dẫn địa lý**
9. **Tài liệu bổ trợ**

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU BỔ TRỢ

- **Tài liệu bổ trợ số 1.** Điều lệ của Hội nước mắm Phú Quốc
- **Tài liệu bổ trợ số 2.** Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc về việc “công nhận Điều lệ của Hội nước mắm Phú Quốc”
- **Tài liệu bổ trợ số 3.** Bản đồ vùng biển Kiên Giang, Cà Mau và Vũng Tàu
- **Tài liệu bổ trợ số 4.** Bản đồ Việt Nam
- **Tài liệu bổ trợ số 5.** Bản đồ các tỉnh của Việt Nam
- **Tài liệu bổ trợ số 6.** Bản đồ đảo Phú Quốc
- **Tài liệu bổ trợ số 7.** “L’Industrie du Nuoc-Man en Indochine”, Intituts Pasteur D’Indochine, Exposition Coloniale Internationale, Pairs, 1931.
- **Tài liệu bổ trợ số 8.** “Bí quyết: Nước mắm tăng thêm nét độc đáo trong nấu nướng của người châu Á”, Janet Fletcher, Mực tin San Francisco, Thứ 4, ngày 27/4/2005
- **Tài liệu bổ trợ số 9.** Fistenet “Nước mắm Phú Quốc trên đường ra thị trường nước ngoài”, www.fistenet.gov.vn.
- **Tài liệu bổ trợ số 10.** Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Tên gọi xuất xứ Nước mắm Phú Quốc
- **Tài liệu bổ trợ số 11.** Bản sao Báo cáo kiểm tra của Hội đồng kiểm soát
- **Tài liệu bổ trợ số 12.** Chứng nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đối với Tổ chức kiểm soát theo điều 11 của Quy chế (Cộng đồng chung châu Âu) 510/2006 ngày 20 tháng 3 năm 2006 về bảo hộ chỉ dẫn địa lý và tên gọi xuất xứ hàng hoá cho sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm.

BẢN MÔ TẢ SẢN PHẨM BẢO HỘ TÊN GỌI XUẤT XỨ “NƯỚC MẮM PHÚ QUỐC”

Đơn đăng ký

CƠ SỞ

1. Mục tiêu chính của tài liệu này là trình bày bản mô tả tên gọi xuất xứ được bảo hộ (PDO) NƯỚC MẮM PHÚ QUỐC, mô tả và giải thích các đặc trưng của sản phẩm, phương pháp chế biến truyền thống và uy tín của những người sản xuất nước mắm ở đảo Phú Quốc, mối quan hệ giữa chất lượng đặc biệt chỉ riêng có của sản phẩm và vùng địa lý xuất xứ.
2. Những vấn đề đề cập ở trên được biên soạn theo các quy định của Quy chế Cộng đồng (EC) số 510/2006, ngày 20/03/2006 về bảo hộ chỉ dẫn địa lý và tên gọi xuất xứ cho các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm (sau đây gọi là “Quy chế”) và Quy định Hội đồng (EC) số 1898/2006, ngày 14/12/2006, quy định chi tiết về việc thực hiện quy chế được đề cập đến ở đây.
3. Một lưu ý rất quan trọng là “Phú Quốc” có quyền đăng ký như một tên gọi xuất xứ thuộc phạm vi sản phẩm được quy định bởi Điều 1 của Quy chế, vì nước mắm thuộc nội hàm của định nghĩa tại chương 16 của Tài liệu hỗ trợ số I tại Hiệp ước Cộng đồng chung châu Âu: “Sản phẩm được chế biến của thịt, cá, các động vật thuộc loài giáp xác như tôm, cua hoặc các động vật thân mềm”.
4. Đơn đăng ký bảo hộ tên gọi xuất xứ cho sản phẩm nước mắm tuân thủ theo quy định của Điều 2.1.a của Quy chế. Do đó, Phú Quốc sẽ là một dấu hiệu đặc biệt để chỉ sản phẩm có nguồn gốc tại đảo Phú Quốc, mà chất lượng của nó có mối liên hệ rõ ràng với môi trường địa lý của việc sản xuất diễn ra tại địa phương.

1. XÁC NHẬN VỀ NGƯỜI NỘP ĐƠN

5. Tên: HỘI NƯỚC MẮM PHÚ QUỐC
Địa chỉ: 22 Đường Bạch Đằng, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Số điện thoại (+84) 77-3848658 Fax (+84) 77-3847847
6. Hội nước mắm Phú Quốc (sau đây gọi là Hội) là tổ chức phi lợi nhuận được thành lập ngày 04/10/2000, và tập hợp những hãng kinh doanh nước mắm từ các thành phần kinh tế khác nhau ở Việt Nam.
7. Hội được thành lập theo Luật của Việt Nam dựa trên các quy tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng và cùng có lợi theo chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, để tạo điều kiện công bằng cho các hãng sản xuất trong cùng một khu vực cùng hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm và giúp đỡ lẫn nhau trong việc phát triển hiệu quả dịch vụ kinh doanh. Vì vậy nó đóng góp cho sự ổn định giá cả và đảm bảo quyền hợp pháp của nhà sản xuất và người tiêu dùng.
8. Hội nước mắm Phú Quốc là thành viên của Hội nghề cá Việt Nam thuộc Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân huyện là tổ chức quản lý nhà nước của Hiệp hội.
9. Mục đích của Hội là bảo vệ và quản lý chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm nước mắm Phú Quốc như

tuyên bố của Quy chế Hội nước mắm Phú Quốc được phê chuẩn bởi Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc ngày 10/04/2000. (Tài liệu bổ trợ số 1).

10. Mục đích chính của Hội là hướng các thành viên tuân thủ những điều sau:
 - Trao đổi kinh nghiệm và hỗ trợ các thành viên trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.
 - Phổ biến các quy định của chính phủ và cố vấn cho các thành viên trong quy trình sản xuất nước mắm.
 - Hướng dẫn các thành viên tuân theo các kỹ thuật sản xuất và các quy định được ban hành bởi các bộ, ngành có thẩm quyền.
11. Ngoài ra, việc bảo hộ tên gọi xuất xứ Phú Quốc tuân theo các điều kiện quy định tại Khoản 5.9 của Quy chế, tức là tên địa lý đã được bảo hộ ở nước xuất xứ, vì nó đã được đăng bạ tên gọi xuất xứ ở Việt Nam. Hội nộp đơn đăng ký tên gọi xuất xứ nước mắm Phú Quốc tại Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học công nghệ và môi trường (nay là Bộ Khoa học và công nghệ) và có quyết định bảo hộ ngày 01/06/2002 (Tài liệu bổ trợ số 2 - Quyết định bảo hộ Tên gọi xuất xứ được ký bởi Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ). Theo đó, nước mắm Phú Quốc đã trở thành tên gọi xuất xứ đầu tiên của Việt Nam được đăng bạ ở Việt Nam.

2. TÊN GỌI XUẤT XỨ ĐƯỢC BẢO HỘ

12. Tên gọi xuất xứ được bảo hộ là: PHÚ QUỐC
13. Phú Quốc là hòn đảo lớn nhất Việt Nam nằm ở giữa biển Đông nơi mà cư dân địa phương có nghề truyền thống là đánh bắt cá và chế biến hải sản. Nước mắm là một trong những đặc sản truyền thống của vùng đảo này nhờ mùi vị và những đặc điểm có một không hai. Chất lượng mà nó có được là nhờ các điều kiện về vùng biển, tài nguyên rừng và bí quyết truyền thống của nhà sản xuất.

3. ĐỊNH NGHĨA SẢN PHẨM

3.1. Sản phẩm được bảo hộ

14. Sản phẩm được bảo hộ Tên gọi xuất xứ là nước mắm được làm từ cá cơm (stolephorus) thuộc họ cá Trổng:
 - được đánh bắt ở trong vùng lãnh hải của Việt Nam thuộc các tỉnh Kiên Giang và Cà Mau (Tài liệu bổ trợ số 3 - Bản đồ vùng biển Kiên Giang và Cà Mau);
 - được chế biến và đóng chai tại huyện Phú Quốc.

3.2. Đặc tính của sản phẩm

15. Nước mắm Phú Quốc là chất lỏng hơi sánh, có màu nâu đỏ, mùi thơm, vị mặn, ngọt đậm. Nước mắm được sử dụng phổ biến trong các bữa ăn của người Á Đông như một loại nước chấm nhằm tăng vị mặn của thức ăn. Theo đó, nước mắm là kết quả phân giải, thủy phân và sự tự chín ở thịt cá được thực hiện bởi các Enzim (men) phần lớn có trong nội tạng cá và sự lên men của vi khuẩn Clostridium chủ yếu trong điều kiện yếm khí ở nhiệt độ cao.

3.2.1. Các chỉ tiêu hoá lý của nước mắm Phú Quốc

3.2.1.1. Chỉ tiêu hoá học

Bảng 1

| TT | Chỉ tiêu hàm lượng | Đơn vị | Theo mức chất lượng | | | | |
|----|---|--------|---------------------|-------------|--------|--------|--------|
| | | | Đặc biệt | Thượng hạng | Hạng 1 | Hạng 2 | Hạng 3 |
| 1 | Nitơ toàn phần | g/l | 40 | 35 | 30 | 25 | 20 |
| 2 | Tỷ lệ Ni-tơ axit amin so với nitơ toàn phần | % | ≥ 55 | | ≥ 45 | | |
| 3 | Tỷ lệ nitơ amôniac so với nitơ toàn phần | % | 14 | | 15 | | |
| 4 | Axit axêtic | % | ≥ 12 | | | | |
| 5 | Muối (NaCl) | g/l | 250 ≤ x ≤ 295 | | | | |
| 6 | Histamin | mg/l | ≤ 200 | | | | |
| 7 | Dư lượng Chì | mg/l | ≤ 0,5 | | | | |

3.2.1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật

Bảng 2

| TT | Tên chỉ tiêu | Mức tối đa cho phép |
|----|--|---------------------|
| 1 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí, tính theo số khuẩn lạc trong 1ml | 10 ⁴ |
| 2 | Coliforms, tính theo số khuẩn lạc trong 1ml | 10 |
| 3 | Clostridium porfringgens, tính theo số khuẩn lạc trong 1ml | 0 |
| 4 | Escherichia coli, tính theo số khuẩn lạc trong 1ml | 0 |
| 5 | Staphylococcus aureus, tính theo số khuẩn lạc trong 1ml | 0 |
| 6 | Tổng số nấm men và nấm mốc, tính theo số khuẩn lạc trong 1ml | 10 |

3.2.2. Nguyên liệu thô (cá cơm)

- Nguyên liệu được dùng để chế biến nước mắm Phú Quốc chỉ là giống cá cơm (Stolephorus) thuộc họ cá Trống (Hình 1). Loại cá này có độ đậm cao (36gN/kg) tạo ra hương vị đặc trưng và chất lượng cao cho nước mắm. Việc đánh bắt cá truyền thống bắt đầu vào mùa mưa hằng năm vì một lượng cá cơm lớn tập trung ở vùng biển xung quanh đảo Phú Quốc để ẩn náu và tìm thức ăn. Bùn được mang đến từ sông Mê Kông khiến cho vùng biển này trở thành môi trường lý tưởng của cá cơm và nó cũng thời điểm lý tưởng nhất cho những nhà sản xuất bắt đầu chu kỳ sản xuất mới của họ.
- Cá cơm dùng để sản xuất nước mắm Phú Quốc được đánh bắt trong lãnh hải thuộc hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau, thuộc Vịnh Thái Lan (nhìn trên bản đồ có thể thấy là nếu lấy mũi Cà Mau làm mốc thì khu vực đánh bắt này nằm ở vùng biển phía Tây của Việt Nam).



Hình 1



Hình 2

Do đặc điểm của khu vực đánh bắt này, cá cơm ở đây có đặc điểm là to và béo hơn cá cơm đánh bắt tại các khu vực khác như Bà Rịa – Vũng Tàu, Nha Trang và Vịnh Bắc Bộ. Do đó, việc sử dụng cá cơm đánh bắt tại khu vực này để làm nước mắm sẽ có độ đậm cao hơn và ổn định về màu sắc, hương vị và đặc trưng mà không loại nước mắm nào của Việt Nam có được.

18. Đặc điểm của khu vực đánh bắt này là vùng biển tương đối yên tĩnh, không quá sâu do nằm trong Vịnh Thái Lan, có độ mặn thấp hơn so với các vùng biển nêu trên đồng thời cũng rất giàu môi sinh (thức ăn cho cá), do có nhiều sông từ Việt Nam và phía Campuchia đổ vào. Vì vậy đây là khu vực lý tưởng cho cá cơm ẩn nấp và tìm thức ăn. Thời điểm đánh bắt cá là đầu mùa mưa trùng với giai đoạn cá cơm trưởng thành và tập trung nhiều trong vùng đánh bắt để ẩn náu và tìm thức ăn nên không những đánh bắt được nhiều mà cá cơm lại to và béo.
19. Quy trình truyền thống bắt đầu bằng việc kéo lưới của những người đánh cá. Cá đánh bắt được sẽ được đưa vào thuyền, người đánh bắt sẽ phân loại cá cơm bằng phương pháp thủ công vì có thể lẫn với các loại cá khác (Hình 2). Vì vậy việc đánh bắt cá truyền thống phải đảm bảo độ nguyên chất của cá sao cho tỷ lệ lẫn các loại khác không vượt quá 15%.

Bảng 3

Thành phần hoá học ở một số loài cá

| Loại cá | Đạm cá tươi (g/kg) | Protid (%) | Nước (%) |
|--|--------------------|------------|----------|
| 1. Cá cơm Phú Quốc (than, sọc tiêu) | 36°N | 22,50 | 74 – 75 |
| 2. Trích, ve, nục | 34°N | 21,00 | 70 – 72 |
| 3. Nục mỏng, linh, liệt thịt, xô tạp ... | 32°N | 20,00 | 71 – 74 |
| 4. Cơm DH, VL, trích non, linh già, tạp | 30°N | 18,50 | 75 – 77 |
| 5. Linh lớn, cá bò, liệt ĐT ... | 26 - 28°N | 16 – 17,50 | 75 – 80 |
| 6. Linh non (đầu vụ), ruốc, cơm mềm | 21 - 23°N | 13 – 14,50 | 80 – 85 |

20. Cá cơm được ướp muối (NaCl). Muối là thành phần bổ sung và là chất tác nhân hỗ trợ quá trình bảo quản và lên men tự nhiên của cá.

Để đáp ứng yêu cầu của một số thị trường, trong thành phần nước mắm Phú Quốc có thêm đường với tỷ lệ 0.5%-1.5%, điều này không ảnh hưởng đến tính chất của nước mắm.

3.2.3. Thùng

21. Trong suốt quá trình chế biến từ đưa nguyên liệu thô vào cho đến khi kết thúc cá muối thông thường sẽ được chứa trong thùng chứa cố định, mỗi thùng có sức chứa từ 12 - 15 tấn cá muối.

22. Thùng chượp có hình trụ, được làm bằng gỗ của những loại cây điển hình có ở đảo Phú Quốc như: hộ phát, chay, bời lời, dền dền được lấy từ những cây gỗ có tuổi đời hàng trăm năm tuổi và không chịu sự xâm thực của các côn trùng, mối, mọt. Loại gỗ này có độ giãn nở, bền chắc, chịu được nước mặn tốt, có tính cách nhiệt và không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước mắm.

23. Để sản xuất thùng chứa, những tấm gỗ được xẻ có độ dày khoảng 25 cm, được phơi thật khô và ghép lại với nhau bằng các chốt cây (Hình 4 đến Hình 6). Sau đó, dùng những sợi dây đai làm bằng mây (bền, chắc, không co giãn theo điều kiện môi trường) để buộc chắc và giữ chặt thùng chứa (Hình 7 đến 11).

24. Phía dưới thùng có lỗ lù để kéo rút nước mắm trong thùng chượp ủ. Đắp lù gồm 3 phần theo thứ tự:

- Phần tạo khoảng trống: vật liệu là niềng tỉnh, đá sạn (đá cuội), đá xanh, đá san hô hoặc bó tre đặt ngay phía trước lỗ lù, chèn sát vào vách thiết bị chứa.
- Phần ngăn cách: vật liệu lá bao, đệm, cà tăng, phên tre loại kín phủ kín phần vật liệu tạo khoảng trống.
- Phần tạo độ xốp: vật liệu là chổi rể, muối hạt loại cũ, chắc cứng, cho phủ muối hạt lên kín phần ngăn cách.

Gài nén: phía trên thùng chượp được đập phủ bằng một lớp đệm bang và lớp vạc cây nhum (loại cây không thấm nước chịu được lực đập, nén tốt).

25. Sau khi đã ràng thùng xong, thợ đưa vào xưởng chuẩn bị cho công đoạn bịt kín kễ.



Hình 4



Hình 5



Hình 6



Hình 7



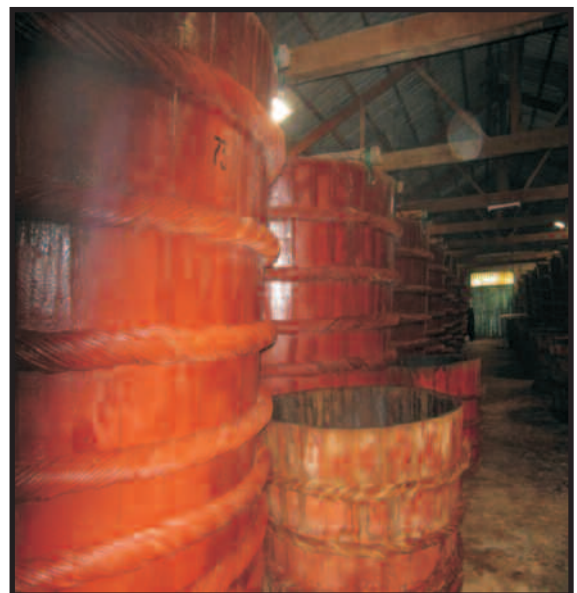
Hình 8



Hình 9



Hình 10



Hình 11

3.3. Tính chất đặc thù của sản phẩm

26. Theo như đăng bạ Việt Nam về nước mắm Phú Quốc, sản phẩm có những đặc tính sau đây:
- Màu sắc: nước mắm Phú Quốc có màu nâu đỏ (màu cánh dán đặc trưng) do được sản xuất bằng cá tươi và thời gian lên men tự nhiên là từ 12 đến 15 tháng (Hình 21).
 - Mùi: mùi thơm nhẹ rất đặc trưng, không có mùi tanh và mùi amoniắc do được sản xuất bằng cá tươi và thời gian lên men tự nhiên kéo dài. Do được lên men tự nhiên trong thùng gỗ trong thời gian dài nên nước mắm Phú Quốc hoàn toàn không có mùi lạ.
 - Vị: mặn, ngọt đậm, kèm theo vị béo tự nhiên. Có hậu vị ngọt béo của đạm tự nhiên và chất béo từ mỡ cá.
 - Độ đậm tối thiểu: 20gN/lít (Nước mắm long)
 - Độ đậm tối đa: 43gN/lít (Nước mắm nhĩ)

4. VÙNG ĐỊA LÝ

4.1. Tên gọi tự nhiên và hành chính của vùng địa lý

27. Phú Quốc là hòn đảo lớn nhất Việt Nam, nằm trong vịnh Thái Lan ở 103°29' – 104°09' kinh độ Tây và 9°48' – 10°26' vĩ độ Bắc.
28. Địa phận hành chính của tỉnh Kiên Giang bao gồm cả đảo Phú Quốc, quần đảo An Thới và đảo Thổ Châu. Huyện đảo giáp ranh với biên giới Campuchia, Thái Lan và vùng lãnh hải của Thái Lan.
29. Xuất xứ của sản phẩm cuối cùng (tức là nước mắm đã được đóng chai) được ghi nhận là đảo Phú Quốc nằm trong lãnh hải của Việt Nam thuộc hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau (Tài liệu bổ trợ số 3).

4.2. Bản đồ

30. Như đã trình bày rõ về địa phận của đảo Phú Quốc và vùng địa lý của nước mắm Phú Quốc, thể hiện ở bản đồ Tài liệu bổ trợ số 3 (vùng lãnh hải của Việt Nam thuộc tỉnh Kiên Giang và Cà Mau), Tài liệu bổ trợ số 4 (bản đồ Việt Nam), Tài liệu bổ trợ số 5 (bản đồ các tỉnh của Việt Nam) và Tài liệu bổ trợ số 6 (bản đồ đảo Phú Quốc).

5. MỐI LIÊN HỆ GIỮA SẢN PHẨM VÀ VÙNG ĐỊA LÝ

5.1. Yếu tố tự nhiên

5.1.1. Điều kiện khí hậu

31. Phú Quốc nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa kéo dài 8 tháng, từ tháng Tư đến tháng Mười một, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ cao và đều trong năm trung bình khoảng 27,5°C. Hầu như không có sự biến thiên qua các mùa, chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa tháng nóng nhất và lạnh nhất chỉ khoảng 2°C.
32. Giờ nắng nhiều khoảng 1445 giờ/năm, bình quân có 6-7 giờ nắng trong ngày. Độ ẩm không khí trung bình khá cao từ 84-85% và lượng mưa bình quân lớn khoảng trên 3000mm trong đó trên 90% lượng mưa tập trung vào mùa mưa.
33. Vùng chịu ảnh hưởng của hai loại gió mùa:
- Gió mùa Đông Bắc thịnh hành từ tháng Mười một đến tháng Tư năm sau (mùa khô), tốc độ

gió trung bình từ 2,8 – 4,0m/s.

- Gió mùa Tây Nam thịnh hành vào mùa mưa từ tháng Năm đến tháng Mười, tốc độ gió trung bình từ 3,0 – 5,1m/s. Gió mạnh thường xảy ra vào các tháng Sáu và tháng Bảy, đặc biệt vào tháng Tám vận tốc gió tuyệt đối lên đến 31,7m/s.

34. Nhiệt độ cao quanh năm. Hơn nữa, khí hậu có mối tương quan bù trừ giữa nhiệt độ và chế độ gió, mùa mưa nhiệt độ thấp nhưng lượng gió mạnh, mùa khô nhiệt độ cao nhưng lượng gió yếu hơn. Chính sự độc đáo về khí hậu này của Phú Quốc đã ảnh hưởng quyết định đến chất lượng sản phẩm nước mắm Phú Quốc vì số giờ nắng nhiều và ổn định ở vùng đảo này đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tự chín của cá, đưa lại cho sản phẩm nước mắm hương vị đặc trưng.

5.1.2. Điều kiện địa hình

35. Địa hình đảo Phú Quốc nhìn chung khá phức tạp bị chia cắt bởi nhiều sông, suối và đồi núi. Dãy Hàm Ninh là dãy núi lớn nhất, độ cao trung bình từ 300-500m.

36. Phú Quốc được chia thành hai vùng:

- Vùng Bắc đảo có dạng địa hình chủ yếu là đồi núi hình cánh cung từ Tây Bắc đến Đông Bắc che kín phía Tây Nam (Tài liệu bổ trợ số 6).
- Vùng Nam đảo là dạng đồi núi rải rác xen kẽ các đồng bằng hẹp có dốc độ trung bình 150 thấp dần về phía Tây và Tây Nam (Tài liệu bổ trợ số 6).

37. Chính dạng địa hình này đã làm cho các nhà sản xuất nước mắm phải lấy nước đưa vào sản xuất từ những giếng khoan sâu trên 100m. Độ pH tự nhiên của nước là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng tốt đến sự phân giải của cá trong sản xuất nước mắm vì ở độ pH này thích hợp cho sự phân giải của hệ men Pepsin, sự thủy phân của hệ men Tripsin.

5.1.2. Điều kiện về vùng biển

38. Như đã trình bày ở trên, đảo Phú Quốc được bao quanh bởi vùng biển mang những đặc tính riêng biệt nhờ vùng đồng bằng châu thổ sông Mêkông. Vùng châu thổ này tạo nên môi trường lý tưởng, có một không hai cho sự phát triển của cá cơm, là nguyên liệu chính để sản xuất nước mắm.

39. Vùng đảo này nằm trong vịnh Rạch Giá - Hà Tiên (thuộc vịnh Thái Lan), như đã đề cập đến ở trên, là nơi hợp lưu của nhiều con sông đi qua vùng đồng bằng châu thổ sông Mêkông và Biển Hồ của Campuchia chảy ra biển, mang theo nhiều phù sa và các chất hữu cơ tạo nên môi trường sống lý tưởng cho cá cơm và cá sòng, đưa lại cho cá ở đây chất lượng tốt hơn cá ở các vùng biển khác.

5.2. Yếu tố con người

40. Sản xuất nước mắm là nghề truyền thống của ngư dân ở Việt Nam hàng trăm năm nay. Hơn thế nữa, nước mắm trong một thời gian dài được coi là sản phẩm mang đậm văn hoá và truyền thống gắn liền với đảo Phú Quốc và cư dân ở đây.

41. Mỗi bước để làm ra nước mắm đều được làm thủ công, từ việc đánh bắt cá cho đến việc ủ chượp. Quy trình bắt đầu từ nghề đan lưới đánh cá bằng phương pháp thủ công là nghề truyền thống do phụ nữ đảm nhận (hình 12).

42. Ngày nay, những cư dân gốc ở đảo Phú Quốc kể lại rằng cha ông họ đã đi thuyền đến gần Campuchia để bán thứ nước mà những cư dân ở đảo, trong đó có cả gia đình họ đã làm từ cá cơm đã ủ chượp. Từ nhiều thập kỷ trước, nhiều gia đình đã rất phát đạt nhờ việc sản xuất và buôn bán thứ gia vị có mùi đặc biệt và giàu chất đạm này cho các gia đình ở khắp trên lãnh thổ Việt Nam. Nước cá muối, ở Việt Nam gọi là nước mắm là sản phẩm thiết yếu hàng ngày, trong đó, nước mắm Phú Quốc là loại được đánh giá cao nhất.
43. Để làm ra thứ nước chấm truyền thống này, các cư dân trên đảo ủ chượp cá cơm trong gần suốt một năm trong những thùng gỗ lớn để trong các nhà thùng tối, kỹ thuật này được xem là đã tạo nên một thứ chất lỏng quý giá với hương vị ưa thích và chất lượng hảo hạng cạnh tranh với những vùng khác ở Châu Á, những nơi mà quá trình ủ chượp của họ thường được tiến hành trong thời gian ngắn hơn.



Hình 12

5.3. Danh tiếng

44. Người Việt Nam luôn tự hào rằng họ có nhiều món ăn có mùi vị thơm ngon độc nhất vô nhị. Và trong bất kỳ một dịp lễ nào, họ cũng luôn chuẩn bị một bữa tiệc lớn với rất nhiều món ăn, và ở đó, bạn luôn tìm thấy hai món là cơm và nước mắm, tức là một bữa ăn được chuẩn bị công phu thì không thể thiếu hai món đặc biệt này.
45. Một trong những tài liệu rất cổ có đề cập đến nước mắm Phú Quốc là "*L'Industrie du Nuoc-Man en Indichine*" được xuất bản năm 1931 bởi *Intituts Pasteur D'Indochine trong Exposition Coloniale Internationale* ở Paris.
46. Tài liệu này giải thích về tầm quan trọng của sản phẩm nước chấm này đối với kinh tế địa phương, và đưa ra quan điểm là trong tương lai cần hỗ trợ sự thành lập và phát triển của Hội sản xuất để duy trì chất lượng và tăng số lượng sản phẩm trên thị trường (Tài liệu bổ trợ số 7).
47. Cách đây từ nhiều năm, nước mắm Phú Quốc đã trở thành loại nước chấm nổi tiếng trong bữa ăn truyền thống hàng ngày của người Việt Nam, được bảo hộ Tên gọi xuất xứ từ năm 2001 và lên đường xuất khẩu ra thị trường trên toàn thế giới. Nước mắm Phú Quốc thực chất đã được bảo hộ nhằm chống lại sự làm giả làm nhái từ năm 1998, kể từ khi Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp ký Bản ghi nhớ cam kết chống lại sự giả mạo Tên gọi xuất xứ được bảo hộ trên sản phẩm ở trong lãnh thổ của họ (Hình 13).



Hình 13

48. Sự tiêu thụ nước mắm đã phổ biến trên toàn thế giới và phổ biến trong các bữa ăn.⁴⁰ Như đã đề cập đến ở tạp chí San Francisco Chronicle (Tài liệu bổ trợ số 8) bếp trưởng đã gọi đó là thành phần “xúc tiến”, thứ mà người ta cần đến khi thức ăn của họ quá nhạt nhẽo hoặc cần phải có sự hoà trộn với nhau. Nước mắm, thứ chất lỏng có mùi đặc biệt, màu giống màu trà được coi là dầu thơm của các bữa ăn Á Đông đã xâm nhập vào cả bếp của người Phương Tây.⁴¹
49. Kể từ khi Tên gọi xuất xứ được chính thức công nhận bởi cơ quan Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2001, việc phát triển sản xuất ở Phú Quốc đã thu hút được nhiều nhà đầu tư, như Tập đoàn đa quốc gia Unilever Vietnam. Tập đoàn này đã tạo dựng những điều kiện thuận lợi trong quá trình sản xuất tuân thủ theo các quy định (Tài liệu bổ trợ số 9, FISTENET, “Nước mắm Phú Quốc trên đường xuất khẩu”, www.fistenet.gov.vn).

6. CÁC CÔNG ĐOẠN SẢN XUẤT NƯỚC MẮM PHÚ QUỐC

6.1. Đánh bắt cá và chuẩn bị nguyên liệu thô và sự tạt chín của cá ướp muối

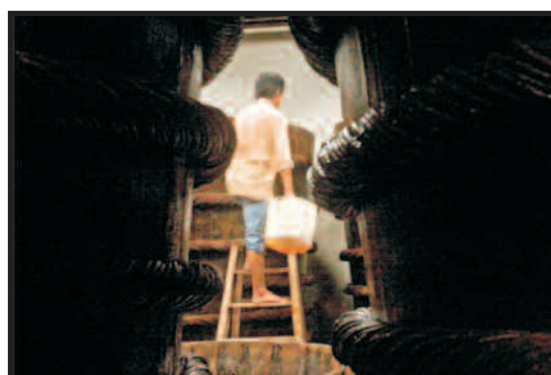
50. Quy trình sản xuất bắt đầu từ việc đánh bắt cá cơm, ngư dân sử dụng lưới đánh cá truyền thống với loại mắt lưới nhỏ (Hình 14). Ngay sau khi được khai thác bằng lưới bao (vây) hoặc màn đèn, cá được đưa lên boong tàu, rửa sạch bằng nước biển để loại bỏ các tạp chất và các loại cá khác lẫn vào. Sau đó cá tươi được muối ngay trên tàu trộn đều bằng một dụng cụ gỗ để tránh bị ôi. Tất cả các công đoạn trên đều thực hiện bằng tay.
51. Sau khi được trộn, cá cơm được bảo quản trong hầm tàu và rải đều một lớp muối, đậy kín và rút nước bổi ở đáy hầm cho vào thùng chứa.
52. Cá trộn muối sau khi được đưa về đất liền, đổ vào thùng chượp. Sau khi cho cá vào thùng, trong vòng 3-4 ngày, nước bổi được rút ra (Hình 16 và 17).



Hình 14



Hình 16



Hình 17

⁴⁰ “Secret Ingredient: Fish sauce adds distinction to cuisines far beyond Southeast Asia”, Janet Fletcher, Chronicle Staff Writer (San Francisco Chronicle). Thứ 4, ngày 27/4/2005

⁴¹ “Pleasure of Vietnamese Table”, Mai Pham. Harper Collins, 2001



Hình 18



Hình 19



Hình 20

53. Sau 3 đến 4 ngày, quy trình gài nén được thực hiện bằng các thanh chốt. Sau đó bơm nước bồi ngập trên bề mặt (Hình 18,19 và 20). Quá trình ướp muối cá diễn ra theo hai giai đoạn:

- Giai đoạn đầu tiên là sự bảo quản, phòng chống hư thối ở cá bằng muối với nồng độ thích hợp.
- Giai đoạn sau là sự tự chín của cá theo thời gian.

Quá trình tự chín như vậy được thực hiện trong suốt 12 đến 15 tháng trong thùng ở điều kiện tự nhiên của môi trường.

6.2. Kéo rút nước mắm

54. Sau khi cá chín, bắt đầu quá trình kéo rút nước mắm từ thùng chượp là bước cuối cùng của quy trình sản xuất (Hình 21).

55. Có các cấp độ khác nhau của quá trình kéo rút nước mắm:

- Kéo rút nước mắm cốt: khi nước trong thùng chượp chuyển sang màu nâu vàng và mùi thơm lan tỏa, đó là lúc chượp đã chín và có thể lấy nước mắm được. Mở lù cho nước mắm chảy từ từ ra thùng chứa cho đến hết, sau đó tháo vỉ ém bên trên đi, rửa sạch rồi gài nén lại, bơm nước đã rút ban đầu trở lại thùng. Cứ như thế trộn đều đến khi thấy nước mắm có màu vàng đỏ trong sáng, sánh nhưng không vẫn đục, ngửi có mùi thơm dịu, nếm có vị ngọt đậm đà của đậm rất đặc trưng là lúc có thể lấy được mắm cốt ra thùng thành phẩm.
- Kéo rút nước mắm long: hoà tan muối vào nước sạch đến bão hoà, bơm nước muối tuần hoàn qua các thùng chượp cá cũ (thùng đã rút nước mắm cốt) từ thùng có hàm lượng thấp đến cao, thu được nước mắm thành phẩm gọi là nước mắm long 1. Một hệ thống “que long” gồm khoảng 7 thùng chượp cá cũ. Thời gian cho một “que long” là 7-9 ngày. Quá trình này được lặp lại để thu nước mắm long 2, long 3. Sau đó chuyển nước mắm long sang các thùng chứa.



Hình 21

6.3. Đóng chai

56. Sau khi hoàn tất việc kéo rút nước mắm cốt và nước mắm long hoàn thành, tiến hành đóng chai nước mắm, quy trình bắt đầu bằng việc trộn lẫn nước mắm cốt và nước mắm long loại 1, 2, và 3 để có được nước mắm có độ đậm cần thiết. Theo đó, để được 20 lít nước mắm 35°N từ nước mắm cốt 40°N và nước mắm long 20°N thì phải trộn 15 lít nước mắm cốt 40°N với 5 lít nước mắm long 20°N.
57. Nước mắm được đóng chai theo các loại khác nhau ở chai nhựa hoặc chai thủy tinh.
58. Đóng chai nước mắm Phú Quốc chỉ được phép thực hiện trên đảo Phú Quốc nhằm đảm bảo chất lượng ổn định và đồng nhất. Lý do là chỉ có điều kiện khí hậu của đảo Phú Quốc và kinh nghiệm của các nhà sản xuất cùng với cá cơm đánh bắt trong khu vực này tạo nên loại nước mắm tuyệt hảo như vậy.



Hình 22



Hình 23

7. TỔ CHỨC KIỂM SOÁT

7.1. Kiểm tra và chứng nhận

- Yêu cầu về đóng chai, ghi nhãn và bảo quản sản phẩm
59. Sản phẩm nước mắm Phú Quốc phải đảm bảo theo TCN 230:2006 – Tiêu chuẩn Quy định về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm cho sản phẩm nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc, được đóng gói vào các dụng cụ chứa đựng kín dưới các hình thức có thể cung cấp đến người tiêu dùng.
 60. Nước mắm Phú Quốc phải được ghi nhãn theo Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hoá và các văn bản hướng dẫn khác. Cụ thể trên nhãn ít nhất phải có các thông tin sau:
 - Tên sản phẩm và Tên gọi xuất xứ - “Nước mắm Phú Quốc”; đối với sản phẩm xuất khẩu: “Phú Quốc extract of fish - PDO”;
 - Tên và địa chỉ của cơ sở đóng gói, tên và địa chỉ cơ sở chế biến; xuất xứ hàng hoá đối với sản phẩm xuất khẩu.

- Thành phần;
- Chỉ tiêu chất lượng (ghi đậm tổng số gN/l);
- Dung tích nước mắm (đơn vị: lít hoặc mililit);
- Ngày đóng gói, thời hạn sử dụng;
- Hướng dẫn bảo quản, sử dụng;
- Mã số lô hàng;
- Thông tin cảnh báo vệ sinh an toàn.

61. Nước mắm đã đóng chai được bảo quản trong nhà có mái che ở điều kiện tự nhiên của môi trường.

7.2. Kiểm soát chất lượng sản phẩm

62. Để đảm bảo về nguồn gốc nước mắm, và chứng nhận chất lượng sản phẩm, Hội nước mắm Phú Quốc với thành viên là 88 cơ sở sản xuất đã tiến hành xây dựng Bản mô tả sản phẩm Nước mắm Phú Quốc ngày 19/10/2005 và thành lập Ban kiểm soát nội bộ để kiểm tra việc tuân thủ Bản mô tả nói trên. (Tài liệu bổ trợ số 10 “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tên gọi xuất xứ Nước mắm Phú Quốc”). Bản mô tả sản phẩm bao gồm các thông tin về:

- Định nghĩa sản phẩm;
- Khoanh vùng địa lý;
- Các đặc trưng của nước mắm Phú Quốc;
- Mối liên hệ giữa vùng địa lý và chất lượng sản phẩm;
- Các công đoạn chi tiết của quá trình chế biến ;
- Bằng chứng về danh tiếng của sản phẩm;
- Các thông tin về chứng nhận và kiểm soát sản phẩm

63. Ban kiểm soát bao gồm 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên của Sở Thủy sản, 1 thành viên của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 3 thành viên là những người hiểu biết về quy trình sản xuất nước mắm Phú Quốc được trả lương theo hợp đồng và không liên quan đến lợi ích của bất cứ cơ sở sản xuất nào. Ban Kiểm soát nói trên phối hợp với Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng của Sở Khoa học và Công nghệ Kiên Giang tiến hành việc kiểm soát chất lượng thường xuyên đối với sản phẩm nước mắm Phú Quốc và trên cơ sở đó báo cáo với Hội Nước mắm Phú Quốc.

64. Sau khi cá được đánh vớt, Ban kiểm soát sẽ kiểm tra xem cá còn tươi và đạt chất lượng theo đúng như yêu cầu hay không. Kết quả kiểm tra sẽ được ghi lại bằng biên bản với các thông số cụ thể như: số tàu, ngày giờ tàu đến, cá được đổ vào thùng số mấy, của doanh nghiệp nào, số lượng cá bao nhiêu.

65. Quy trình kiểm tra sẽ được tiếp tục đối với các khâu ủ chượp, kéo rút nước mắm, đến thành phẩm cuối cùng và việc đóng chai, dán nhãn. Mẫu sản phẩm sẽ được gửi đến Trung tâm Kiểm tra chất lượng và vệ sinh thực phẩm (Naviquacen) thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn để kiểm tra mức độ an toàn thực phẩm và xác minh đảm bảo chất lượng (Tài liệu bổ trợ số 11 - Bản sao Báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm soát).

66. Dựa vào độ đậm của nước mắm, Ban Kiểm soát có thể kết luận cơ sở sản xuất thành viên có tuân thủ các tiêu chuẩn của Bản mô tả sản phẩm hay không, nếu phát hiện có vi phạm, Ban Kiểm soát

sẽ đề nghị các hình thức xử lý theo các mức độ khác nhau:

- Lô hàng vi phạm sẽ không được phép dán nhãn mang tên gọi nước mắm Phú Quốc
 - Khai trừ cơ sở sản xuất khỏi Hội nước mắm Phú Quốc, tước quyền sử dụng tên gọi xuất xứ.
67. Và theo Điều 11 của Quy chế, để Kiểm soát việc tuân thủ theo Bản mô tả sản phẩm, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã công nhận Ban Kiểm soát Tên gọi xuất xứ nước mắm Phú Quốc nói đến ở trên có thẩm quyền thẩm tra sự tuân thủ Bản mô tả sản phẩm trước khi sản phẩm được đưa ra thị trường theo Tiêu chuẩn của Hướng dẫn 65 về ISO/IEC, và đưa ra những đề nghị phù hợp đảm bảo tính khách quan, công bằng và chủ động sử dụng nhân lực và nguồn lực để thực hiện chức năng của mình (Tài liệu bổ trợ số 12, Chứng nhận của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang về Tổ chức kiểm soát theo Điều 11 của Quy chế).

8. DẤU HIỆU PHÂN BIỆT CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

68. Việc sử dụng tên gọi xuất xứ nước mắm Phú Quốc phải tuân thủ các quy định về dán nhãn và đóng gói sản phẩm. Theo đó, Hội nước mắm Phú Quốc sẽ đưa ra các giải pháp thống nhất về dán nhãn và đóng gói sản phẩm và hướng dẫn các thành viên sử dụng dấu hiệu “PDO” (tên gọi xuất xứ) được xem là dấu hiệu đặc trưng của nhãn.
69. Chỉ những cơ sở sản xuất nào được chứng nhận là đáp ứng yêu cầu của tổ chức kiểm soát mới được sử dụng logo nói trên.

TÀI LIỆU BỔ TRỢ

Tài liệu bổ trợ số 1

Điều lệ Hội nước mắm Phú Quốc

Tài liệu bổ trợ số 2

Quyết định của Ủy ban huyện Phú Quốc về việc chấp nhận

“Điều lệ Hội nước mắm Phú Quốc”

Tài liệu bổ trợ số 3

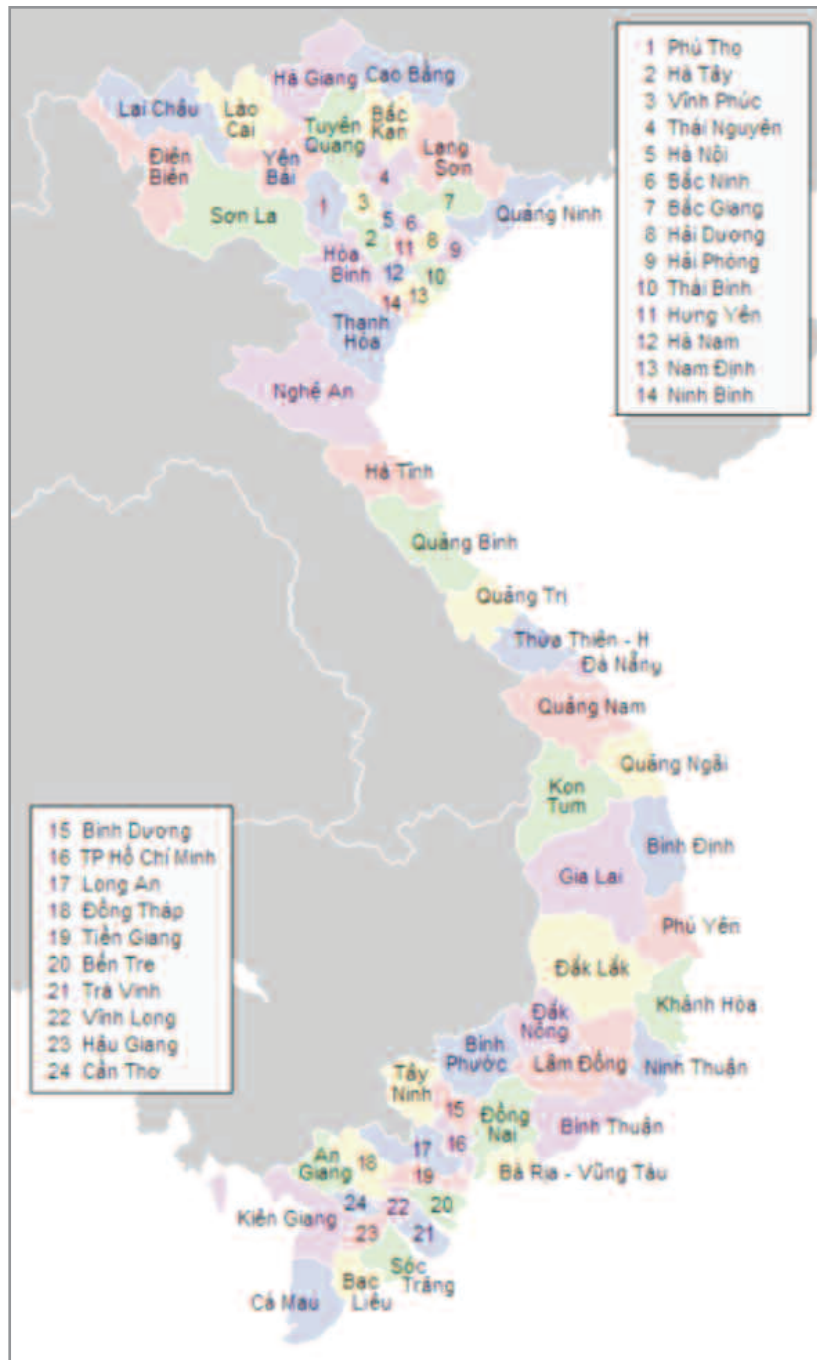
Bản đồ vùng biển Kiên Giang, Cà Mau, Vũng Tàu

Tài liệu bổ trợ số 4

VIỆT NAM



Tài liệu bổ trợ số 5
 Các tỉnh thuộc Việt Nam



Tài liệu bổ trợ số 6
Đảo Phú Quốc



Tài liệu bổ trợ số 7

“L’Industrie du Nuoc-Man en Indochine”, Intituts Pasteur D’Indochine, Exposition Coloniale Internationale, Pairs, 1931.”

Tài liệu bổ trợ số 8

“Bí quyết: Nước mắm tăng thêm nét độc đáo trong nấu nướng của người châu Á”, Janet Fletcher, Mục tin San Francisco, Thứ 4, ngày 27/4/2005

Tài liệu bổ trợ số 9

Fistenet “Nước mắm Phú Quốc trên đường ra thị trường nước ngoài”, www.fistenet.gov.vn

Tài liệu bổ trợ số 10

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tên gọi xuất xứ Nước mắm Phú Quốc

Tài liệu bổ trợ số 11

Báo cáo kiểm tra của Ban kiểm soát (Bản sao)

PHÒNG KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG THỰC PHẨM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

QUATEST 3
KTS-72091P7

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

04/07/2007
Trang 01/01

1. Tên mẫu: NƯỚC MẮM
2. Mô tả mẫu: Mẫu dạng dung dịch màu nâu vàng, mùi thơm nồng, đặc trưng của nước mắm, không nhân hóa, không thêm phụ gia.
3. Số lượng mẫu: 02 (01 L/mẫu)
4. Ngày nhận mẫu: 19/06/2007
5. Thời gian thử nghiệm: 19/06/2007 - 04/07/2007
6. Nơi gửi mẫu: ĐVTN HẢI SẢN KHẢI HOÀN HÙNG VƯƠNG, KP L PHÚ QUỐC, KIẾN GIANG
7. Kết quả thử nghiệm:

| Tên chỉ tiêu | Phương pháp thử | Kết quả thử nghiệm | |
|---|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | KH U1 | KH U2 |
| 7.1. Hàm lượng nitơ tổng, g/L | TCVN 3795: 1990 | 44,5 | 40,0 |
| 7.2. Tỷ lệ nitơ/acid aminơ/ nitơ tổng, % | TCVN 3107: 2003 | 58 | 57 |
| 7.3. Tỷ lệ nitơ/acid aminơ/ acid aminơ tự do, % | TCVN 3107: 2003 | 12 | 12 |
| 7.4. Hàm lượng acid theo acid acetic, g/L | TCVN 3702: 1990 | 15,1 | 13,1 |
| 7.5. Hàm lượng acid theo acid acetic, g/L | TCVN 3701: 1990 | 253 | 274 |
| 7.6. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/ml | TCVN 5287: 1994 | 1,1 x 10 ⁵ | 7,0 x 10 ⁵ |
| 7.7. Coliforms, CFU/ml | TCVN 5287: 1994 | Không phát hiện | Không phát hiện |
| 7.8. E. Coli, cfu/ml | TCVN 5287: 1994 | Không phát hiện | Không phát hiện |
| 7.9. Staphylococcus aureus, CFU/ml | TCVN 4430-1: 2005 | Không phát hiện | Không phát hiện |
| 7.10. Clostridium perfringens, CFU/ml | TCVN 4991: 2002 | 1,0 x 10 ⁵ | Không phát hiện |
| 7.11. Tổng số nấm men, CFU/ml | TCVN 5166: 1990 | Không phát hiện | Không phát hiện |
| 7.12. Tổng số nấm mốc, CFU/ml | TCVN 3166: 1990 | Không phát hiện | 1,0 x 10 ⁵ |

KT. TRƯỞNG PHÒNG THỰC PHẨM
PHÒNG THỰC PHẨM
PHAN THÀNH TRUNG

KT. GIÁM ĐỐC PHÒNG GIÁM ĐỐC
ĐINH VĂN TRƯ

Tài liệu bổ trợ số 12

Chứng nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đối với Tổ chức kiểm soát theo điều 11 của Quy chế

Tài liệu bổ trợ số 14

Tiêu chuẩn ngành số 28 TCN 230:2006

Tài liệu bổ trợ số 15

Nghị định 89/2006-ND-CP ngày 30.08.2006

TÀI LIỆU DUY NHẤT⁴²

Quy chế Hội đồng (EC) số 510/2006 về
chỉ dẫn địa lý và chỉ dẫn nguồn gốc được bảo hộ cho nông sản và thực phẩm
“PHÚ QUỐC”

EC No: VN-PDO-0005-0788-26.08.2009

() Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ (X) Tên gọi xuất xứ được bảo hộ

1. TÊN GỌI ĐĂNG KÝ BẢO HỘ

“Phú Quốc”

2. QUỐC GIA

Việt Nam

3. MÔ TẢ NÔNG SẢN HOẶC THỰC PHẨM**3.1. Loại sản phẩm**

Nhóm 1.7. Cá sống, động vật thân mềm và giáp xác và các sản phẩm của nó

3.2. Mô tả sản phẩm mà tên gọi tại mục (1) được sử dụng

Nước mắm Phú Quốc là kết quả phân giải, thủy phân và sự tự chín ở thịt cá được thực hiện bởi các Enzim (men) phần lớn có trong nội tạng cá và sự lên men của vi khuẩn Clostridium chủ yếu trong điều kiện yếm khí ở nhiệt độ cao.

Các tính chất đặc thù chính của nước mắm Phú Quốc như sau:

- Màu sắc: nước mắm Phú Quốc có màu nâu đỏ sậm.
- Mùi: mùi thơm nhẹ rất đặc trưng, không có mùi tanh và mùi amoniắc do được sản xuất bằng cá tươi và thời gian lên men tự nhiên kéo dài. Do được lên men tự nhiên trong thùng gỗ trong thời gian dài nên nước mắm Phú Quốc hoàn toàn không có mùi lạ.
- Vị: mặn, ngọt đậm, kèm theo vị béo tự nhiên. Có hậu vị ngọt béo của đạm tự nhiên và chất béo từ mỡ cá.
- Độ đậm tối thiểu: 20gN/lít (Nước mắm long)
- Độ đậm tối đa: 43gN/lít (Nước mắm nhĩ)

Chỉ tiêu hoá học:

- Nitơ toàn phần (100%)(g/l):
 - + Đặc biệt: 40
 - + Thượng hạng: 35
 - + Hạng 1: 30
 - + Hạng 2: 25
 - + Hạng 3: 20
 - + Đặc biệt và thượng hạng:
- Tỷ lệ nitơ amôniac so với nitơ toàn phần (%)
 - + Đặc biệt và thượng hạng: 14
 - + Hạng 1,2,3: 15
- Axit axêtic (%): ≥ 12
- Muối (NaCl) (mg/l): $250 \leq x \leq 295$
- Dư lượng Chì (mg/l): $\leq 0,5$

3.3. Nguyên liệu thô (chỉ đối với các sản phẩm chế biến)

Nguyên liệu thô để sản xuất nước mắm Phú Quốc chỉ là cá (cá cơm). Cá cơm được dùng để sản xuất nước mắm Phú Quốc được đánh bắt trong lãnh hải thuộc hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau, thuộc Vịnh Thái Lan (nhìn trên bản đồ có thể thấy là nếu lấy mũi Cà Mau làm mốc thì khu vực đánh bắt này nằm ở vùng biển phía Tây của Việt Nam).

Quy trình truyền thống bắt đầu bằng việc kéo lưới của những người đánh cá. Cá đánh bắt được sẽ được đưa vào thuyền, người đánh bắt sẽ phân loại cá cơm bằng phương pháp thủ công vì có thể lẫn với các loại cá khác. Vì vậy việc đánh bắt cá truyền thống phải đảm bảo độ nguyên chất của cá sao cho tỷ lệ lẫn các loại khác không vượt quá 15%.

⁴² “Tài liệu duy nhất” hay còn được gọi là “Bản tóm tắt” trong Tài liệu này.

Muối (NaCl) – chất cho thêm/bổ sung được thêm vào cá.

Để đáp ứng yêu cầu của một số thị trường, trong thành phần nước mắm có thêm đường với tỷ lệ 0.5%-1.5%, điều này không ảnh hưởng đến tính chất của nước mắm.

3.4. Chăn nuôi (chỉ đối với các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật)

3.5. Các công đoạn chế biến cụ thể được thực hiện trong khu vực địa lý xác định

Quy trình chế biến nước mắm Phú Quốc phải được thực hiện trong khu vực địa lý bao gồm:

- đánh bắt cá và chuẩn bị nguyên liệu thô: Cá còm được khai thác bằng lưới bao (vây) hoặc màn đèn đưa lên boong tàu rửa sạch bằng nước biển sạch, loại bỏ tạp chất và các loại cá khác, sau đó được trộn ngay với muối khi cá còn tươi. Sau đó cá được bảo quản trong hầm tàu và rải đều một lớp muối trên bề mặt. Đậy kín nắp hầm và rút nước bốc ở đáy hầm cho vào thùng chứa để đưa về cơ sở sản xuất nước mắm.
- Sự tự chín của cá ướp muối: cá trộn muối sau khi đưa về đất liền, đổ vào thùng chượp. Sau khi cho cá vào thùng, trong vòng 3-4 ngày, nước bốc được rút ra. Sau 3 đến 4 ngày, quy trình gài nén được thực hiện bằng các thanh chốt. Sau đó bơm nước bốc ngập trên bề mặt. Quá trình tự chín như vậy được thực hiện trong suốt 12 đến 15 tháng trong thùng ở điều kiện tự nhiên của môi trường.
- Kéo rút nước mắm: sau khi cá chín, bắt đầu quy trình kéo rút nước mắm từ thùng chượp là bước cuối cùng của quy trình sản xuất. Có các cấp độ khác nhau của quá trình kéo rút nước mắm: kéo rút nước mắm cốt và kéo rút nước mắm long. Kéo rút nước mắm cốt: khi nước trong thùng chượp chuyển sang màu nâu vàng và mùi thơm lan tỏa, đó là lúc chượp chín và có thể lấy mắm được. Mở lú cho nước mắm chảy từ từ ra thùng chứa cho đến hết, sau đó tháo vỉ ém trên đi, rửa sạch rồi gài nén lại, bơm nước đã rút ban đầu trở lại thùng. Cứ như thế trộn đều đến khi thấy nước mắm có màu vàng đỏ trong sáng, sánh nhưng không vẩn đục, ngửi có mùi thơm dịu, miếng có vị ngọt đậm đà của đậm đặc trưng là lúc

có thể lấy được mắm cốt ra thùng thành phẩm. Kéo rút nước mắm long: hòa tan muối vào nước sạch đến bão hòa, bơm nước muối tuần hoàn qua các thùng chượp cũ (thùng đã rút nước mắm cốt) từ thùng có hàm lượng thấp đến cao, thu được nước mắm thành phẩm gọi là nước mắm long 1. Quá trình kéo rút nước mắm long 1 được thực hiện qua hệ thống bao gồm 7 thùng chượp cá cũ được gọi là “que long”. Thời gian cho một “que long” là 7-9 ngày. Quá trình này được lặp lại để thu nước mắm long 2, long 3. Sau đó chuyển nước mắm long sang các thùng chứa.

3.6. Các quy tắc đóng gói cụ thể

Sản phẩm nước mắm Phú Quốc phải đảm bảo theo TCN 230:2006 – Tiêu chuẩn Quy định về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm cho sản phẩm nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc, được đóng gói vào các dụng cụ chứa đựng kín làm bằng nhựa hoặc thủy tinh dưới các hình thức có thể cung cấp đến người tiêu dùng. Nước mắm đã đóng chai được bảo quản trong nhà có mái che ở điều kiện tự nhiên của môi trường.

Đóng chai nước mắm Phú Quốc chỉ được phép thực hiện trên đảo Phú Quốc nhằm đảm bảo chất lượng ổn định và đồng nhất. Lý do là chỉ có điều kiện khí hậu của đảo Phú Quốc và kinh nghiệm của các nhà sản xuất cùng với cá còm đánh bắt trong khu vực này tạo nên loại nước mắm tuyệt hảo như vậy.

Sau khi việc kéo rút nước mắm cốt và nước mắm long hoàn thành, tiến hành đóng chai nước mắm, quy trình bắt đầu bằng việc trộn lẫn nước mắm cốt và nước mắm long loại 1,2, và 3 để có được nước mắm có độ đậm cần thiết. Theo đó, để được 20 lít nước mắm 35°N từ nước mắm cốt 40°N và nước mắm long 20°N thì phải trộn 14 lít nước mắm cốt 40°N với 5 lít nước mắm long 20°N.

3.7. Các quy tắc gắn nhãn cụ thể

Trên nhãn ít nhất phải có các thông tin sau:

- Tên hàng hoá và Tên gọi xuất xứ - “Nước mắm Phú Quốc”; đối với sản phẩm xuất khẩu: “Phú Quốc Extract of fish -PDO”;
- Tên và địa chỉ của cơ sở đóng gói, tên và địa chỉ

- ơ sở chế biến;
- Thành phần;
- Chỉ tiêu chất lượng (ghi đậm tổng số gN/l);
- Dung tích nước mắm (đơn vị: lít hoặc mililit);
- Ngày đóng chai, thời hạn sử dụng;
- Hướng dẫn bảo quản, sử dụng;
- Mã số lô hàng;
- Thông tin cảnh báo vệ sinh an toàn

4. ĐỊNH NGHĨA CỤ THỂ VỀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Khu vực địa lý là Đảo Phú Quốc, là đảo lớn nhất của Việt Nam, nằm trong vịnh Thái Lan ở 103°29' – 104°09' kinh độ Đông và 9°48' – 10°26' vĩ độ Bắc và lãnh hải của Việt Nam thuộc hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau.

5. MỐI LIÊN HỆ VỚI KHU VỰC ĐỊA LÝ

5.1. Điều kiện địa lý

- Điều kiện khí hậu

Nhiệt độ cao quanh năm và ổn định với nhiệt độ trung bình khoảng 27.5°C. Do đó, hầu như không có sự biến thiên qua các mùa, chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa các tháng nóng nhất và lạnh nhất chỉ khoảng 2°C. Giờ nắng nhiều, khoảng 1445 giờ/năm, bình quân có 6-7 giờ nắng trong ngày. Hơn nữa, khí hậu có mối tương quan bù trừ giữa nhiệt độ và chế độ gió, mùa mưa nhiệt độ thấp nhưng lượng gió mạnh (3,0-5,1m/s), mùa khô nhiệt độ cao nhưng lượng gió yếu hơn (2,8-4,0m/s). Chính sự độc đáo về khí hậu này của Phú Quốc đã ảnh hưởng quyết định đến chất lượng sản phẩm nước mắm Phú Quốc vì số giờ nắng nhiều và ổn định ở vùng đảo này đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tự chín của cá, đưa lại cho sản phẩm nước mắm hương vị đặc trưng.

- Điều kiện về vùng biển

Vùng đảo Phú Quốc nằm trong vịnh Rạch Giá – Hà Tiên (thuộc vịnh Thái Lan), là nơi hợp lưu của nhiều con sông đi qua vùng đồng bằng châu thổ sông Mêkông và Biển Hồ của Campuchia chảy ra biển, mang theo nhiều phù sa và các chất hữu cơ tạo nên môi trường sống lý tưởng cho cá cơm và cá sòng, đưa lại cho cá ở đây chất lượng

tốt hơn (to hơn và béo hơn) cá ở các vùng biển khác.

- Yếu tố con người

Mỗi công đoạn để làm ra nước mắm đều được làm thủ công, từ việc đánh bắt cá cho đến việc ủ chượp. Để làm ra thứ nước chấm truyền thống này, các cư dân trên đảo ủ chượp cá cơm trong gần suốt một năm trong những thùng gỗ lớn để trong các nhà thùng tối, kỹ thuật này được xem là đã tạo nên một thứ chất lỏng quý giá với hương vị ưa thích và chất lượng hảo hạng cạnh tranh với những vùng khác ở Châu Á, những nơi mà quá trình ủ chượp của họ thường được tiến hành trong thời gian ngắn hơn.

5.2. Tính đặc thù của sản phẩm

Nước mắm Phú Quốc có tính chất đặc thù khác với các loại nước mắm khác như nước mắm Phan Thiết, nước mắm Cát Hải hoặc bất kỳ loại nước mắm nào khác ở Việt nam với màu nâu đỏ đậm, mùi vị đặc trưng, không có mùi tanh mà mùi amôniac, vị mặn, ngọt đậm kèm theo vị béo tự nhiên, có hậu vị ngọt béo của đậm tự nhiên và chất béo từ mỡ cá.

5.3. Mối liên hệ giữa khu vực địa lý và chất lượng hoặc đặc tính của sản phẩm (đối với PDO) hoặc tính chất đặc thù, danh tiếng hoặc các đặc tính khác của sản phẩm (đối với PGI)

Cá cơm dùng để làm nước mắm Phú Quốc được đánh bắt tại khu vực lãnh hải của hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau thuộc vịnh Thái Lan (nhìn trên bản đồ có thể thấy là nếu lấy mũi Cà Mau làm mốc thì khu vực đánh bắt này nằm ở vùng biển phía Tây của Việt Nam). Do đặc điểm của khu vực đánh bắt này, cá cơm ở đây có đặc điểm là to và béo hơn cá cơm đánh bắt tại các khu vực khác như Bà Rịa – Vũng Tàu, Nha Trang và Vịnh Bắc Bộ. Do đó, việc sử dụng cá cơm đánh bắt tại khu vực này để làm nước mắm sẽ có độ đậm cao hơn và ổn định về màu sắc, hương vị và đặc trưng mà không loại nước mắm nào của Việt Nam có được. Đặc điểm của khu vực đánh bắt này là vùng biển tương đối yên tĩnh, không quá sâu do nằm trong Vịnh Thái Lan, có độ mặn thấp hơn so với các vùng biển nêu trên đồng thời cũng rất giàu môi sinh (thức ăn cho cá), do có nhiều sông từ Việt Nam và phía Campuchia đổ vào. Vì vậy

đây là khu vực lý tưởng cho cá cơm ẩn nấp và tìm thức ăn. Thời điểm đánh bắt cá là đầu mùa mưa trùng với giai đoạn cá cơm trưởng thành và tập trung nhiều trong vùng đánh bắt để ẩn náu và tìm thức ăn nên không những đánh bắt được nhiều mà cá cơm lại to và béo.

Quy trình sản xuất bắt đầu từ việc đánh bắt cá cơm, ngư dân sử dụng lưới đánh cá truyền thống với loại mắt lưới nhỏ. Ngay sau khi được khai thác bằng lưới bao (vây) hoặc màn đèn, cá được đưa lên boong tàu, rửa sạch bằng nước biển để loại bỏ các tạp chất và các loại cá khác lẫn vào. Sau đó cá tươi được muối ngay trên tàu trộn đều bằng một dụng cụ gỗ để tránh bị ôi. Tất cả các công đoạn trên đều thực hiện bằng tay.

Trong suốt quá trình chế biến từ đưa nguyên liệu thô vào cho đến khi kết thúc cá muối thông

thường sẽ được chứa trong thùng chứa cố định.

Thùng chượp có hình trụ, được làm bằng gỗ của những loại cây điển hình có ở đảo Phú Quốc như: hộ phát, chay, bời lời, dên dên được lấy từ những cây gỗ có tuổi đời hàng trăm năm tuổi và không chịu sự xâm thực của các côn trùng, mối, mọt. Loại gỗ này có độ giãn nở, bền chắc, chịu được nước mặn tốt, có tính cách nhiệt và không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước mắm.

Hơn nữa, phương pháp sản xuất truyền thống của địa phương cũng là một trong những yếu tố tạo nên chất lượng đặc thù của nước mắm Phú Quốc.

Các điều kiện khí hậu của đảo Phú Quốc, kinh nghiệm của các nhà sản xuất kết hợp với tính chất của cá cơm được đánh bắt tại khu vực đã tạo nên loại nước mắm tuyệt vời này.



**DỰ ÁN HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI
VÀ ĐẦU TƯ CỦA CHÂU ÂU (EU-MUTRAP)**

Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84-4-3937 8472 - Fax: 84-4-3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn